



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Thánh Thanh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Hồ Bích Hợp**

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:**

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Điều Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **NHƠN QUẢ** (Điều Ngự Từ Tín Nghĩa), trang 8
- ◆ **NHÂN QUẢ BÓNG MÂY** (thơ Ân Kiên), trang 10
- ◆ **NHỮNG CÁNH HOA RƠI** (Thích Như Điển), trang 12
- ◆ **BÀI CA KÍNH NGƯỠNG** (thơ Nguyễn Lương Vy), trang 15
- ◆ **HÌNH ẢNH LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỒ SỰ LẦN 9 & ĐẠI TƯỚNG HT THÍCH MINH TÂM**, trang 16
- ◆ **TỪ TRIẾT LÝ ĐẾN TÍN NGƯỠNG CỦA PHÁP NIỆM PHẬT** (Thích Đức Trí), trang 20
- ◆ **AYLAN OI** (thơ Hoang Phong), trang 24
- ◆ **THIÊN THẦN NGŨ TRÊN CÁT** (thơ Huệ Trân), trang 25
- ◆ **CON NGƯỜI MẠNH NHÁT** (Ns. Thích Nữ Trí Hải), trang 26
- ◆ **TÍNH CÁCH TÍCH CỰC CỦA TÁNH KHÔNG** (Nguyễn Thế Đăng), trang 28
- ◆ **ĐẤT THÂN NHIÊN** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 29
- ◆ **CHĂM LO MẸ** (thơ Tâm Thường Định), trang 31
- ◆ **PHÁP MÔN – Câu chuyện dưới cò** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ◆ **CHỈ VÌ VÔ MINH – Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ◆ **NGHE KINH, HỌC PHÁP – Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ◆ **THU VỀ** (thơ Lê Bảo Kỳ), trang 35
- ◆ **TỔNG QUAN VỀ PHẬT GIÁO ĐỜI NHÀ LÝ - tt** (Nguyễn Lang), trang 36
- ◆ **XÃ BUỒNG** (thơ Hoa Cát Phan Văn), trang 38
- ◆ **NHỮNG LÂU ĐÀI ĐIỂM ÀO** (Thiên Hạnh), trang 39
- ◆ **TÂM KHÔNG, KINH LÁ** (thơ Mặc Không Tử), trang 40
- ◆ **5 CÁCH THỰC HÀNH ĐỀ XOA DỊU CƠN GIẬN** (Bạch Xuân Phê), tr. 41
- ◆ **MAI SAU** (thơ Xuyên Trà), trang 42
- ◆ **HÀNH TRANG** (Hạnh Chi), trang 46
- ◆ **DẮNG NÚI, ĐI TỚI HIỆN TẠI** (thơ Tuệ Thiên Lê Bá Bôn), trang 47
- ◆ **THANH TỊNH TÂM, MỞ KHÔNG GIAN CHỖ TUỆ GIÁC** (Bhikkhu Bodhi - Nhật Tịnh dịch), trang 49
- ◆ **VÀNG HAY RẪN** (Thích Minh Chiêu), trang 50
- ◆ **ĂN CƠM, RỪA CHÉN** (thơ Chân Minh Trí), trang 50
- ◆ **HỘI CHUYÊN VIÊN PHẬT TỬ** (Nguyễn Giác), trang 51
- ◆ **PHẬT GIÁO VÀ VĂN HỌC** (HT. Tinh Vân - Nguyễn Phước Tâm dịch) tr. 53
- ◆ **NẤU CHAY: PUMKIN THÁI TART CHAY** (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ◆ **MUA ĐƯỢC PHẨM QUÀ INTERNET** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- ◆ **CÓ KHÔNG, CHỜ ĐỢI, KHOẢNG CÁCH** (thơ Kha Nguyệt) trang 59
- ◆ **VĂN KIM TRỌNG TẾ THỦY KIỆU** (Nguyễn Văn Sâm dịch & giới thiệu), trang 60
- ◆ **TRUYỆN NGẮN TRĂM CHỮ** (Steven N), trang 63
- ◆ **HÃY GỌI ĐI, ĐÒ SẼ TỚI** (Huệ Trân), trang 64
- ◆ **HÒN ĐÁ BÊN CÂY TÙNG** (Huyền Lam), trang 67
- ◆ **STORY OF SAKKA** (Daw Mya Tin), trang 69
- ◆ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 5** (Vĩnh Hào), trang 70
- ◆ **VÀI HỒI ỨC VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V** (Huỳnh Kim Quang) trang 72



Báo Chánh Pháp số 47, tháng 10 năm 2015, do ĐLHT. Thích Thắng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

KHÔNG TRANH

Cây bạch đàn là cây cao và có cành lá xum xuê nhất khu vực này. Tiếng chim kêu hót vang lừng mỗi sáng là từ trên những cành cao của cây này. Xa hơn, ở đầu đường, có hai cây cau dừa (cây cọ — palm tree), cao hơn cây bạch đàn nhiều, nhưng chim không làm tổ trên ấy (không hiểu vì sao; có lẽ vì cây quá cao, hoặc ở đó có nhiều tranh chấp, hiểm nguy hơn). Nơi cây bạch đàn, có ít nhất vài tổ chim, khác loại. Đúng là “đất lành chim đậu.”

Có lần nghe tiếng quạ kêu bất thường, tưởng là quạ đến đuổi phá các loài chim khác, nào ngờ quạ bị chim đuổi. Rõ ràng là hai con chim trắng, thân nhỏ, lại rượt đuổi mấy con quạ đen to gấp ba lần. Không chỉ đuổi khỏi cây bạch đàn, mà đuổi thật xa, tít trên không trung, nhào lộn ngoạn mục, đuổi khỏi khu vực, đuổi khuất tận dãy phố bên kia đường. Thế mới biết, quạ tuy thân to lớn, bộ dạng dữ dằn, tiếng kêu rùng rợn ma quái so với các loài chim hiền lành khác, mà khi lâm trận thì lại không có chút dũng khí hay tinh thần chiến đấu nào. Quạ chỉ giỏi tấn công những chú cừ non và những động vật yếu đuối không thể tự vệ; chúng sống như thế để giành nhau rúc rĩa các xác chết. Quạ nương bầy đàn để kiếm ăn, nhưng khi có quyền lợi thì chỉ biết tranh giành cho riêng mình; gặp nguy hiểm, chúng không đoàn kết, chỉ lo tự thoát thân.

Người minh triết sống không tranh.

Không tranh giành, tranh cãi, tranh luận, tranh chấp, tranh chiến, tranh đoạt, tranh đua; không tranh danh, tranh lợi, tranh tài, tranh công, tranh thế, tranh quyền...

Có chăng một chữ ‘tranh’ thì đó là tranh thủ thời gian và cơ hội để mang lại lợi ích và hạnh phúc cho người, cho đời.

Người không tranh là người khiêm nhường. Khiêm nhường chẳng phải là tự ti, cho rằng ai cũng hơn mình; mà chính là tự biết khả năng giới hạn của mình đối với sự vô hạn của đời sống.

(Khiêm nhường không phải là làm bộ tự hạ để kẻ khác nâng mình lên; không phải giả vờ thối lui để người ta đẩy mình ra trước; không phải đóng kịch tâng bốc người khác để họ đáp lại bằng sự ngợi ca mình gấp bội)

Khiêm nhường là đặt mình ra khỏi vòng thị-phi, tranh chấp; nhưng không từ chối trách nhiệm làm đẹp cuộc đời bằng những gì có thể làm được; và bằng những gì có thể làm được, kẻ khiêm nhường luôn gióc hết sức mình cho phúc lạc của số đông.

Trên con lộ nhỏ dẫn qua khu xóm, mấy con quạ giành nhau xác chết của một chú sóc. Nơi kia, giữa những cành lá bạch đàn lao xao trong gió, các chú chim non chưa rời tổ tiếp tục gọi mẹ đòi ăn, và những con chim hiền lành vẫn thản nhiên cất tiếng hót thanh tao đón chào bình minh mới.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NHẬT BẢN: Học sinh ngăn chặn hành vi trộm cắp bằng bản sao in 3D của những tượng Phật vô giá

Trong một nỗ lực nhằm ngăn chặn các vụ trộm cắp những tượng Phật có giá trị, một số nhóm tại Nhật đang chuyển sang việc in 3D để tạo ra những bản sao của các tượng của họ.

Các học sinh tại trường Trung học Kỹ thuật Wakayama đã dùng các máy quét 3D để tạo ra bản sao một tác phẩm điêu khắc thần Aizen Myoo cho một ngôi chùa địa phương. Phải mất 6 tháng các em mới hoàn tất mô hình để chuẩn bị cho việc tạo tác bản sao được in 3D.

Các học sinh đã và đang khuyến khích các chùa khắc trên khắp nước Nhật để tạo "những bản sao chép dự trữ" của các tượng Phật quý giá của họ. Các chùa đã bắt đầu nghe lời khuyên này.

Trụ trì chùa Jiangjin từng quan tâm về việc có thể xảy ra hành vi trộm cắp một pho tượng Phật A Di Đà có giá trị. Sau khi tìm hiểu về kỹ thuật in 3D, ông đã cho làm bản sao của tượng và trao pho tượng gốc cho một bảo tàng địa phương cất giữ cho an toàn.

Bảo tàng này cũng trưng bày bản sao in 3D của pho tượng nói trên để khách tham quan chiêm thị có thể sờ vào và cảm nhận được tượng, là điều không thể làm đối với tượng gốc được tôn trí trong khung kính.

(Lion's Roar – August 17, 2015)



Một tượng của Phật giáo in 3D do các học sinh trường Trung học Kỹ thuật Wakayama (Nhật Bản) tạo tác



Một tượng Phật được in 3D tại trường Đại học Seton Hill, PA, Hoa Kỳ

Photos: Lion's Roar

ẤN ĐỘ: Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo KJ Somaiya giới thiệu các khóa học tiếng Pali

Mumbai, Ấn Độ - Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo KJ Sami-aya, với mục đích trở thành một trung tâm hàng đầu về học tập và nghiên cứu Phật giáo ở Nam Á và Đông Nam Á, vừa công bố các khóa học bằng tiếng Pali.

Các khóa học có chứng chỉ được tổ chức gồm Pali Sơ cấp (thời gian 4 tháng), Nghiên cứu Nguyên bản Pali (10 tháng) và Pali Cao cấp (2 năm).

Các khóa học sẽ bắt đầu từ tuần lễ đầu tiên của tháng 9-2015.

Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo JK Somaiya thai nghén với sứ mạng thực hiện nghiên cứu đa học thuật và toàn diện về nghiên cứu Ấn Độ hoặc theo logic Ấn Độ nói chung và Nghiên cứu Phật giáo nói riêng, và cộng tác với các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo.

(NewsNow – August 17, 2015)



Sách Phật giáo bằng tiếng Pali
Photo: ET Bureau

HÀN QUỐC: Con số chính xác của các mộc bản Tam Tạng kinh điển Triều Tiên

Tam Tạng kinh điển Triều Tiên là bộ kinh Phật thế kỷ thứ 13 được khắc trên hơn 80,000 bản in bằng gỗ. Nó được xem là bộ kinh Phật giáo toàn diện nhất được tìm thấy tính đến nay.

Các mộc bản kinh được lưu giữ tại Chùa Haein, một Di sản Văn hóa UNESCO ở Hapcheon, tỉnh Nam Gyeongsang của Hàn quốc.

Số lượng của những mộc bản là một nguồn tranh luận vì không có nghiên cứu toàn diện nào được thực hiện về việc này, ngay cả sau khi nó được xem là một bảo vật quốc gia vào năm 1962.

Nhưng sau 10 năm đếm và chứng thực, Ban Di sản Văn hóa cho biết đã xác định rằng có 81,352 mộc bản của kinh này, tức là nhiều hơn 94 bản so với con số được ghi nhận vào năm 1915 khi Triều Tiên là thuộc địa của Nhật. Trong số này có 36 bản được tạo tác vào thời cai trị của thực dân Nhật từ 1910 đến 1945.

(koreatimes.co.kr – August 17, 2015)



Một mộc bản của Tam Tạng kinh điển Triều Tiên
Photo: Google

HOA KỲ: Trung tâm Getty tại Los Angeles triển lãm nghệ thuật hang động Phật giáo Đôn Hoàng

Trung tâm Getty ở Los Angeles gần đây đã công bố sẽ tổ chức một cuộc triển lãm quan trọng về Hang động Phật giáo Đôn Hoàng từ ngày 7-5 đến 4-9-2016.

Triển lãm 'Chùa chiến Hang động của Đôn Hoàng: Nghệ thuật Phật giáo trên Con đường Tơ lụa của Trung Hoa' sẽ trưng bày 3 bản sao đúc kích thước của các chùa của hang Mạc Cao, cũng như nhiều hiện vật như tranh vẽ và bản thảo có nguồn gốc từ hang này.

Hang động Mạc Cao của Đôn Hoàng, nằm cách thị trấn Đôn Hoàng 25km trong sa mạc Gobi ở tây bắc Trung quốc, bao gồm gần 500 chùa hang được trang trí của Phật giáo có niên đại từ thế kỷ thứ 4 đến thứ 14.

Được tổ chức bởi Học viện Bảo tồn Getty (GCI), Học viện Nghiên cứu Getty (GRI), Hàn lâm viện Đôn Hoàng và Hội Đôn Hoàng, cuộc triển lãm nói trên kỷ niệm hơn 25 năm hợp tác giữa GCI và Hàn lâm viện Đôn Hoàng để bảo tồn và bảo vệ Di sản Thế giới UNESCO này.

(NewsNow – August 18, 2015)



*Một bức họa thời nhà Đường ở hang Mạc Cao của Đôn Hoàng
Photo: NewsNow*

THÁI LAN: Các tu sĩ Phật giáo mở cửa lại Đền thờ Erawan sau vụ đánh bom

Sáng ngày 19-8-2015, chư tăng đã hướng dẫn một nghi lễ tại đền Erawan của Bangkok khi ngôi đền nổi tiếng này mở cửa lại cho công chúng. Các nhà sư tụng kinh tiếp dẫn vong linh của những người thiệt mạng, và nhận hoa sen và nhang hương cúng dường từ tang quyến của các nạn nhân.

Vụ đánh bom tại đền Erawan vào ngày 17- 8 đã khiến 20 người chết, trong số đó có 11 người ngoại quốc, và hơn 100 người bị thương.

Tượng thần Brahma 4-mặt của

Ấn Độ giáo (ở Thái Lan gọi là Phra Phrom), là pho tượng chính của ngôi đền này, đã bị hư hại nhẹ trong vụ tấn công. Nhà chức trách nói rằng pho tượng sẽ được sửa chữa vào ngày 24-8-2015. Trong văn hóa Thái, Phra Phrom được xem là một vị phúc thần và hộ pháp và là tiêu biểu cho sự pha trộn độc đáo của các truyền thống Phật giáo và Ấn Độ giáo.

(Buddhistdoor Global – August 20, 2015)



*Chư tăng cúng dường tại Đền Erawan ở Bangkok
Photo: abc.net*



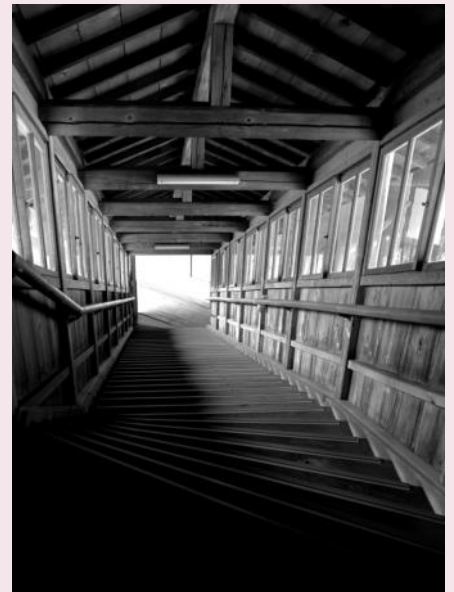
*Một trong 4 mặt của tượng thần Phra Phrom (Brahma) bị hư hại
Photo: straitstimes.com*

NHẬT BẢN: Nghệ thuật Phật giáo tại vùng Tohoku

Sau thảm họa sóng thần, động đất và thảm họa hạt nhân năm 2011, vùng Tohoku của Nhật Bản đã trở nên nổi tiếng khi mọi người trên khắp thế giới theo dõi những sự kiện do các công tin tức khắc nhau truyền đi. Kể từ thời điểm đó, các phương tiện truyền thông chủ yếu chỉ trình bày những sự kiện liên quan đến thảm họa và hậu quả của nó tại miền bắc nước Nhật này. Và dưới đây là những hình ảnh tập trung vào một khía cạnh của nền văn hóa của vùng Tohoku, bắc Nhật Bản : các di tích tôn giáo phức tạp và đa dạng của vùng này - ở đây nói riêng về nghệ thuật Phật giáo:



1/ Tượng sư-khuyển canh cổng chùa Đa Văn Thiên Vương ở tỉnh Iwate



2/ Cầu thang dẫn lên thiền đường ở Thiền viện Soto, được thành lập vào năm 1384 và hiện nay tiếp tục đào tạo tăng sĩ



3/ Tượng Bồ Đề Đạt Ma



4/ Chùa Đa Văn Thiên Vương được xây âm vào một cái hang gần Hirazumi ở tỉnh Iwate



5/ Tác phẩm khắc đá Mặt của Đức Phật tại khu chùa Đa Văn Thiên Vương

Photos: John W. Traphagan (The Diplomat Magazine - August 22, 2015)

HÀN QUỐC: Tu sĩ Phật giáo nổi tiếng toàn cầu sẽ giảng dạy tại Hội nghị Máy tính Thế giới 2015

Là một tu sĩ Phật giáo nổi tiếng toàn cầu, Ajahn Brahm, Viện trưởng Tu viện Bodhinyana ở Serpentina, Tây Úc, sẽ giảng dạy cho các đại biểu tại hội nghị Máy tính Thế giới (WCC) 2015 của IFIP (Liên đoàn Quốc tế về Xử lý thông tin) vào tháng 10 tới về cách khai thác sức mạnh của tâm trí để nâng cao sự sáng tạo và đổi mới.

Tốt nghiệp đại học Cambridge (Anh quốc) về vật lý lý thuyết, sư Ajahn Brahm ngày nay là người đứng đầu cộng đồng tu sĩ Phật giáo lớn nhất tại Úc, đồng thời cũng là cố vấn tinh thần cho các tu viện và cộng đồng khác

nhau trên toàn thế giới.

Với chủ đề "WCC 2015, Cùng mở cửa tương lai của chúng ta", hội nghị sẽ được tổ chức từ ngày 4 đến 7-10-2015 tại Daejeon, Hàn quốc. Hội nghị sẽ bao gồm phần diễn thuyết của các trào lưu hội nghị chuyên ngành, dự kiến thu hút trên 2,000 người gồm các chuyên gia công nghệ thông tin, các nhà khoa học máy tính, các nhà nghiên cứu và học giả. Họ sẽ tham dự hơn 100 bài thuyết trình, hội thảo và các hội thảo nhóm.

(PRWIRE - August 22, 2015)



Sư Ajahn Bham, viên trưởng Tu viện Serpentina, Tây Úc
Photo: wikipedia.org

CANADA: Triển lãm xá lợi chư Phật tại thành phố Regina

Regina, Saskatchewan - Lần thứ 2 trong 7 năm, tour triển lãm trưng bày điện thờ và 44 xá lợi của chư Phật mang tên 'Tâm Từ Ái Di Lạc' lại đến thành phố Regina trong hành trình đi khắp các vùng Bắc, Nam và Trung Mỹ.

Được tổ chức bởi Hội trưởng Darke ở trung tâm thành phố Regina, sự kiện kéo dài trong một tuần này diễn ra từ ngày 22-8-2015, trưng bày những hiện vật thiêng liêng từ Đức Phật lịch sử, cũng như từ các vị tôn sư của Phật giáo.

Triển lãm cũng mở rộng đối với bất cứ ai muốn đến tham quan.



Các lễ ban phước cũng mở rộng đối với bất cứ ai, ngay cả với các thú cưng và động vật.

(NewsNow - August 23, 2015)

ẤN ĐỘ: Số Phật tử tại bang Tamil Nadu tăng 107%

Chennai, Tamil Nadu - Theo các số liệu điều tra dân số của các cộng đồng tôn giáo trong năm 2011 được công bố vào ngày 25-8-2015, con số Phật tử tại bang Tamil Nadu đã tăng hơn gấp đôi trong thập niên 2001-2011.

Mặc dù là một thiểu số rất nhỏ trong dân số hơn 70 triệu của bang này, con số của Phật tử đã tăng từ 5,393 trong năm 2001 lên 11,186 trong năm 2011 - tăng 107%.

Nhà văn và là tổng thư ký đảng VCK, ông D Ravikumar, cho rằng đó là do sự cải đạo của người Dalit trong bang Tamil Nadu. "Người Dalit đã bắt đầu hiểu rằng Phật giáo là một tôn giáo có nguồn gốc ở Ấn Độ khi so sánh với Hồi giáo và Kitô giáo", ông nói. "Những người Dalit cải đạo sang Phật giáo cũng được công nhận trong bảng phân loại điều tra dân số của bang", ông nói, giải thích về một yếu tố khác. Một lý do khác cho xu hướng gia tăng này có thể là do các hoạt động truyền giáo của Phật tử Tích Lan tại Chennai và Tamil Nadu.

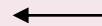
(newindianexpress - August 27, 2015)

PHI LUẬT TÂN: Chư tăng làm lễ cầu nguyện cho các nạn nhân vụ bắt con tin tại Manila năm 2010

Vào ngày 27-8-2015, chính quyền địa phương của Manila đã kỷ niệm năm thứ 5 của vụ bắt con tin xe buýt đâm máu (xảy ra vào năm 2010 tại Quirion Grandstand ở Công viên Rizal, Manila) với một buổi lễ Phật giáo.

Vào năm 2010 tại Manila, 8 du khách Hong Kong đã bị sát hại sau khi một cảnh sát viên bắt mẫn cướp một xe buýt du lịch, một sự cố dẫn đến nỗ lực giải cứu bất thành bởi nhà chức trách địa phương khiến các nạn nhân và hung thủ thiệt mạng.

Các tu sĩ Phật giáo từ Hong Kong được chính quyền địa



Triển lãm Tâm Từ Ái Di Lạc tại Regina, Canada
Photo: CBC News

phương của Manila mời đến để thực hiện một nghi lễ cầu nguyện tại Quirino Grandstand, địa điểm xảy ra sự cố bắt con tin.

Chính quyền thành phố Manila đã công bố ngày 27-8 là "Ngày Cầu nguyện" vào năm nay, trùng với Lễ Vu Lan của âm lịch để tôn vinh hương hồn của những người đã chết.

(Reuters – August 27, 2015)



Hình ảnh hậu quả vụ bắt con tin xe buýt tại Manila, Phi Luật Tân năm 2010

Photo: gulfnews.com

TÍCH LAN: Tổng thống Sirisena ca ngợi triết học Phật giáo

Tại dinh tổng thống ở Kandy vào ngày 30-8-2015, trong phần lễ bế mạc của Lễ Rước Hoạt cảnh Kandy, Tổng thống Tích Lan Sirisena phát biểu rằng triết lý Phật giáo là món quà cao quý nhất mà đất nước Phật giáo này có thể truyền đến thế giới. Ông cũng tuyên bố chính phủ mới sẽ thực hiện một chương trình được lên kế hoạch kỹ để truyền bá thông điệp của triết học Phật giáo đến với cộng đồng quốc tế.

Tổng thống nói một xã hội tốt đẹp không thể chỉ được xây dựng thông qua sự phát triển vật chất của đất nước. Ông nói thêm rằng ông sẽ chú tâm trong việc tạo nên một thế hệ tương lai tốt hơn thông qua sự phát triển tinh thần.



Tổng thống Tích Lan Sirisena (người thứ hai, bên trái) trong buổi lễ hoàn thành Lễ Rước Hoạt cảnh Kandy

Photo: Eurasia Review

Theo truyền thống, người quản lý Chùa Răng Phật là ông Nilanga Pela đã báo cáo với Tổng thống về việc thực hiện thành công Lễ Rước Hoạt cảnh Kandy,

Tổng thống đã trao tặng những giải thưởng và giấy chứng nhận cho các nghệ sĩ đã tham gia và làm cho Lễ Rước này thành công.

(Eurasia Review – September 1, 2015)

PHI LUẬT TÂN: Phật tử Tây Tạng viếng Thánh Địa tại tỉnh Agusan del Sur

Cộng đồng địa phương tại Esperanza ở tỉnh Agusan del Sur có thể sớm nhận được sự gia tăng về du lịch sau khi các Phật tử Tây Tạng đến viếng một nơi mà họ tin là Thánh Địa trong đô thị này.

Các Phật tử nói trên đã đến chiêm bái một di tích còn lại của thời tiền thực dân Phi Luật Tân được gọi là tượng nữ thần Tara bằng vàng – một trong những vị thần quan trọng nhất trong Phật giáo Kim Cương Thừa. Người dân địa phương đã xây một cột mốc lịch sử tại nơi pho tượng được khai quật.

Kể từ khi được phát hiện vào năm 1917, pho tượng Tara bằng vàng đã được người hành hương đến chiêm bái, nhưng đối với vị Lạt ma Yeshe Lhundrup của Phật giáo Tây Tạng tại Phi Luật Tân, cuộc hành hương gần đây đã phục hồi "tâm quan trọng của phụ nữ, tâm quan trọng của tình thương hay sự đồng cảm với người nghèo".

Cộng đồng địa phương của Esperanza có kế hoạch mời gọi thêm nhiều khách hành hương hơn khi Hội Hướng dẫn viên Du lịch vùng Caraga (CARTOGA) hy vọng rằng nỗ lực này sẽ giúp thúc đẩy du lịch trong khu vực.

(ABS-CBN news.com – September 1, 2015)



Tượng nữ thần Tara bằng vàng

Photo: buymebuddy.com

PHÁP: Trại Hướng đạo sinh Phật giáo, Hồi giáo vì tránh khoan dung

Để thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và chống lại thành kiến, 40 hướng đạo sinh từ hội Hướng đạo sinh Hồi giáo của Pháp và hội Hướng đạo sinh thuộc Phật giáo Pháp đã tập trung tại một trại hè ở Pháp trong một tuần.

Được tổ chức tại Học viện Karma Ling, trại này là một cơ hội cho các em – tuổi từ 7 đến 11 – đặt những câu hỏi, chia sẻ những bữa ăn chay, và nhất là để "trồng hạt giống của hòa bình trong những công dân tương lai". Vào ngày cuối của trại hè, các hướng đạo sinh đã trồng một "cây hòa bình".

Các vị lãnh đạo của hướng đạo tại Pháp đã được yêu cầu phải phát triển những chương trình liên tín ngưỡng như thế này sau vụ tấn công tòa soạn Charlie Hebdo vào tháng 1-2015.

Hướng đạo thế giới là một phong trào thanh niên lớn nhất trên thế giới, với hơn 40 triệu hội viên tại 223 nước.

(lionroar.com – September 2, 2015)



Biểu tượng đoàn kết của Hướng đạo sinh

Photo: Heather Wardle

HOA KỲ: Giáo hội Phật giáo New York kỷ niệm năm thứ 60 của pho tượng mang tính biểu tượng của hòa bình thế giới

Vào ngày 11-9-2015, Giáo hội Phật giáo New York sẽ tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 60 của pho tượng mang tính biểu tượng của Shinran Shonin (Thần Loan Thượng nhân), người sáng lập Phật phái Jodo Shinshu (Tịnh độ Chơn tông).

Nguyên thủy tượng này được dựng tại một công viên ở Hiroshima, Nhật Bản, nơi nó vẫn tồn tại sau vụ nổ bom nguyên tử vào năm 1945. Vào ngày 11-9-1955 tượng được tặng cho Giáo hội Phật giáo New York, và kể từ đó đã an vị trước tòa nhà trên Đường Riverside. Đối với nhiều người, pho tượng này là một biểu tượng của

hòa bình thế giới và giải trừ vũ khí hạt nhân.

Hòa thượng Tiến sĩ Mark Unno sẽ có một bài phát biểu quan trọng tại buổi lễ kỷ niệm năm thứ 60 của tượng nói trên.

(Lion's Roar - September 4, 2015)



Tượng Shinran Shonin tại New York, Hoa Kỳ
Photo: Sam Littlefair Wallace

ẤN ĐỘ: Chính phủ muốn phát triển Bồ đề Đạo tràng như là thủ đô tinh thần của Phật giáo thế giới

Ngày 5-9-2015, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi nói rằng chính phủ muốn phát triển Bồ đề Đạo tràng như là một thủ đô tinh thần của Phật giáo thế giới.

"Tôi xem hội nghị Ấn giáo Phật giáo về Tránh Xung đột và Ý thức về Môi trường này là một sự kiện quan trọng", ông nói thêm.

Chuyến thăm Bồ đề Đạo tràng của Thủ tướng trùng với Ngày thứ 3 của hội nghị SAMVAD - Sáng kiến Ấn-Phật giáo. Toàn cầu về Tránh Xung đột và Ý thức về Môi trường, trong đó các đại biểu tham dự có mặt tại Bồ đề Đạo tràng.



Thủ tướng Narendra Modi đã gọi Ấn Độ là 'Ấn Độ Phật giáo', và nói rằng đất nước này đã thẩm nhuận các giá trị của Đức Phật. Ông cũng chỉ ra rằng Đức Phật là một nhà truyền giáo vĩ đại về bình đẳng, và mảnh đất Bồ đề Đạo tràng có vị trí đặc biệt trong lịch sử nhân loại.

(dnaindia.com - September 5, 2015)



Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi tham thiền và phát biểu tại hội nghị SAMVAD ở Bồ đề Đạo tràng
Photos: nvtv.com & ANI

HOA KỲ: Trung tâm Nguồn Phật giáo Tây Tạng bảo tồn văn bản từ tất cả các truyền thống Phật giáo

Sau khi đã đạt được mục tiêu ban đầu của việc bảo tồn số lượng đồ sộ của các nguồn văn bản quan trọng nhất của Phật giáo Tây Tạng, Trung tâm Nguồn Phật giáo Tây Tạng (TBRC) hiện đang hướng đến việc mở rộng phạm vi công việc để bảo đảm rằng các văn bản Phật giáo từ mọi truyền thống đều được an toàn, dễ tìm và cập nhật được ở dạng kỹ thuật số.

Được thành lập vào năm 1999 với trụ sở đặt tại Cambridge, Massachusetts, TBRC trong lịch sử 16 năm của mình đã quét hơn 18,000 tập sách sang định dạng kỹ thuật số - với tổng cộng 9.5 triệu trang có sẵn trực tuyến và ngoại tuyến. Trong quá trình này, một mô hình biên mục đã được phát triển thích nghi cho việc sử dụng bất cứ ngôn ngữ hoặc chủ đề nào. Vào tháng 8 -2015, TBRC đã vượt mốc 10 triệu trang văn bản được quét.

Mục tiêu mới của TBRC sẽ tập trung vào các nguồn văn bản của tiếng Hán, Pali, Phạn và các ngôn ngữ khác từ Trung, Đông và Đông Nam Á, vốn đặc biệt có nguy cơ bị biến mất trong thời đại của sự bất ổn về kinh tế-xã hội, chính trị và môi trường. Để đạt được điều này, sự hỗ trợ của những người bảo trợ nhìn xa trông rộng cũng như cộng đồng Phật giáo toàn thế giới sẽ là cần thiết.

(Buddhistdoor Global - September 9, 2015)



Bộ sưu tập kỹ thuật số của TBRC bao gồm văn học Tây Tạng có niên đại từ thế kỷ thứ 8

Photo: harvardmagazine.com



NHƠN QUẢ

Điều Ngự Tử TÍN NGHĨA



Thông thường ai cũng biết, ai cũng giải thích được: Nhơn là nguyên nhân, Quả là kết quả, hoặc nguyên nhân và quả báo. Thực ra, tưởng là đơn thuần như vậy, nhưng không phải là như vậy.

Đứng về tinh thần Phật giáo mà giải thích sự tương quan tương duyên giữa nhân và quả thật vô cùng màu nhiệm. Nhơn là cái cơ để sinh ra quả, quả là cái vật do nhân phát sinh. Sự liên hệ hay tương phản giữa nhân và quả nhiều khi trở nên phức tạp và dễ dàng lẫn lộn làm cho chúng ta có khi khó nhìn rõ ra được, khó phân biệt, khó nhận thức. Vì trong nhân đã có quả và trong quả đã có nhân. Chính vì quá khó, nên những người tâm trí bình thường, hoặc dùng trí thức của thế gian mà không học Phật, sinh ra nông nổi; hoặc những vị có học Phật nhưng học không đến nơi đến chốn, không chịu khó nghiên tầm thấu đáo chơn lý của nó; hoặc chỉ học suông mà không thực hành thì rất khó mà hiểu cho được lý Nhơn quả của Phật giáo.

Thật ra thì nhân nào quả nấy, không bao giờ sai khác, không bao giờ tương phản; chỉ vì nó đến với chúng ta nhanh hay chậm (nhơn quả một thời và nhơn quả nhiều đời). Đã có nhân thì phải có quả, có quả ắt phải do nhân gây ra, đó là lẽ của hơn quả. Nhơn tốt thì quả tốt lành, nhơn xấu thì quả phải xấu, quả dữ. Đó là một định luật bất di dịch, đương nhiên. Nhờ lý nhơn quả, chúng ta nhận thức được rõ ràng là: Thuyết vũ trụ vạn hữu do một đấng Thượng đế an bài, sáng tạo, có quyền uy về sự thưởng phạt,... thì không thể đúng với khoa học và không phù hợp với chúng ta. Từ đó, chúng ta thấy được lý nhơn quả đã xóa tan đi vấn đề mê tín dị đoan, không nương theo một đấng quyền uy tối thượng, một vị thần linh tối cao. Và cũng từ đó, con người mới không y lại hay giao phó số phận của chính mình vào một thần quyền nào khác. Tất cả đều do con người. Đã có nhân có quả. Không có thuyết tự nhiên hay tự hữu, hăng có đời đời,... Như vậy, không có một sự thưởng phạt bất bình do một đấng quyền uy nào đó đưa tới, mà chỉ là do gieo nhân để gặt lấy quả mà thôi.

Kính Phật thường dạy:



"Dục tri tiền thế nhơn, kim sanh thọ giả thị, dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị."

Nghĩa là:

Muốn biết nhơn quả khứ ra sao, cứ nhìn cái quả mình đón nhận trong hiện tại; muốn biết cái quả trong tương lai, cứ nhìn hành động mình đang làm trong hiện đời.

Chúng ta tạo nghiệp, chúng ta thọ báo. Quả và nhân đi liền với nhau như ngày và đêm, như sáng và tối. Con người là chúa tể tất cả. Con người tạo thiện hay ác để có quả lành hay dữ. Lý nhơn quả đã chỉ bày rõ ràng, hiển nhiên, không thể chối cãi được. Vì con người là chúa tể nên nó định đoạt tất cả những hành động thường ngày trong cuộc sống của nó, không một ai có quyền thưởng phạt hay đặt để cho mình bất cứ cái gì. Chính nhờ lý nhơn quả của đạo Phật đã đem lại cho chúng ta một đức tin mãnh liệt, sáng suốt.

Đức Phật dạy:

"Hãy tự mình thấp đức lên mà đi."

hay:

"Nhất thể duy tâm tạo."

Hết thầy các sự vật, hành động, ý thức, ... đều hoàn toàn do tâm mình tạo tác.

Đức Phật dạy tiếp:

"Trong các Pháp, Tâm dẫn Đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự đau khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe."

Và:

"Trong các Pháp, Tâm dẫn Đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự vui vẻ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình."

Dựa vào hai câu Phật ngôn trên đây, chúng ta hãy kiểm chứng vào lý nhơn quả qua một vài trạng sử của nước nhà qua bao thời đại, cũng như kiểm chứng vào việc tu tập của chính mình, việc tổ chức chính thể, chế độ hay một đảng phái, một tôn giáo... Nếu như thấy sai quấy thì cũng nên bình tâm tĩnh trí mà sửa đổi lại, may ra có thể an lạc, tươi sáng trong tương lai; đừng vì tư ái cá nhân để nhấn tâm làm mất đi đoàn kết, làm lũng đoạn tình người với nhau... Hãy nhìn vào các triều đại Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần và cận đại như chín năm chế độ Ngô Đình thì sẽ rõ.

Từ Bắc thuộc nhà Ngô (939-965) và nhà Đinh (908-980), trong những lúc giành lại tự chủ, giành lại độc lập cho quốc gia, đem lại an bình cho dân tộc. Triều đại thứ ba của nhà Tiền Lê (908-1009), khi nắm được quyền bính trong tay, Lê Hoàn lợi dụng vua Đinh Tuệ còn nhỏ mới sáu tuổi, với thập đạo sứ quân, với uy quyền và chức vụ phụ chánh sẵn có. Lê Hoàn đã sai Phạm Cự Lượng đem quân ra biên thùy để đánh giặc. Trước khi chống giặc, Phạm Cự Lượng đã hội quần thần bá quan văn võ trước điện để tôn Lê Hoàn lên ngôi hoàng đế. Vì, vua Đinh Liễn bị loạn

thần Đổ Thích ám hại năm 979 (Việt Nam sử lược trang 90-91). Nhà Đinh chuyển ngôi cho nhà Tiền Lê từ đó.

Nhà Tiền Lê lên làm vua được ba đời. Vua Lê Long Đĩnh tức Lê Ngọa Triều chết năm 1009. Tương cũng nên biết rằng: Lê Long Đĩnh là một hôn quân vô đạo, đã từng lấy mía róc lên đầu sư sãi, sai lính lấy dầu quấn vào mình tù nhor để đốt, và lấy đó làm thú vui tiêu khiển hằng ngày. Khi Ngọa Triều chết, Đào Cam Mộc thấy con còn nhỏ, nên tôn quan Điện Tiền chỉ huy sứ lên ngôi tức là Lý Công Uẩn (Việt Nam sử lược trang 95-97). Triều đại nhà Lý bắt đầu.

Đến đây chúng ta thấy lý Nhơn quả của Phật giáo đã hiển hiện là: Nhà Tiền Lê xây dựng qua sự đoạt ngôi do một vị võ quan, thì khi mất ngôi cũng do một vị võ quan và con cái cũng đều còn nhỏ dại cả.

Nhà Lý (1009-1225), trị vì vào khoảng 216 năm. Vị vua thứ tám là Huệ Tông nhường ngôi cho con là Lý Chiêu Hoàng năm 1224. Lý Chiêu Hoàng còn nhỏ mới bảy tuổi. Trần Thủ Độ âm mưu tìm cách ép gả cho Trần Cảnh, đồng thời ép buộc Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng vào năm 1225. Trần Cảnh lên ngôi lấy niên hiệu là Trần Thái Tông. Với manh tâm là củng cố nhà Trần, Trần Thủ Độ đã dùng tất cả những thủ đoạn, những ác tâm bằng cách:

- Lý Huệ Tông đã xuất gia đầu Phật, nhưng, Trần Thủ Độ vẫn bắt buộc thắt cổ tự vẫn.

- Tìm cách ám hại hết tất cả những tôn thất, tôn thần của nhà Lý để trừ hậu họa về sau. Năm 1225, lợi dụng việc tế lễ các đấng tiên vương của nhà Lý tại thôn Thái Dương, làng Hoa Lâm, thuộc huyện Đông Hải tỉnh Bắc Ninh; Trần Thủ Độ cho lính đào ngầm những hầm sâu, lợp lá bên trên, đợi khi con cháu tôn thất nhà Lý rơi tuột hết xuống hầm thì cho lính vùi lấp hầm, chôn sống hết.

- Trần Thủ Độ muốn cho nhân dân quên đi tất cả những tông tích của triều đại nhà Lý, ông lấy cố là vua nhà Trần tên Lý (Trần Lý tức là tên của ông nội vua Trần Thái Tông), để dễ dàng buộc những người mang họ Lý phải đổi ra họ Nguyễn hay họ khác (Việt Nam sử lược trang 116-121).

- Để tránh nạn thông gia trộm cướp ngôi lẫn nhau, Trần Thủ Độ bắt buộc các vua nhà Trần phải lập gia đình với con cháu tôn thất nhà Trần. Tuy nhiên, nhà Trần cũng không thể tránh được nạn ngoại thích cầm quyền trong tay.

Hồ Quý Ly có hai bà cô lấy vua thứ năm là Minh Tông. Một sinh ra Huệ Tông, một sinh ra Duệ Tông. Và, con gái của Quý Ly lấy vua Thuận Tông là thái tử của vua Nghệ Tông. Nhờ đó, Hồ Quý Ly đã lợi dụng được bà con, lợi dụng sự mù quáng của nhà vua để đoạt ngôi vị cho nhà Hồ. Trong lúc Nghệ Tông đang là Thái thượng Hoàng, nhưng Quý Ly đã tìm cách bắt buộc phải phế bỏ vua Hiến Đế. Những vị thái tử, hoàng tử thân vương, ông xin Nghệ Tông cho sát hại đi.

Sau khi Nghệ Tông mất (1394), Quý Ly ép con vua Nghệ Tông là Thuận Tông phải nhường ngôi cho con là Hiếu Đế mới ba tuổi và cho người giết Thuận Tông. Tôn thất của nhà Trần là Trần Nguyên Hãn, Trần Khắc Chân tìm cách trừ khử Quý Ly, việc không thành, bị Quý Ly giết hại hết. Cả thảy 370 người.

Năm 1400, Quý Ly cho hạ bệ Thiếu Đế để đoạt

ngôi, lập ra cơ nghiệp nhà Hồ (Việt Nam sử lược trang 174-181)

Cũng tương tự như nhà Trần, để tránh hậu họa trong miếu đường cũng như ngoài nhân gian, Hồ Quý Ly bắt con cháu nhà Trần phải đổi thành họ Trịnh. Vì lấy cố vợ của Lê Thái Tổ tên là Phạm thị Ngọc Trần (Theo Đại Việt sử ký Toàn thư trang 101-179).

Nhà Hậu Lê (1428-1788), lên ngôi là nhờ giải phóng ách thống trị của nhà Minh. Tuy nhiên, trong việc làm này, vua Lê Thái Tổ đã dùng một tú đoạn rất đặc biệt, Năm 1427, sau mười năm chiến đấu trường kỳ gian khổ, Lê Thái Tổ tức Bình Định Vương Lê Lợi, đang ở trong thế mạnh, nhưng vẫn không đuổi được quân Minh. Bấy giờ tướng nhà Minh tên Vương Thông muốn đem quân về xứ, nhưng sợ mang tiếng là hèn nhác, bèn lục tờ chiếu của vua Minh ban hành năm 1407, nói về việc tìm kiếm con cháu nhà Trần để lập tự. Trong lúc ấy, cũng có sứ đến nói với Bình Định Vương phải tìm con cháu nhà Trần lên làm vua để giải binh. Vì muốn chấm dứt chiến tranh, để sớm thống nhất sơn hà và để sớm thành công cho Bình Định Vương, Lê Lợi liền chấp thuận ý kiến đó, liền cho mời Trần Cao (Người tự xưng là con cháu của Trần Nghệ Tông) lên làm vua bù nhìn và xưng cầu phong của nhà Minh.

Sau khi Liễu Thăng cầm binh cứu viện bị đánh bại, nhà Minh nhận cho Trần Cao làm vua nước An Nam; đồng thời, cho Vương Thông đem quân về nước (Việt Nam sử lược trang 216-223). Đến khi chiến tranh vừa yên ổn, Bình Định Vương cho người giết Trần Cao để lên ngôi hoàng đế năm 1428 (Việt Nam sử lược trang 234).

Khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê 1527, hai họ Trịnh và Nguyễn lấy danh nghĩa phò nhà Lê để lập tự. Hai vị vua Trang Tông và Trung Tông thì tương đối có chức vị đẹp đẽ, có đôi chút quyền thế. Sau đó,

cả thảy 13 đời vua nhà Hậu Lê kể từ vua Anh Tông đến Hiến Tông đều là vua bù nhìn của chúa Trịnh. Họ Trịnh đoạt vận mạng ngôi vua, có quyền đưa lên hạ xuống. Cũng có thể bị ám hại đi như vua Anh Tông bị Trịnh Tùng giết năm 1573, vua Kinh Tông thì bị Trịnh Tùng bắt buộc thắt cổ chết năm 1619. Vua Lê Đế Duy Phương phẫn rồ bị giết năm 1732 (Việt Nam sử lược trang 262-270). Trong suốt hai trăm năm họ Trịnh duy trì 13 đời vua bù nhìn của nhà Lê, trong đó có ba vị vua bị bức tử.

Bây giờ nhìn vào nhơn quả của Phật giáo để nhận xét, cho chúng ta thấy rằng:

- Vua Lê Thái Tổ chỉ giết một Trần Cao bù nhìn mà con cháu sau này người bị giết, kẻ bị bù nhìn dài dằng dặc. Như vậy, một khi thành lập một triều đại mới có một hành động không tốt với triều đại cũ, cho dù là tập thể hay cá nhân đi chăng nữa; nếu đem ra để viên lý là phải hành động như vậy vì quốc gia dân tộc đi chăng nữa; nhưng, những con cháu hậu duệ cũng không tránh khỏi quả báo của cha ông đã gieo rắc từ trước.

- Trần Thủ Độ đã giết con cháu nhà Lý như thế nào, bắt buộc con cháu nhà Lý đổi họ ra sao; sau đó con cháu nhà Trần cũng gánh chịu hậu quả y như vậy do Hồ Quý Ly đem lại.

Gần đây, triều đại Ngô Đình bội hứa với vua



Bảo Đại, đoạt ngôi nhà Nguyễn ra sao, giết hại các đảng phái các giáo phái chân chính như thế nào, để rồi cuối cùng cả giòng họ phải đón nhận một hậu quả vô cùng thảm nảo. Tất cả gần như bất đắc kỳ tử.

Bằng chứng:

Nhà Ngô đã phản bội Quốc trưởng Bảo Đại thì Hội đồng Tướng lãnh hạ bệ nhà Ngô. Nhà Ngô giết hại các phần tử chân chánh, các chính trị gia đảng phái, nhân sĩ yêu nước, đồng bào vô tội để củng cố chế độ độc tài gia đình trị mà đã một thời mang tai tiếng là tam đại Việt gian; cuối cùng quân nhân cán chính các cấp và toàn dân miền Nam Việt Nam đã đứng lên làm cách mạng, làm lịch sử xóa tan Ngô triều. Và, các tướng lãnh cũng đã đối xử một câu khi cho người đi đón hai anh em Ngô Đình Diệm là: Nhỏ cổ phải nhỏ tận gốc.

Trên đây là những trang sử đã để lại cho con dân hậu duệ Việt soi chung đã ảnh hưởng rất rõ ràng theo giáo lý như quả của nhà Phật.

Còn trong Phật giáo, dù xuất gia hay tại gia cứ y theo giáo lý mà hành trì, tu niệm. Đạo Phật đặt nặng vấn đề hành trì hơn là lý thuyết. Lý hay, thuyết giỏi mà không thực hành, không tu tập thì chẳng khác nào cái đũa đứng đờ.

Lời thật lúc nào cũng khó nghe và dễ mất lòng, nhưng, thuộc đấng thì đã tặc. Viết lên đây chỉ là một ý kiến xây dựng và mong mỗi được nhìn hình ảnh đẹp để trong mai hậu; với hy vọng lớp hậu duệ của con dân nước Việt trong cũng như ngoài nước nhìn vào lịch sử qua lăng kính như quả của Phật giáo để xây dựng cho mình, cho người và chung cho xã hội được hoàn hảo hơn. Làm được và sống được như giáo lý như quả mà đức Phật đã dạy thì đó là đã trực tiếp tạo hạnh phúc, tạo an lạc cho mình, cho người và cho xã hội.

Đức Phật thường dạy:

"...Ai cũng sợ gương đao, ai cũng sợ chết, vậy hãy lấy lòng mình suy lòng người, đừng giết, đừng bảo ai giết;" "Ai cũng muốn tránh điều khổ, ai cũng muốn có hạnh phúc. Vậy hãy lấy lòng mình suy lòng người, đừng gây điều khổ cho người khác, đừng phá hại hạnh phúc người khác;" "Ai cũng có gia đình, thân nhân muốn bảo bọc, muốn duy trì hạnh phúc được tốt đẹp. Vậy thì đừng phá gia đình, đừng phá thân nhân của người khác." "Ai cũng muốn của cải của mình được trọn vẹn yên ổn. Vậy hãy lấy lòng mình suy lòng người, giữ gìn của cải của người khác, đừng xâm phạm, đừng gian tham, đừng bóc lột, đừng cướp giựt!..."

Là Phật tử luôn luôn tưởng nhớ lời đức Phật thường dạy: "Thân mạng vô thường, sớm còn tối mất..." như sương ban mai trên đầu ngọn cỏ lóng lánh, phản chiếu tợ kim cương dưới ánh nắng mặt trời của buổi bình minh; nắng gắt lên rồi thì còn lại được gì? Vì, trong kinh Phật dạy: "Mạng tợ ngưng sương..." Thân người như bóng câu qua cửa sổ, như sợi chỉ mảnh treo chuông. Chiêm nghiệm được như vậy và nỗ lực tu tập hành trì thì cuộc sống của mình, của người và của xã hội sẽ an lạc, hạnh phúc. Từ đó thế giới sẽ không còn chiến tranh, lao tù. Không còn cảnh mạnh được yếu thua, giàu sang hiếp đáp kẻ nghèo khổ, khốn cùng. Nhìn nhau toàn là anh em trong giòng nước mắt cùng mặn và trong giòng máu cùng đỏ như nhau.

Điều Ngự Từ Tín Nghĩa



Nhân quả bóng mây

*Nguyên nhân kết quả cụm từ
Đâu sông ngọn cuối tình như người trồng
Tự ngã vốn dĩ là không
Ngập lòng gánh nặng nước sông lúa về
Ngôn từ khởi điểm sáng mê
Ánh sáng quả tốt/ tối mê quả vì
Nhân quả có mặt từ khi
Trọng tâm quả ấy/ lối đi gốc nguồn
Thương mình thương quả luôn luôn
Tình như thể ấy trắng luôn trái say
Tay đưa chân bước mắt hay
Niềm vui an lạc cỏ cây thâm dài
Nỗi lòng ai rõ cùng ai
Thoát từ đáy nước hoa cài bóng in
Trong nhân cốt giữ tự tin
Đậm đà trong nắng bìm bìm tỏa đơm
Hoa trước gió cánh mơn mơn
Tôn sinh chuyển hóa nguồn cơn đi tìm
Tìm nhân tìm quả thấy chim
Chim buông tiếng hót từ sinh thoát vòng
Nhân quả dòng xoáy nằm trong
Hạnh đầy thoát khổ thông dong cõi miền
Thân tứ đại nổi ru phiền
Thời gian trong cõi ngã nghiêng tiếng lòng
Chuông hòa mõ tiếng Phật trong
Kinh vang vọng giác nằm lòng Nam Mô.*

ẤN KIÊN

(August/15)

NHỮNG CÁNH HOA RƠI

Thích Như Điển



Nếu có người nào đó bảo rằng: "Tại sao Thầy viết nhiều và không chịu nghỉ ngơi, hãy để dồn viết một tác phẩm có giá trị vẫn hay hơn là những bài tạp ghi như vậy" thì tôi sẽ trả lời rằng: "Nếu viết được thì cứ viết, chứ chờ viết hay mới viết thì biết bao giờ mới viết được một bài. Có nhiều người chờ cả đời không viết, đến khi muốn viết thì không còn sức khỏe nữa." Quả cuộc đời này nó có nhiều cái khó như thế, mà chúng ta thì không tự làm chủ thời gian cũng như sức khỏe của mình được. Do vậy tôi chủ trương rằng: "Cái gì làm được trong ngày hôm nay thì hãy nên làm, chứ chờ đến ngày mai thì nhiều khi ngày mai ấy không còn ở lại với mình nữa. Dầu ta có già, có sống lâu bao nhiêu năm trên thế gian này đi nữa, rồi một ngày nào đó chúng ta cũng phải ra đi, mà thời gian thì chẳng thương tiếc gì ta, dầu ta có cố níu kéo nó lại. Ngay cả những người thân trong gia đình, mình cứ ngỡ rằng họ luôn ở gần mình và họ thuộc về một phần của cuộc sống mình, nhưng điều ấy ta đã lầm. Cuối cùng rồi chẳng có cái gì là của mình, ngay cả tài sản, của cải, người thân, địa vị, học thức, bằng cấp v.v... Tất cả rồi cũng chỉ còn là con số không to tướng như những cánh hoa rơi trước gió mà thôi."

Sống 67 năm trên trần thế, tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu là nổi biệt ly của nhiều người, ngay bản thân mình cũng có, mà cho những người thân, những bạn bè gần xa cũng không thiếu, nhất là những Phật tử qua đời mà tôi đã đến trợ niệm cho họ. Đặc biệt lần này tôi chỉ muốn ghi lại những cảm xúc của mình khi đối diện với những sự biệt ly này. Trước đây hai năm, vào ngày 8 tháng 8 năm 2013 Cổ Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Viện Chủ chùa Khánh Anh tại Pháp, đồng thời Ngài cũng là nguyên Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, đã ra đi chưa một lời dặn dò với môn đồ đệ tử cũng như các thành viên của Giáo Hội và suốt hai năm qua, chúng tôi đã cùng với Quý Thầy Cô trong Giáo Hội và Đệ tử xuất gia cũng như tại gia của Ngài tiếp tục gánh vác con

thuyền của Giáo Hội và nhất là việc xây dựng ngôi phạm vũ Khánh Anh vẫn còn trong thời kỳ dang dở. Để rồi cuối cùng Giáo Hội Âu Châu cũng đã tổ chức được các lễ quan trọng từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 8 năm 2015 vừa qua; có cả hằng ngàn Phật tử khắp năm châu và hơn 300 Tăng Ni khắp các nơi về tham dự. Đây là một thành quả, một hãnh diện của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu nói chung cũng như môn đồ pháp quyến của Cổ Hòa Thượng Minh Tâm nói riêng vậy.

Đại Giới Đàn Khánh Anh quy tụ hơn 40 giới tử đến từ 10 quốc gia tại Âu Châu cũng như Mỹ Châu, trong này có 10 giới tử là người Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Ý, Đan Mạch, Scotland v.v... Giới Đàn này đã mở ra phương tiện cho những người Tây Phương, đặc biệt là nữ giới, đã xuất gia với các trường phái Phật Giáo Tây Tạng suốt trong hơn 30 năm hay hơn 20 năm vẫn chưa được thọ Thức Xoa và Tỳ Kheo Ni, kể từ sau khi Thọ giới Sa Di Ni. Chúng ta đã bắc một nhịp cầu cho những người nữ Tây Phương này, và trong tương lai, sau khi họ đã thọ giới Tỳ Kheo Ni, có đủ hạ lap trong 5 mùa An Cư Kiết Hạ trở lên, họ có thể thọ nhận đệ tử và nếu đủ 10 vị Ni, họ có thể bắt đầu truyền các giới cho chư Ni Âu Mỹ, để họ có cơ hội tiếp cận với giáo lý của Đức Phật theo tinh thần của Tứ Phần Luật, mà chư Ni Việt Nam đang hành trì. Đây là điểm son của Giới Đàn Khánh Anh trong những ngày 13 và 14 tháng 8 năm 2015 vừa qua.

Kế đến là Lễ Hiệp Kỳ chư Lịch Đại Tổ Sư (Về Nguồn 9) được tổ chức trọng thể vào ngày 15 qua những đề tài thuyết trình về hành trạng của Tổ Khương Tăng Hội và Tổ Khánh Anh, lồng vào đó trong những ngày 13,14 có những đêm "trà đàm hội ngộ" cũng như "Hội luận Tăng Ni trẻ" v.v... đã làm cho không khí sinh hoạt của ngày Về Nguồn lại càng nổi sắc hơn. Một đài truyền hình đến từ Hoa Kỳ có phỏng vấn tôi rằng: "Thưa Thầy, nhiều người tại Hoa Kỳ khi nghe đến hai chữ Về Nguồn lại liên tưởng đến tổ chức này có liên hệ đến Cộng sản. Vậy xin Thầy





cho biết về ý kiến của Thầy như thế nào về vấn đề này." Tôi trả lời rằng: "Cách đây 9 năm, tại chùa Pháp Vân Toronto, Canada đã tổ chức Về Nguồn lần thứ nhất, có gần 100 Tăng Ni tham dự và sau đó bị các cơ quan truyền thông la oán lên là Về Nguồn, chính là về với Cộng sản, nhưng xin thưa, Cộng sản đâu có nguồn gốc dân tộc mà về. Và lại suốt trong 9 năm qua, trong gần 100 vị Tăng Ni tham dự lần đầu ấy có ai là Cộng sản đâu, xin quý vị chỉ dùm cho tôi." Đó là câu trả lời đơn giản của tôi. Ở những xứ tự do này người ta có quyền chỉ trích xây dựng, nhưng không phải để phi báng và chụp mũ. Nếu nói họ có, mà thiếu bằng chứng để chứng minh, thì sẽ có luật pháp hiện hành nghiêm trị. Đã có nhiều trường hợp như vậy xảy ra rồi và xin những người hay chụp mũ người khác hoặc vu cáo người khác không có bằng chứng thì hãy lấy đó làm gương. Theo tôi thì nên thấy cái hay cái đẹp của người khác, tâm mình sẽ thanh thản hơn; còn nếu chỉ thấy cái xấu cái sai của đối phương thì lúc nào tâm ta cũng khó chịu. Có lần Nguyên Đạo Văn Công Tuấn viết: "Có nhiều người chỉ muốn vạch lá tìm sâu, thì kẻ ấy chỉ thấy sâu và không bao giờ thấy lá." Xin nhớ cho rằng chúng ta là những người học hạnh Thánh để thực hành theo các Thánh nhân, chứ không phải chúng ta là Thánh. Do vậy con người vẫn còn có những lỗi lầm, thì cũng là chuyện bình thường thôi, không có gì để khó hiểu cả.

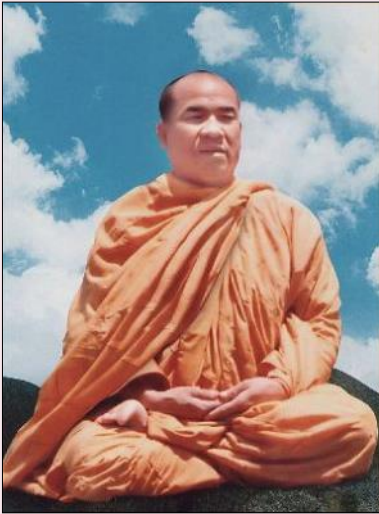
Đêm thứ Bảy ngày 15 tháng 8 "Tuồng niêm bậc xuất trần thượng sĩ" đã làm cho nhiều người thương cảm nhớ đến Sư Ông Minh Tâm. Những giọt nước mắt vẫn vô tình tuôn chảy như để nhớ lại một bậc Thầy đã dày công hy hiến đời mình cho Giáo Hội cũng như những công việc chung đại sự khác. Ngày hôm sau, 16 tháng 8 năm 2015 là ngày cắt băng Khánh thành (tuy chưa được phép chính thức của chính quyền Pháp, vì còn những công trình chính chưa hoàn thiện), nhưng chư Tôn Đức cũng như đồng bào Phật Tử khắp nơi đều hoan hỷ để được nhìn thấy hình ảnh này, sau 20 năm xây dựng. Lễ Hiệp Kỳ chư Lịch Đại Tổ Sư và tuyên đọc tâm niệm của Tăng Ni Hải Ngoại cũng như lễ Đại Tướng của Cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã được diễn ra vô cùng trang nghiêm thành kính. Kế tiếp là phần tấn phong Trụ Trì cho Thượng Tọa Thích Quảng Đạo và Ni Sư Diệu Trâm. Thầy Quảng Đạo sẽ lo cho ngôi chùa mới ở Evry với sự cố vấn của Chư Tôn Hòa Thượng trong Giáo Hội Âu Châu cũng như môn phái Liễu Quán gần và xa. Để điều hành ngôi đại tự này Thầy Quảng Đạo phải cần sự trợ duyên của chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng trong các Tổng Vụ của Giáo Hội. Phần nội tự sẽ do Thượng Tọa Quảng Đạo

cũng như Huỳnh đệ tử muội cùng quý Phật tử tại gia đảm trách. Ni Sư Diệu Trâm cũng đã phát biểu thật là đồng cảm và cảm động, khi Hòa Thượng Thích Tánh Thiết trao quyền Trụ Trì ngôi chùa cũ Khánh Anh tại Bagnneux mà Cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã Trụ Trì tại đó từ năm 1977 cho đến năm 2013. Đây là những hình ảnh đẹp vô cùng trong những Đại Lễ được cử hành tại chùa Khánh Anh trong những ngày này. Mặc dầu một cánh hoa đã rụng, nhưng có hai cánh hoa đã mọc lên để tiếp tục con đường của Thầy Tổ mình đã dày công vun đắp trong suốt hơn 40 năm qua. Tiếp theo là lễ cúng dường Trai Tăng cho gần 400 Tăng Ni hiện diện. Đây có lẽ là số Tăng Ni đông nhất tại Âu Châu có mặt trong những ngày này tại chùa Khánh Anh để tham dự những Đại Lễ vừa trình bày. Hẳn rằng Hòa Thượng Minh Tâm ở một nơi xa xôi nào đó, Ngài đã đoái mắt nhìn về ngôi Đại Tự Khánh Anh và mỉm cười hoan hỷ cho những việc truyền đăng tục diệm đã được kế vãng khai lai như thế.

Trong tháng 8 năm 2015 vừa qua tại Hoa Kỳ và Canada đã có ba cánh Hoa cùng rơi một lúc vào những ngày 3, ngày 18 và ngày 20. Đó là Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Pháp Chủ Thích Giác Nhiên, Viện Chủ Tổ Đình Minh Đăng Quang tại Westminster California, ra đi ở tuổi thượng thọ 93. Tiếp đến là Hòa Thượng Thích Viên Diệu, Trụ Trì chùa Thuyền Tôn tại Montreal, Canada ra đi ở tuổi 62 và một bậc danh Tăng thạc đức nữa, đó là Cố Đại Lão Hòa Thượng Thượng Thủ Thích Tâm Châu, ra đi ở tuổi 95 với 84 năm hành đạo và 74 Hạ Lạp trên khắp mọi miền đất Việt và năm châu, bốn bề kể từ hơn 40 năm nay, không có nơi nào là không có hình bóng của Ngài hiện hữu. Tôi sẽ viết về ba cánh Hoa đặc biệt này của Pháp Phái Khất Sĩ, của Liễu Quán Pháp Phái và của Trúc Lâm Yên Tử Pháp Phái. Dĩ nhiên sẽ có nhiều phần khiêm khuyết, kính mong chư Tôn Đức và Quý thiện hữu tri thức bổ túc cho. Xin vô vàn đa tạ.

Phái Khất Sĩ do Ngài Minh Đăng Quang sáng lập vào tiền bán thế kỷ thứ 20 và chỉ có Việt Nam mới có, chứ trên thế giới không có Phái này, ngoại trừ chư Tăng Việt Nam sang Mỹ hay các châu lục khác đã mang truyền thống Khất Sĩ này của Việt Nam đến thành lập ra. Căn cứ theo bộ "Chơn Lý" gồm hai quyển của Ngài Minh Đăng Quang truyền lại, thì đầu tiên Ngài tu theo Đại Thừa ở Việt Nam, sau đó Ngài sang Cao Miên để tham cứu Thiên học với các Sư Nam Tông và cuối cùng Ngài về lại Việt Nam thành lập phái Khất Sĩ này. Chư Tăng Ni dùng chay, đi khất thực, tịnh hành nhất là ở miền Nam Việt Nam. Và năm 1954 thì Ngài Minh Đăng Quang vắng bóng. Kể từ đó các Môn Đồ của Ngài đi du hóa khắp nơi để





thành lập Tịnh Xá và giáo hóa chúng sanh theo thể loại văn thơ được sáng tác hay dịch thuật từ các Kinh điển Đại Thừa. Cố Hòa Thượng Thích Giác Nhiên là vị Đệ tử sau cùng của Tổ Sư Minh Đăng Quang, Ngài sang Mỹ tỵ nạn Cộng sản vào đầu thập niên 80 và đã gầy dựng chừng 20 Đạo Tràng, Tu Viện, Tịnh Xá có liên quan đến hệ phái Khất Sĩ tại Hoa Kỳ. Bằng giảng của Ngài được gửi đi

khắp các nơi, nên Phật tử có cơ duyên để nghe và hành trì. Cuối đời, Ngài bị bệnh duyên trong 9 năm và vào ngày 3 tháng 8 năm 2015 Ngài đã ra đi ở tuổi đời 93 và hơn 60 hạ lạp. Đây là một mất mát to lớn của Giáo Đoàn Khất Sĩ Việt Nam cả trong lẫn ngoài nước. Sau đó nhục thân của Ngài được đưa về Việt Nam và hỏa thiêu tại Sài Gòn. Môn Đồ Pháp Quyển của Ngài đã cử hành những lễ nghi quan trọng để nhớ lại ân xưa của một bậc Thầy cao cả đã dày công huấn dục các tử đệ nên người.

Cách đây chừng 3 tháng Phái Đoàn Hoảng Pháp Âu Mỹ của chúng tôi có ghé Canada và nghe tin Hòa Thượng Viên Diệu, Trụ Trì chùa Thuyền Tôn tại Montreal bệnh nặng, nên đã ghé thăm và Thầy cho biết rằng: "Bác sĩ đã chê, cho về lại chùa an nghỉ, chắc chỉ còn 3 tháng nữa sẽ đi." Tôi nghe cũng hơi đột ngột, vì tin ấy chính từ Thầy nói ra, và lại tuổi đời Thầy mới 62, chưa phải có gì bi quan lắm. Thế nhưng ngày 18 tháng 8 năm 2015 vừa qua, Thầy đã ra đi vĩnh viễn rồi. Hòa Thượng Viên Diệu thuộc Pháp Phái Liễu Quán. Phái này được thành hình tại Đàng Trong vào cuối thế kỷ thứ 17 do Ngài Nguyễn Thiệu từ Trung Hoa qua giáo hóa, Tổ Liễu Quán người Sông Cầu Phú Yên ra Huế học đạo và đặc pháp với Ngài Nguyễn Thiệu. Và kể từ đầu thế kỷ thứ 18 đến nay, tại Huế nói riêng cũng như khắp các miền Trung và Hải Ngoại ngày nay, nhiều chư Tôn Đức thuộc về dòng Thiền này. Ngài Liễu Quán là người Việt Nam, nên Thiền Phái này được phát triển rất mạnh khắp nơi trên thế giới ngày nay. Thầy Viên Diệu ra đi để lại 3 ngôi chùa tại Canada và chắc rằng môn phong pháp phái Liễu Quán sẽ cử người ra đảm nhiệm.

Vào ngày mồng 7 tháng 7 năm Ất Mùi, nhằm ngày 20 tháng 8 năm 2015 Ngài Thượng Thủ của GHPGVN trên Thế Giới đã viên tịch tại Montreal với tuổi thọ 95. Xuất gia tại Ninh Bình từ 11 tuổi, 21 tuổi thọ giới Tỳ Kheo, nên Ngài đã có 74 Hạ Lạp trong Thiền Môn, là một trong những vị Trưởng Lão của Phật Giáo Việt Nam. Đó là cố Hòa Thượng Thích Tâm Châu, Ngài thuộc dòng phái Trúc Lâm Yên Tử của Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tôn. Đến năm 1954 Ngài theo làn sóng người tỵ nạn Cộng sản, đã xa lìa miền Bắc vào Nam và Ngài đã thành lập hay chúng minh cho nhiều ngôi chùa tại miền Nam Việt Nam như: Vĩnh Nghiêm, Giác Minh, Việt Nam Quốc Tự v.v... Trong giai đoạn nhiễu nhương của Phật Giáo bị nhà Ngô đàn áp, Ngài làm Trưởng Ban Liên

Phái Bảo Vệ Phật Giáo để đối thoại với chính quyền nhà Ngô và sau cuộc cách mạng thành công vào ngày 1 tháng 11 năm 1963, Ngài đã được bầu lên làm Viện Trưởng Viện Hóa Đạo đầu tiên của GHPGVN từ năm 1964, đến năm 1966 thì Giáo Hội tách rời làm hai thành Ấn Quang và Việt Nam Quốc Tự. Ngài giữ nhiều vai trò quan trọng trong nhiều giai đoạn khác nhau của Phật Giáo Việt Nam. Đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 Ngài một lần nữa đi tỵ nạn Cộng sản sang Pháp. Đến Pháp, Ngài lập chùa Từ Quang, rồi Hồng Hiền và sau đó qua Hoa Kỳ cũng như Canada để cố vấn cho chùa Giác Hoàng, Liên Hoa và tiếp đến Ngài trở lại Montreal để thành lập Tổ Đình Từ Quang. Năm 1984 Ngài đã thành lập GHPGVN trên Thế Giới tại chùa Liên Hoa Brossard Canada và Ngài làm Thượng Thủ. Đến năm 2014, đúng 30 năm sau Ngài tổ chức lễ kỷ niệm 30 năm thành lập tổ chức này rất trọng thể tại Tu Viện Viên Quang ở Hoa Kỳ.

Gần một thế kỷ Ngài đã kinh qua. Do vậy có không biết bao nhiêu điều đã nói, nhưng với người viết bài này xin cung kính dâng lễ Ngài như bao lần Ngài đến tham dự những lễ lộc quan trọng của chùa Viên Giác tại Hannover trong những năm 1991 (Đại Hội Ban Chấp hành của Hội Đồng Tăng Già Thế Giới), năm 2003 (lễ truyền trao Trụ Trì) và năm 2008 (lễ được tấn phong lên Hòa Thượng). Mỗi lần chúng tôi sang Canada cũng đều xin phép đến dâng lễ Ngài và mỗi lần như thế đều được nghe những lời giáo huấn của Ngài rất chí tình về sự hòa hợp Tăng Già cũng như cố gắng phát triển Phật Giáo tại các nơi v.v... Bằng ngâm thơ và kinh sách của Ngài, tôi được nhận rất nhiều, đã nghe và đã đọc. Từng chữ, từng lời như được gợi nhớ đầu đầy. Lễ ra tôi phải sang tận nơi Tổ Đình Từ Quang tại Montreal Canada để tiễn đưa Ngài lần cuối, nhưng trong Giáo Hội Âu Châu đã có nhiều vị đại diện đến để dâng lễ kim quan Ngài rồi, và lại ngày Vu Lan quá cận kề, nên không thể đến Canada được. Như những gì Ngài đã có lần dặn dò thân mật rằng: "Thầy Như Điển đừng quên tôi nhé! "Vâng! Con sẽ không bao giờ quên Ngài cũng như những hành hoạt của Ngài trên suốt một chặng đường dài của lịch sử Việt Nam và Phật Giáo Việt Nam như thế và con sẽ đến Tổ Đình từ Quang vào những dịp sau này như hình ảnh của Ngài đã thị hiện trên bầu trời Montreal vào lúc 10 giờ đêm ngày 21 tháng 8 năm 2015 khi đưa nhục thân của Ngài đi nhà quản vậy. Vâng! Chính những sự thị hiện của cánh Hoa vĩ đại ấy giống như "Cánh Hoa Tâm" mà Ngài đã trước tác, tạo nên những văn thơ Đạo Lý tuyệt diệu để gửi lại cho Đời vậy.

Trước sau gì rồi mọi người cũng sẽ có một ngày ra đi như vậy, nên ngay từ bây giờ chúng ta nên sẵn sàng đón nhận những niềm vui lẫn sự lo toan cho cuộc sống và hãy để như vậy cho dòng đời trôi chảy mãi đến tận vô cùng, không đợi chờ, không phủ nhận, mà hãy chấp nhận nó Như Là thì mọi việc sẽ qua đi.

Những cánh hoa rơi trên bầu trời Âu Mỹ ngày nay của thế kỷ thứ 21 đã làm cho chúng ta gợi nhớ lại những cánh hoa ngày trước, khi Đức Phật còn tại thế, mà trong Kinh Tạp A Hàm, Ngài A Nan một hôm đã bạch lên với Đức Thế Tôn rằng:

"Kính bạch Ngài, con đang nhặt được một cành hoa, khi con ngủ, mùi thơm của nó tỏa khắp, cảm thấy rất dịu dàng, thơm tho. Ngay cả cành và lá của nó cũng thơm nữa. Không những thế! bạch Ngài, cả rễ của nó con ngủ cũng cảm thấy thơm. Không biết có loài hoa nào ngược gió mà có thể bay khắp muôn phương chăng?"



Này A Nan! Có chứ. Đó là hương thơm của những người Phật tử tại gia giữ tròn 5 giới cấm. Đó là hương thơm của những người Phật tử tại gia trai giới gìn giữ cẩn thận trong sáu ngày, vào ngày mồng 8, 23, 14, rằm, 30 và mồng một. Đó là hương thơm của những người Phật tử tại gia giữ tròn Bát Quan Trai giới trong những ngày trên. Hương thơm này, dầu cho có ngược gió cũng bay khắp muôn phương.”

Như vậy đó, hương thơm của những người Đức Hạnh, dầu ngược gió cũng có thể bay khắp muôn phương, ngay cả hàng Cư Sĩ, Đức Phật vẫn ca ngợi tán dương như vậy; còn ở đây, như trên chúng ta đã thấy, các bậc Đại Sư đi vào đời, mang theo biết bao nhiêu nguyện lực để phổ hóa chúng sanh, thì hương thơm của giới, của định, của tuệ, của giải thoát và giải thoát tri kiến hương ấy vẫn còn lan tỏa khắp nơi trên hoàn vũ này.

Chúng ta tưởng niệm đến các Ngài cũng có nghĩa là chúng ta muốn noi theo những hạnh nguyện của các Ngài, đi vào đời, dẫn thân vì Đạo. Dầu cho bao hiểm nguy đến tánh mạng đi chăng nữa chúng ta vẫn không lùi bước trước những nghịch cảnh thử thách lòng mình. Có như vậy mới xứng đáng là đệ tử của Phật. Ngày nay pháp nhược, ma cường nên những thế lực vô minh đang rình rập bên ta. Vậy chúng ta hãy can đảm hơn lên để đi vào đời, phải làm sao giống như lời thệ nguyện của Ngài A Nan trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm rằng:

Trong đời ác năm trước, con nguyện xin vào trước

*Nếu có một chúng sanh nào chưa thành Phật
Thì con sẽ không vào Niết Bàn.*

Hãy dũng mãnh và tinh tấn lên, như voi chúa xông vào trận mạc. Chúng ta phải đối diện với vô minh và chúng ta phải chuyển hóa vô minh thành trí tuệ và chuyển hóa phiền não thành Bồ Đề. Đây mới là bốn phận của người tu Phật. Xin cầu nguyện cho tất cả chúng ta hãy vững lòng tin nơi Tam Bảo và nơi tự thân của mỗi người như vậy.

Thích Như Điển

*Viết xong vào mùa Vu Lan báo hiếu
năm 2015-Phật Lịch 2559.*

BÀI CA KÍNH NGƯỠNG

Tặng Nguyên Giác Phan Tấn Hải

1.
*Kính ngưỡng mây và kính ngưỡng sương
Và nắng bay rồi tan theo hương
Bóng Mẹ thơm lừng kinh diệu nghĩa
Quán Âm rúng động cõi vô thường
Mở mắt nhìn mười phương khổ nạn
Lắng tâm nghe vạn nẻo kêu thương
Xương máu mịt mùng lời oan nghiệt
Biết đến bao giờ hết nhiễu nhương.*

2.
*Kính ngưỡng gần và kính ngưỡng xa
Và chuông ngân rồi mưa liên hoa
Đóa sen lay nhẹ lời bi mẫn
Cánh gió vang lừng giọng thiết tha
Phổ cũ tê nhòa năm tháng mộng
Lòng đây sáng tỏ phút giây qua
Gửi một bài ca vô tận xứ
Độc cô kham nhẫn niệm bao la.*

3.
*Kính ngưỡng trưa và kính ngưỡng chiều
Và sắc màu đã thấm tịch liêu
Bóng Mẹ như rừng xanh ngát gió
Quán Âm như biển biếc dâng triều
Trông lên cảm tạ mùa hương chín
Ngó xuống tri ân đời dẫu yêu
Gửi một bài ca vô tận ý
Đưa tay hứng trọn tiếng chim kêu...*

07.2015

NGUYỄN LƯƠNG VY



**HÌNH ẢNH LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ—NGÀY VỀ NGUỒN LẦN THỨ 9 ,
LỄ ĐẠI TƯỜNG ĐLHT THÍCH MINH TÂM, VÀ KHÁNH THÀNH CHÙA KHÁNH ANH
TẠI CHÙA KHÁNH ANH, PHÁP QUỐC, TỪ NGÀY 13 ĐẾN 16/8/2015**



Photos by Thien Minh Pagoda



Photos by Thien Minh Pagoda

TỪ TRIẾT LÝ ĐẾN TÍN NGƯỠNG CỦA PHÁP NIỆM PHẬT

Thích Đức Trí



I. Khái lược về triết lý kinh điển của pháp môn Niệm Phật

Hầu hết các kinh luận Đại thừa đa số đều thu-yết minh tổng quát về pháp môn niệm Phật. Trên thực tế hình thành pháp môn Tịnh Độ phổ biến từ tư tưởng các bộ kinh căn bản như *Kinh Bát Chu Tam Muội* (Ban Châu Tam Muội), *Kinh A Di Đà*, *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*, *Kinh Vô Lượng Thọ*, *Kinh Hoa Nghiêm* và *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* và nhiều bộ kinh khác. Pháp niệm Phật đến với quần chúng ước tính khoảng mười tám thế kỷ qua (tính từ khi *Kinh Ban Châu Tam Muội* được dịch tại Trung quốc năm 179 s.d.), và pháp môn Tịnh Độ được hình thành và phát triển thời tổ sư Huệ Viễn (334-416 TL) cho đến ngày nay. Thực tế lịch sử đã chứng minh pháp môn niệm Phật đã đóng một vai trò quan trọng trong lĩnh vực truyền bá Phật giáo Đại thừa. Y cứ từ kinh điển liên quan Pháp môn niệm Phật, trên căn bản thì thiền sư Tông Mật (784-841), tổ thứ năm của tông Hoa Nghiêm đã phân thành bốn phương pháp niệm Phật. Đó là trì danh niệm Phật, quán tượng niệm Phật, quán tướng niệm Phật và thật tướng niệm Phật. Từ thời đại Tổ Liên Trì về sau phổ biến phương pháp niệm danh hiệu Phật A Di Đà.

Khi quay trở về với các kinh điển Nguyên thủy để đối chiếu thì thấy có những điểm khác nhau giữa pháp niệm Phật trong Phật giáo Nguyên Thủy và Tịnh Độ tông. Đó là sự thực, lý do là Phật giáo Nguyên thủy lấy Thiền Tứ Niệm Xứ làm pháp môn chủ đạo cho sự chứng đắc và giác ngộ. Niệm Phật theo hệ kinh Nikaya là pháp quán niệm chứ không phải là xưng niệm danh hiệu như thời kì về sau này của Tịnh Độ tông. Nhưng vấn đề chú ý là Tịnh Độ tông lấy pháp niệm Phật làm pháp môn chủ đạo cho mục đích vãng sanh và chứng đắc Niết bàn. Nói niệm Phật vãng sanh là có y cứ từ kinh luận Đại thừa. Nhưng niệm Phật chứng ngộ Niết bàn được đề cập trong kinh điển Nguyên thủy là Đại thừa chưa phổ biến rộng rãi trong quần chúng. Từ hiện thực đó, niệm Phật là một nghệ thuật điều phục tâm, phương pháp tuyệt diệu đi vào thiền định và chứng đắc tuệ giác bị chôn vùi đàng sau lớp rào cản của tín ngưỡng làm cho mọi người dễ phát sinh nhiều quan niệm sai biệt về pháp tu này. Tín ngưỡng đây là từ ngữ tạm dùng vì chưa thể hiện trọn vẹn ý nghĩa niệm Phật từ phương diện triết lý. Tín ngưỡng niệm Phật là mặt nổi với niềm tin Phật ở cõi Tây Phương được phổ biến trong nhân gian, nhưng trong đó tiềm ẩn tư tưởng Phật đà quan và pháp quan của Phật giáo Đại thừa. Niềm tin và triết lý của Pháp niệm Phật đã từng hòa quyện vào nhau trở thành pháp tu với hai phương diện niệm Phật vãng sanh và niệm Phật chứng ngộ Niết bàn là vấn

đề mà bài viết này đề cập đến.

A Di Đà, phiên âm từ chữ Phạn Amita, có nghĩa là Vô Lượng; A Di Đà là Vô Lượng Thọ (Amitāyus) và Vô Lượng Quang (Amitābha). Tại sao từ A Di Đà chuyển đến ý nghĩa Vô Lượng Thọ và Vô lượng Quang, đó là xuất phát từ nhiều lý do thích đáng. Các nhà dịch thuật đều căn cứ vào ý nghĩa và nội dung kinh văn để nhận thức phẩm đức của Phật A Di Đà. Theo từ điển *Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam* giải nghĩa: "A Di Đà xuất hiện rất sớm ở Trung Quốc qua bộ kinh *Ban Châu Tam Muội do Chi Lâu Ca Sấm thực hiện năm 179 s.d., Đại A Di Đà Kinh do Chi Khiêm dịch vào đầu thế kỷ thứ III và Kinh A Di Đà do La Thập dịch vào đầu thế kỷ thứ V*" (1). Điều chúng ta thấy là có nhiều kinh luận Đại thừa xuất hiện giới thiệu Phật A Di Đà. Theo tinh thần các kinh Đại thừa nói chung thì A Di Đà (Amita) có nghĩa rút gọn tên Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang. Đặc biệt trong kinh điển Mật giáo, A Di Đà Phật còn có tên gọi là Cam Lồ Đại Minh Vương hay Kim Cương Cam Lồ Thân (2). Một vài học giả đối chiếu tư tưởng các tôn giáo khác có sự suy luận sai biệt, như có người cho rằng: "A Di Đà là sự phát triển của thần thoại mặt trời trong tư tưởng tôn giáo Iran, hay có thể xuất phát từ tín ngưỡng Vishnu trong thời Veda của Ấn Độ" (3). Nhưng chúng ta phải hiểu là đó sự suy luận theo tinh thần khảo cứu của các học giả. Đối với các nhà Phật học chắc chắn căn cứ nội dung các kinh điển Đại thừa và kinh Nguyên thủy để phát triển tác dụng giáo lý Tịnh Độ trong quá trình tu tập và hoằng pháp.

Ai đã từng đọc kinh văn Nguyên Thủy, đều biết ý nghĩa niệm Phật là phương pháp quán tưởng, quán niệm về mười phẩm hạnh của Đức Phật trong pháp Lục niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí và niệm Thiên. Có nghĩa Niệm Phật ở đây là tư duy về Phẩm đức Phật chứ không phải là xưng danh hiệu. Khi thuyết pháp cho các đệ tử cư sĩ, Đức Phật dạy như sau: "Các ông sắp vào nơi hoang mạc, sẽ gặp nhiều khủng bố, tâm kinh hoàng dựng đứng cả lông, lúc ấy nên niệm Như Lai sự: 'Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... cho đến Phật, Thế Tôn. Niệm như vậy thì mọi khủng bố đều tiêu trừ.'" (4) Trong *Kinh Trung A Hàm* đức Phật dạy về tác dụng pháp quán niệm mười phẩm đức của Phật: "Người ấy sau khi niệm tưởng Như Lai như vậy, ác tham nếu có liền bị tiêu diệt. Những pháp tạp uế, ác bất thiện, nếu có cũng bị diệt." (5) Niệm Phật trong thiền môn tổ sư thiền tông Hoằng Nhẫn có chú trương: "Niệm Phật tịnh tâm" (6) (Niệm Phật để tịnh tâm). Niệm Phật ở đây là phương tiện nhiếp tâm và quán tâm. Cho nên thiền sư Thần Tú định nghĩa: "Phủ niệm Phật giả, đương tu chánh niệm" (7) (Niệm Phật tức là tu chánh niệm), mà chánh niệm để quán nguồn tâm, thuật từ điển đạt là "quán sát tâm

Nguyên". Tịnh Độ tại tâm là chủ trương của Thiền tông cũng chỉ là cấp độ hoàn thiện của Pháp môn niệm Phật. Tư tưởng này cũng là quan niệm về Tịnh độ của Phật giáo Việt Nam thời Trần, Thiền Sư Trần Nhân Tông có bài kệ khai thị như sau: "*Tịnh Độ là lòng trong sạch, Chớ còn hỏi đến Tây Phương. Di Đà là tính sáng soi, Mưa phải nhọc tìm Cực Lạc*" (8) Một khi đạt đến cấp độ niệm Phật đoạn trừ phiền não, dứt sạch tham ái thì Niết bàn xuất hiện và Cực lạc tây phương trong tâm tay đâu còn tìm cầu. Chứng ngộ Niết bàn là thể nhập được tánh giác thanh tịnh, đầy đủ vô lượng công đức, ý nghĩa ấy được gọi "Duy Tâm Tịnh độ" hay "Tự tánh Di Đà," đó là cụ thể hóa ý nghĩa "Thực tướng niệm Phật" trong giáo nghĩa Tịnh Độ. Đây là điểm then chốt mà các tông phái thường quan niệm ý nghĩa Thiền và Tịnh hợp nhất.

Trên phương diện kinh giáo thì Đức Phật Thích Ca là Phật lịch sử. Có vài học giả bảo rằng Phật A Di Đà là Phật Tôn giáo. Đây là điểm thuộc về nghiên cứu, nhưng chúng ta phải hiểu rằng: Mục đích Phật nói kinh, không phải xây dựng hình ảnh Phật theo ý nghĩa Tôn Giáo. Phật tôn giáo là khái niệm các học giả thiết lập để tìm hiểu về Phật giáo. Kinh Văn Đại Thừa nhắc đến Phật A Di Đà là vị Phật quá khứ. Đứng về phương diện Phật Đà quan mà luận, nếu Nguyên thủy Phật giáo chấp niệm quan điểm Thất Phật theo kinh Trường bộ (9), thì đương nhiên chấp nhận có quá khứ Phật, hiện tại Phật và vị lai Phật. A Di Đà hay mười phương chư Phật đều là Phật quá khứ. Phật dạy mọi chúng sanh có Phật tánh đều có thể thành Phật. Từ triết lý nhân quả mà luận thì tu theo hạnh Phật sẽ thành Phật, tu theo hạnh Bồ tát sẽ thành Bồ tát. Phật Thích Ca hay Phật Di Đà và vô số Phật trên phương diện Pháp thân, trí tánh giác ngộ đều bình đẳng, tu là để khôi phục tánh giác ngộ ấy. Nhưng các pháp môn căn bản đều thiết lập trên ba môn Giới-Định-Tuệ để loại bỏ Tham-Sân-Si. Pháp niệm Phật được hiểu như thế. Chúng sanh khổ đau do tâm tạo, do tâm hằng tư niệm ác pháp điều động thân miệng ý khởi hạnh ác, nay trở về niệm Phật, giúp tâm thanh tịnh. Tất cả các phương pháp Phật dạy đều là phương tiện, không nên dùng kiến giải chủ quan làm chìa khóa phân tích và so sánh nó từ gốc độ chân đế. Nếu lập luận như thế để làm chiếc bè và bờ sông là một, thật đáng tiếc trong phương thức luận!

Vấn đề Tịnh Độ quan, chúng ta suy nghiệm từ kinh tạng Nikaya, qua bài Kinh Đại Thiện Kiến Vương (10), ngôn từ Đức Phật thuật lại cho ngài A-nan nghe quốc gia hưng thịnh của vua Thiện Kiến làm Chuyển luân thánh vương trong thời quá khứ, ngôn từ diễn tả môi trường của cảnh giới ấy căn bản có nhiều điểm giống như thế giới Tây phương cực lạc trong kinh A Di Đà. Hơn nữa từ thực tế, Đức Thích Ca trước khi thành Phật cõi Ta Bà là Bồ tát Hộ Minh trú tại cõi trời Đâu suất, Phật Di Lạc tương lai thành Phật cũng đang trú tại cõi trời Đâu suất. Cảnh giới đó chúng ta có thể gọi là Thiên quốc tịnh độ. Đứng về phạm trù tâm mà luận, Phật hay Bồ tát luôn có Tịnh Độ hiện hữu, vì có cái tâm trong sạch thì có

cảnh giới trong sạch là Tịnh Độ. Nếu Phật và Bồ tát có tâm giải thoát khi thị hiện trong nhân gian này, thì thế giới chúng ta có thể gọi là Phàm thánh đồng cư độ.

Do vậy, người tu niệm Phật xem Đức Phật là đấng giác ngộ vẹn toàn, bậc giác ngộ giải thoát có năng lực từ bi và trí tuệ siêu việt, tin cõi Tịnh Độ trang nghiêm không thể nghĩ bàn. Đức Phật xuất hiện thế gian không ai bằng Phật được nhấn mạnh trong kinh Nguyên thủy như sau: "*Ta là bậc tối thượng ở trên đời. Ta là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời.*" (11) Trong Kinh điển Nguyên thủy ghi lại Đức Thích Ca cũng xuất hiện trong đời với nhiều năng lực siêu phàm, công đức thù thắng siêu việt thế gian, người phàm phu không có được. Trong giáo lý Tịnh Độ, các kinh điển Đại thừa đều đề cập Đức Phật A Di Đà phóng quang tiếp độ chúng sanh phát nguyện vãng sanh là điều sự thực chứ không yếu tố thần thoại của người đời sau. Kinh Nguyên thủy cũng có xác nhận về sự kiện đức Phật hiện hào quang như sau: "*A Nan nên biết, ta có hai nhân duyên mà phóng hào quang lớn: Một là khi ở bên gốc cây bồ đề sắp thành đạo, liền phóng hào quang. Hai là khi sắp vào Niết bàn cũng phóng hào quang lớn.*" (12)



Như thế, từ quan điểm tu niệm Phật của Phật giáo Nguyên Thủy, Tịnh Độ tông phát huy yếu tố niệm Phật với tín ngưỡng tích cực, kinh luận Đại thừa cho là chánh tín trong pháp môn tu. Nhưng niệm Phật nhập vào cảnh giới Tam Muội (Chánh Định), phát huy sự quán chiếu và chứng ngộ Niết bàn được nhấn mạnh trong Kinh Bát Chu Tam Muội, Kinh Lăng Nghiêm, hay Kinh Văn thù Thuyết Bát Nhã Kinh thì hoàn toàn phù hợp với quan điểm niệm Phật chứng đắc Niết Bàn trong kinh Nguyên thủy. Đức Phật đã dạy như sau: "*Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là Niệm Phật. Chính một pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.*" (13) Ý nghĩa niệm Phật như vậy thì Nguyên thủy và Đại thừa đều chấp nhận.

II. Bước chuyển từ triết lý niệm Phật đến tín ngưỡng niệm Phật:

Theo lịch sử Phật giáo thì từ thời Tổ Huệ Viễn đến thời Tổ Thiện Đạo có ba tư tưởng chính thực hành pháp môn Tịnh Độ gọi là "Tịnh độ tam lưu." Trong tác phẩm: "Tuyển trạch bản nguyên niệm Phật tập" (14) của Pháp Nhiên, một tăng sĩ Nhật Bản có chép rằng, có bốn nhân vật quan trọng trong sự phát triển tư tưởng Niệm Phật. Phái thứ nhất là Huệ Viễn (334-416) chủ trương quán tưởng niệm Phật, lấy kinh Ban Châu Tam Muội làm y cứ tu học. Thực hành quán tưởng niệm Phật, chuyên chú niệm Phật để đạt Tam Muội (Chánh định), thấy Phật vãng sanh. Phái thứ hai có Đạo Xước và Thiện đạo, nhưng chỉ

gọi là Phái Thiện Đạo (613-681), tiếp nối tư tưởng của Đàm Loạn chủ trương nương vào tha lực Phật bốn nguyện của Phật, niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh Độ. Phái thứ ba có Tam tạng Từ Mẫn (680-748), còn gọi là Pháp sư Huệ Nhật, chủ trương: Giáo, Thiện, Giới, Tịnh kiêm tu, thực hành tất cả pháp lành, chuyên tâm niệm Phật nguyện sanh Tịnh Độ.

Kinh Văn Đại Thừa có quan niệm về yếu tố tha lực trong giáo nghĩa niệm Phật. Tha lực có phải là năng lực và bốn nguyện của Phật hay là hy vọng được thiết lập từ tính chủ quan của đệ tử Phật? Trong giáo lý Nguyên thủy hàm chứa yếu tố tha lực như là công đức phát sanh từ lòng kính trọng Đức Phật, kính trọng Tam Bảo, hay là từ công đức bố thí. Trong bài kinh "Lâu Đài Của Nàng Chiên Đà La (Candali -Vimàna)" (15) kể câu chuyện một phụ nữ nghèo, hạnh nghiệp xấu nhưng một lần lễ Phật với lòng thành kính, sau đó bị tai nạn lâm chung mà được sanh lên cảnh thiên cung. Hay câu chuyện: "Lâu đài do cúng mè" (16), kể lại một người phụ nữ nghèo khổ, từ lâu sống với nghiệp xấu đáng đọa địa ngục, nhưng nhờ một lần cúng dường mè cho Đức Phật mà được phước sanh thiên. Trong giáo lý Tịnh độ tin tưởng rằng người thường niệm, lễ Phật và tu các thiện pháp sẽ được Phật tiếp độ vãng sanh. Đây là yếu tố quan trọng phát huy quan niệm tha lực và tư lực hợp nhất trong giáo lý Tịnh Độ. Nguyên Thủy Phật giáo, bậc thánh tử A Na hàm trở lên mới thực sự không còn bị tái sanh vào thế giới Ta Bà, sẽ sanh vào cõi trời và sau cùng đắc quả A La Hán tại đó "Sau khi viên tịch ở đây, Ngài tái sanh vào cảnh giới Vô Phiền Thiên (Suddhavasa, cảnh giới hoàn toàn tinh khiết), một cảnh giới thích hợp với các vị A Na Hàm. Ngài sẽ chứng đắc Quả A La Hán và sống hết tuổi thọ trong cảnh giới này." (17) Chúng ta có thể nói rằng từ bậc A Na Hàm mới được an trú trong cảnh "Thiên quốc Tịnh Độ".

Theo giáo lý Tịnh Độ Phật A Di Đà là vị Phật ánh sáng luôn soi chiếu thông suốt mọi cảnh giới, tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh. Đại thừa triển khai chân lý Phật dạy với quan niệm Thế giới quan và Phật đà quan hoàn toàn không bị đóng khung trong quan niệm của Phật giáo Nguyên thủy. Niềm tin trọn vẹn về một bậc thầy giác ngộ viên mãn, đầy đủ oai lực từ bi và trí tuệ. Năng lực của Phật có từ trường rất mạnh đối với tâm thức người quán niệm. Người tu Tịnh Độ, cũng có niềm tin rằng bên ngoài có Phật A Di Đà, bên trong tâm mình có tánh Phật A Di Đà. Khi chưa giác ngộ thì còn bị phiền não che lấp tánh Di Đà, nay niệm Phật là phương tiện tuyệt vời để khôi phục tâm tánh ấy.

Có thể nói niệm Phật theo hệ Nikaya là quán tưởng công đức Phật, Tịnh Độ tông phát huy yếu tố tha lực và tín ngưỡng một cách triệt để, để truyền bá rộng rãi trong quần chúng. Nhưng phải ghi nhận rằng, yếu tố triết lý trong giáo nghĩa Tịnh Độ vẫn nhấn mạnh vai trò pháp Niệm Phật hướng đến chứng ngộ Niết bàn như giáo lý Nguyên Thủy. Như kinh Bát Chu Tam Muội, Kinh Văn Thủ Thuyết Bát Nhã Kinh, Kinh Lăng Nghiêm và nhiều kinh khác.

Phái của ngài Huệ Viễn thể hiện pháp niệm Phật tam muội, thiên về phép quán tưởng niệm Phật, ít phổ biến rộng rãi, nhưng bậc trí tu hành pháp này rất thực dụng. Phái tổ Thiện Đạo khuyên niệm Phật chú trọng y cứ vào Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Quán Vô Lượng Thọ, với tín ngưỡng là người niệm Phật được tất cả các chư Phật hộ niệm "Nhất thiết chư Phật hộ niệm". Phái của ngài Từ Mẫn thì mang tính chất quân bình trong đời sống niệm Phật,

vận dụng giáo nghĩa Phật dạy các tông phái Giáo-Thiên-Mật-Tịnh. Về sau, có Thiên sư Vĩnh Minh (904-975), có công khởi xướng tư tưởng Thiên Tịnh song tu, điều hòa tư tưởng Thiên và Tịnh thông qua triển khai rộng phương diện triết lý của pháp môn niệm Phật. Điều đó thể hiện rõ trong tác phẩm "Vạn thiện đồng quy tập". Các nhà hoằng pháp xưa nay, tùy theo đối tượng và hoàn cảnh đúc kết tinh hoa Tịnh Độ để tu học và đưa về tính nhất quán với lập trường giáo lý Đại thừa.

III. Vãng sanh và chứng ngộ là tinh hoa của pháp môn niệm Phật

Vãng sanh có nhiều chánh nhân, nhưng căn bản kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy rằng: "Này Vi Đề Hi! Người muốn sang nước Cực Lạc ấy nên tu ba phước. Một là hiếu nuôi cha mẹ, kính thờ bực Sư Trưởng, có tâm nhưn tử chẳng giết hại và tu tập mười nghiệp lành. Hai là thọ trì Tam Quy y, đầy đủ các cấm giới và chẳng phạm oai nghi. Ba là phát tâm Bồ Đề, sâu tin nhưn quả, đọc tụng Kinh điển Đại Thừa và khuyên dạy sách tiên người tu hành. Ba sự như vậy gọi là tịnh nghiệp." (18) Đó là hạnh tu thiết thực trong đời sống con người, mang ý nghĩa đạo đức, luân lý, giới luật và tu tập trí tuệ. Vãng sanh theo Kinh A Di Đà dạy là phải đạt "Nhất tâm bất loạn", một khi đạt nhất tâm bất loạn tức là thành tựu về thiên định và trí tuệ. Khi có đủ tuệ giác thì mới có đầy đủ công đức giải thoát. Vãng sanh theo kinh Hoa Nghiêm được đúc kết trong quá trình thực hành mười nguyện lớn của Bồ Tát Phổ Hiền, đây là lộ trình tu học tích cực, có chí nguyện lớn trong tinh thần tự lợi và lợi tha, sau cùng đem hết thảy công đức nguyện sanh về cõi Tây Phương Tịnh Độ. "Hạnh Phổ Hiền thù thắng của tôi, Phước lớn vô biên đều hồi hướng, Khấp nguyện chúng sanh đang chìm đắm, Mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang." (19) Theo Kinh Thủ Lăng Nghiêm, muốn sanh Tịnh Độ là niệm Phật đắc vô sanh pháp nhãn, tức thuộc bậc Bồ tát mới thông đạt pháp vô sanh, hay là bất thối địa. Đây là hạnh tu của Bồ tát Đại Thế Chí, dùng câu niệm Phật để thâm nhiếp sáu căn, tinh niệm tâm để nhập vào chánh định, khi có chánh định thì có tuệ giác ngộ và được vãng sanh. "Pháp tu nhân địa của con là chuyên tâm niệm Phật, chứng nhập pháp Vô Sanh Nhân. Nay ở cõi Ta Bà này, rộng độ những người niệm Phật, vãng sanh về Tịnh Độ. Phật hỏi về chứng đắc viên thông, con không lựa chọn, đều nhiếp lục căn, tinh niệm kế tiếp, được vào Tam Ma Địa, đó là thù thắng nhất." (20)

Kinh Bát Chu Tam Muội dạy pháp quán tưởng niệm Phật. Đây là một phương pháp tưởng nhớ và quán sát hình ảnh Phật A Di Đà đến chuyên chú và nhập thiên định. Do sức tưởng niệm mà thấy Phật A Di Đà, thấy Phật là đồng nghĩa được vãng sanh. Nhưng muốn thấy Phật A Di Đà phải vào Tam Muội, tức nhập vào chánh định. Kinh chép: "Như ta vừa nghe danh hiệu đức A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác hiện nay ngài ngự ở thế giới chư Phật. Thế giới của ngài tên là Cực Lạc nơi thường ngự vào các pháp hội của các Bồ tát để nói pháp và giáo hóa. Rồi người nghe y theo chỗ nghe được chuyên tin tưởng nhớ quán sát không ngừng nghĩ cho đến khi hình ảnh trên hiện rõ ràng trong trí sau cùng được thấy Đức A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác." (21) Và kinh này giải thích rõ phương pháp khởi tâm quán sát, biện tâm để đắc trí tuệ giải thoát Niết bàn như sau: "Tâm có tướng niệm tức thành sanh tử, Tâm không tướng niệm tức là



Niết Bàn, các pháp không chọn thật chỉ do tư tưởng duyên khởi, đối tượng bị nghĩ liền diệt chủ thể năng tưởng cũng không. Hiền Hộ! Ông nên biết các Bồ tát như tam muội này chứng được trí giác vĩ đại.” (22)

Niệm Phật như thế nào để phù hợp với tông chỉ của giáo lý Phật dạy? A Di Đà chính là bản tánh của chúng ta, niệm Phật là hàng phục phiền não để hiển lộ tánh giác A Di Đà. Niệm Phật để chuyển thức thành trí, hiển lộ tự tánh Di Đà. Niệm Phật đạt nhất tâm bất loạn, không còn tướng người niệm và đối tượng niệm: Niệm Phật siêu việt đối đãi năng sở. Niệm Phật quán tướng Cực lạc tại tâm, cho nên không còn khái niệm đây là Ta Bà và kia là Tịnh Độ: Niệm Phật siêu việt chướng ngại không gian. Niệm Phật an trú ngay trong mỗi niệm không chấp trước, không mong cầu tương lai, không truy tìm quá khứ: Niệm Phật siêu việt thời gian. Niệm Phật như thế, không lạc vào có và không, không chấp trước, tâm tánh rỗng lặng: Niệm Phật khế hợp trung đạo thật tướng. Công phu như vậy, thì Thiền, Tịnh và Mật hay các phương pháp tu học khác cùng điểm chung là hướng về Niết bàn giải thoát, như nước trăm sông đổ vào một biển cả mênh mông.

IV. Lời kết

Trên phương diện tu học, thực tập bất cứ một pháp môn nào cũng có những phương tiện nhất định để điều phục và chuyển hóa tâm. Tịnh Độ đã từng phát triển mạnh mẽ trong tri thức quần chúng qua nhiều thế kỷ tại các nước Phật Giáo Đại thừa. Liên quan vấn đề tín ngưỡng và triết lý trong pháp niệm Phật chúng ta có thể đi đến một vài nhận xét sau:

Thứ nhất: Tín ngưỡng và triết lý trong pháp niệm Phật là điều kiện căn bản của mục đích vãng sanh và thành tựu tuệ giác. Bồ tát Long Thọ xem pháp môn niệm Phật để thành tựu đạo quả vô thượng một cách mau chóng, gọi là “Đi hành đạo”(Đễ tu hành): “Pháp pháp có vô lượng môn, như những con đường ở thế gian có khó có dễ, đi bộ thì khó ngồi thuyền bè thì dễ. Muốn dễ đi mau đến phải nên niệm Phật, phải nên xưng danh hiệu Phật A-Di-Đà thì mau được đạo giác ngộ Chân Chánh Vô Thượng” (23).

Thứ hai: Niệm Phật là phương pháp rất thù thắng để điều phục phiền não và thể nhập trạng thái chánh định, đó là tiềm năng của sự quán tâm để chứng ngộ Niết bàn. Vấn đề đặt ra là phương pháp niệm và quán tướng theo đúng kinh điển Nikaya và kinh Đại thừa hướng dẫn.

Thứ ba: Trên phương diện triết lý thì Thực tướng niệm Phật là nội dung căn bản của các pháp môn, vạn pháp không ngoài tâm, mười pháp giới không ngoài tâm, vũ trụ không ngoài tâm, Tây Phương Tịnh Độ không ngoài tâm và niết bàn Niết Bàn không ngoài tâm. Tâm ấy là bản thể vạn pháp, chính là “Tự tánh Di Đà, Duy Tâm Tịnh Độ”. Dù tu bất cứ pháp môn nào sau cùng cũng chứng ngộ tâm tánh ấy. Đó là tinh hoa của pháp môn Tịnh Độ, cho nên các vị tổ sư xem Pháp Niệm Phật là phương tiện thiết thực trong sự tu học và truyền bá Phật pháp.

- 1) Lê Mạnh Thát- Từ điển bách khoa Phật giáo Việt Nam, tr 396
- 2) Lê Mạnh Thát- Từ điển bách khoa Phật giáo Việt Nam, tr 407
- 3) Lê Mạnh Thát- Từ điển bách khoa Phật giáo Việt Nam, tr 412
- 4) Kinh Tạp A Hàm số 980, Việt dịch: Thích Đức Thắng, Tuệ Sỹ chú giải.
- 5) Kinh trung A Hàm- Bài Kinh Trì Trai số 202, Hán Dịch: Phật Đà Da Xá & Trúc Phật Niệm, Việt Dịch & Hiệu Chú: Thích Tuệ Sỹ.
- 7) Pháp sư Ấn Thuận-Trung Quốc Thiên Tông Sư- Niệm Phật tịnh tâm dữ tịnh tâm niệm Ma Ha Bát Nhã(Từ bản Hán)
- 8) Lưu Quý Kiệt-Phật Giáo Triết Học, chương 23, Phật giáo thực tiễn luận, Tr 433 (Xem từ bản Hán)
- 9) Sđd, Lê Mạnh Thát- Từ điển bách khoa Phật giáo Việt Nam-2005, tr 446
- 10) Trường Bộ Kinh, Kinh Đại Bốn (D.ii.14) Pāli: D.17. Mahā-Sudassana-suttanta. Tham chiếu, No.1(2) “Kinh Du hành”; No.5 Phật Bất-nê-hoàn Kinh, quyển hạ, Bạch Pháp Tổ dịch; No.6 Bất-nê-hoàn kinh, khuyết danh dịch; No.7 Đại Bất-niết-bàn kinh, Nghĩa Tịnh dịch; No.1451 Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tì-nại-da Tap Sự quyển 37, Nghĩa Tịnh dịch. (Theo chú thích của thầy Tuệ Sỹ dịch kinh Trung A Hàm)
- 11) Trường Bộ Kinh, Kinh Đại Bốn (D.ii.15).
- 12) Bộ A Hàm II-Kinh Trường A Hàm số 2, Kinh Đại Bát Niết Bàn, tr 23, Phật học tùng thư Linh Sơn Anh quốc ấn hành.
- 13) Kinh Tăng Chi Bộ,tập I, chương 1, Phẩm Một pháp-Niệm Phật.
- 14) Pháp Nhiên Thượng sư- “Tuyển trạch bản nguyện niệm Phật tập”, xem từ bản Hán.
- 15) HT Minh Châu dịch, Tiểu bộ kinh- Lâu Đài Của Nàng Chiên Đà La (Candali -Vimāna)-VNCPH xuất bản 1999
- 16) HT. Thích Minh Châu dịch- Tiểu bộ kinh II, câu chuyện Lâu đài do cúng mè. VNCPH xuất bản 1999.
- 17) Hòa thượng Narada- Đức Phật và Phật Pháp-Chương Con đường niết bàn, Phạm Kim Khánh dịch từ Anh sang Việt, 1998.
- 18) Kinh Quán Vô Lượng Thọ-HT. Thích Trí Tịnh dịch.
- 19) Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Phẩm Nhập Bất Tư Nghi Giải Thoát, Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Thứ 14. Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Bát Nhã, Việt dịch: Hòa Thượng Thích Trí Tịnh.
- 20) Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương, Pháp sư Minh Nhãn - Việt dịch
- 21) Kinh Bát Chu Tam Muội, Hán dịch: Đời Tùy Tam Tạng, Khất Đa và Cấp Đa. Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Lễ
- 22) Kinh Bát Chu Tam Muội, Hán dịch: Đời Tùy Tam Tạng, Khất Đa và Cấp Đa.Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Lễ
- 23) Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh,Quyển 26, Tỳ Đàm Bộ Nhất, Số 1521, Trang 40, Luận Tỳ Bà Sa,Phẩm Dị Hành, Trước tác: Thánh Giả Long Thọ, Hán dịch: Cư Ma La Thập, Việt dịch: Thích Hồng Nhơn



AYLAN OI!

Hình ảnh một thuyền nhân ba tuổi Aylan Kurdi, trôi giạt vào bãi biển của xứ Thổ Nhĩ Kỳ ngày 3 tháng 9 năm 2015, đã gây xúc động cho cả hành tinh này.

*Aylan ơi!
Sao em nằm úp mặt?
Hãy ngược lên!
Trông kìa, rạt rào muôn ngọn sóng của trùng khơi!*

*Aylan ơi!
Ta muốn trông thấy dấu chân em bé xiu,
Xinh xinh trên bãi cát phẳng lì.
Trông kìa, sao trông giống dấu chân ta thuở bé.*

*Aylan ơi!
Ngọn sóng nào?
Đã xóa đi dấu chân em trên cát,
Những dấu chân, một ngày xưa thơ ấu,*

*Aylan ơi!
Sao em nằm sấp mặt?
Hãy đứng lên, hãy khóc lên thật to!
Đấy đại dương tối đen, các thuyền nhân đang chờ.*

*Aylan ơi!
Úp mặt trong cát ướt,
Sao em im lặng thế?
À nhĩ! Hay em không còn biết khóc?*

*Hay nước mắt đã khô?
Đại dương nước đã mặn,
Thôi em đừng khóc nữa,
Đưa tay, ta cho em chiếc kẹo.*

*Chiếc kẹo này,
Ta giấu mãi trong tim,
Cha mẹ ta cho ta,
Từ những ngày thơ ấu,*

*Aylan ơi, hãy đứng lên!
Hãy vui đùa, chạy nhảy.
Đại dương ơi, hồi muôn nghìn ngọn sóng,
Ta xin chết thay em.*

Bures-Sur-Yvette, 07.09.15

thơ HOANG PHONG



Aylan và anh lớn hơn hai tuổi, cả hai và mẹ đều chết trong chuyến vượt biên bằng thuyền



THIÊN THẦN NGỦ TRÊN CÁT

*Bé nằm ngủ trên cát
Êm ả như nôi hồng
Xoài tay nghe gió hát
Sóng vỗ bờ mênh mông ...*

*Bé ngủ say, say lắm
Chìm trong giấc mộng du
Bé thấy mình là sóc,
Là hươu, nai, thỏ, rùa ...*

*Cả bầy đang trốn chạy
Bọn thợ săn rượt tìm
Rừng ơi! Xa! Xa mãi!
Núi ơi! Núi lặng thinh!*

*Chỉ còn biển chờ Bé
Sóng dập dồn trùng khơi
Vòng tay mẹ bỗng lỏng!
Và Bé rơi!
Bé rơi!*

*Bé thấy mình là nước
Và nước là Bé thôi
Không thù, cũng không hận
Không buồn, cũng không vui*

*Bé nằm yên, say ngủ
Thiên thần, giấc trẻ thơ
Thiên thần bỗng thức tỉnh
Bao lương tâm dật dờ!*

*Những cánh cửa đang mở
Hỗ thẹn và ăn năn
Vòng tay Bé, bé lắm!
Mà giang rộng nhân gian*

*Ôi thiên thần bé nhỏ
Và giấc ngủ thiên thu
Giữa những người thù hận
Bé sống không hận thù (*)*

(*) *Tinh thần Kinh Pháp Cú*

thơ HUỆ TRÂN

(Tào-Khê tịnh thất, sau thời công phu, nhìn hình ảnh em bé thuyền nhân Aylan Kurdi 3 tuổi, trôi giạt vào bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ, trong chuyến vượt biển tỵ nạn cùng gia đình và đồng hương Syria. Hình ảnh này đang gây chấn động toàn cầu, thức tỉnh lương tâm nhân loại và đưa đến hành động từ bi tích cực. là nhiều quốc gia đang mở rộng cửa, đón người tỵ nạn chạy trốn bạo quyền)



CON NGƯỜI MẠNH NHẤT

Ni Sư Thích Nữ Trí Hải

Trong kinh Tịnh Danh, đức Phật dạy có hai hạng người có sức mạnh nhất: đó là người không có tội, và thứ hai là người có tội mà biết hối cải – một sự hối cải rốt ráo phát xuất từ tâm can, quyết chí đổi bỏ điều ác thực hành điều thiện.

Nói rõ hơn, con người mạnh nhất là người không còn sợ hãi bất cứ gì, hoàn toàn vô úy. Chúng ta sợ dĩ sợ hãi trước hết là vì mình có tội, sợ bị trừng phạt, sợ mất danh dự nếu người ta biết được, sợ mất lợi lộc, sợ mất vây cánh. Thứ đến, chúng ta sợ hãi vì mong an toàn, sợ những đổi thay, bất trắc. Sự an toàn ấy bao gồm nhiều phương diện. Một con người ngã chấp càng nặng nề thì những điều kiện cho sự an toàn ấy càng phức tạp. Đối với một người biết đủ thì được tấp lều tranh che mưa nắng, có hai bữa cơm cháo hàng ngày, vài bộ đồ mặc, đã tạm gọi là an toàn. Nhưng đối với nhiều người chừng ấy chưa đủ. Thức ăn phải là cao lương mỹ vị, chỗ ở phải đầy đủ tiện nghi. Áo quần phải sang trọng hợp thời trang. Và sống phải có danh vọng địa vị, có nhiều bạn bè quyền thuộc vây cánh "cuộc vui đầy tháng, trận cười đầu đêm" mới có sinh thú. Đối với những người như vậy, sự an toàn trở nên dễ dàng bị đe dọa. Càng nhiều hàng rào phòng thủ quanh bản ngã, ta càng thấy cái ngã dễ bị thương tổn, dễ mất an toàn. Vì nó đã được đồng hóa với nhà cửa, bạn bè, của cải tài vật, danh tiếng, với đủ thứ mà ta xem là nhu cầu thiết yếu cho sự sống. Khi cái ngã đã được bành trướng ra vô tận qua những nhu cầu phức tạp, thì sự an toàn trở nên vô cùng mong manh, và nỗi sợ hãi càng âm thầm tăng trưởng theo nhịp độ nhu cầu. Cần tiền ta sẽ sợ mất tiền, cần tình sợ mất tình, cần danh sợ mất danh, cần tiền nghi vật chất sợ mất tiền nghi vật chất, cần uy tín sợ mất uy tín, cần bạn bè sợ mất bạn bè. Và bởi vì chúng ta cần quá nhiều thứ trên đời, nên nỗi sợ hãi có thiên hình vạn trạng.

Thông thường chúng ta không hoàn toàn ý thức nỗi sợ hãi bất an của mình, không hoàn toàn ý thức nhu cầu thầm kín của mình cho đến khi một trong những nhu cầu ấy bị trắc trở. Nghĩa là chúng ta chỉ ý thức được nhu cầu mình ở *mặt trái* của nó: cái thương nhớ ấy là khi mất rồi! Mất rồi mới biết à, té ra ta cần như vậy như vậy. Thành ra, thiên đường thực sự không bao giờ ở tầm tay với, mà chỉ ở một khoảng cách vô cực như những vì sao. Emily Dickinson diễn tả ý đó trong những vần thơ đẹp:

*My rose gays are for captives
Dim, long expectant eyes
Fingers denied plucking
Patient till paradise*

(những hoa hồng nhung của tôi chỉ dành cho những kẻ đang bị giam cầm đang ngước những đôi mắt mòn mỏi chờ đợi - những ngón tay không bao giờ với tới, kiên nhẫn cho đến ngày lên được thiên đàng)

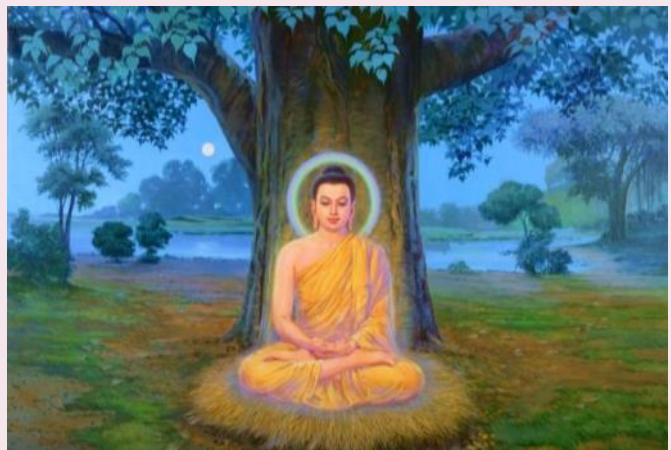
Chúng ta cũng thế, giống như những kẻ tù đày đang bị giam hãm chỉ biết ngước những đôi mắt tuyệt vọng nhìn đóa hoa mình không bao giờ được

hái. Có những nhu cầu thầm kín mà ta chỉ ý thức được khi gặp điều trái lại làm cho ta bất mãn. Chẳng hạn, thông thường có thể ta không biết mình có hạo danh, ham tiếng khen hay không. Nhưng khi bị chê ta mới biết té ra mình cũng thích được khen vì bị chê thì đau khổ. Mọi nỗi sợ hãi khác đều chứng tỏ sự có mặt của nó bằng cách tương tự, nghĩa là bằng *mặt trái*.

Cái ngã càng lớn thì nhu cầu càng nhiều. Nhu cầu càng nhiều thì sợ hãi càng nhiều. Một con người có nhiều sợ hãi, nhiều vòng đai phòng thủ không thể gọi là người hùng mạnh.

Đức Bổn sư chúng ta là người mạnh nhất trong những người mạnh, bởi vì Ngài đã triệt tiêu bản ngã, bởi vì Ngài không còn một nhu cầu nào. Trong Kinh *Sợ hãi khiếp đảm* (Trung Bộ I), Ngài đưa ra những lý do vì sao Ngài không còn sợ hãi, để ai muốn đạt được đức tính vô úy, thì hãy sống như Ngài đã sống: thân nghiệp thanh tịnh (nghĩa là không giết hại, trộm cắp, dâm dục), ngữ nghiệp thanh tịnh (không nói dối, nói hai lưỡi, nói lời phũ phẫm, lời độc ác), ý nghiệp thanh tịnh (không tham, sân, si), mạng sống thanh tịnh (không tự nuôi sống bằng những nghề nghiệp ác ôn), không có tham dục cường liệt, không lừa dối, không ngủ gà ngủ gật, tâm không tán loạn (luôn luôn thiền định), thân không lăng xăng giao động, không ham muốn lợi danh và tiếng khen, không khen mình chê người, không nghi ngờ do dự, không ngu độn si ám... Ngược lại, Ngài sống điều độ, tinh giác, tinh tấn, chánh niệm, ít nhu cầu, sáu căn luôn luôn an hòa tịch tịnh, có trí tuệ sáng suốt. Nhờ vậy, với Ngài, không bao giờ có nỗi sợ hãi và bất thiện khởi lên khi sống một mình trong những trú xứ xa vắng ở rừng núi hoang vu: Đức Phật quả là Đấng Chiếu Thăng (Jina) trong loài người, Con Người mạnh nhất.

(trích *Bóng Nguyệt Lòng Sông*
của Ns. Thích Nữ Trí Hải)



TÍNH CÁCH TÍCH CỰC CỦA TÁNH KHÔNG

Nguyễn Thế Đăng

Nếu một người chưa có dịp nghe, đọc (Văn), chưa tư duy (Tư) chưa thực hành (Tu) về tánh Không thì rất dễ xem tánh Không là một cái gì rất tiêu cực, vì tánh Không với người ấy là không có cái gì cả. Từ đó mà không tin nhân quả, định luật để con người dựa vào đó mà tiến bộ, tiến hóa. Từ đó mà có thái độ hư vô chủ nghĩa, không có trách nhiệm, không có trật tự, không có lối thoát cho cuộc đời mình. Nếu không tìm hiểu minh bạch về tánh Không, người ta sẽ quan niệm Phật giáo là một thứ hư vô chủ nghĩa, là chán đời, bi quan, trốn tránh.

Tánh Không, cốt lõi của Phật giáo, thì ngược lại. Nó là phương tiện (“Lấy vô sở đắc làm phương tiện”) và cứu cánh cho những con người tích cực nhất, trách nhiệm nhất, nhiều tình thương nhất. Đó là những Bồ-tát, mà Tây phương thường dịch là những Anh hùng.

Sau đây chúng ta sẽ trích dẫn một đoạn trong *kinh Đại Bát-nhã phẩm Sơ nghiệp*, hội thứ hai, do ngài Huyền Trang dịch, để thấy thái độ của người thực hành tánh Không đối với người khác và thế gian này.

Sơ nghiệp là sự nghiệp ban đầu của Bồ-tát. Sự nghiệp ban đầu là phát tâm Bồ-đề, “phát tâm đạt đến Giác ngộ vô thượng” để giải thoát cho tất cả chúng sanh. Đây là lời nguyện khởi đầu làm nên con đường Bồ-tát, sự nghiệp Bồ-tát. Dĩ nhiên trên con đường ấy, tùy theo mức độ đạt tánh Không đến đâu, khai triển tâm từ bi đến đâu, nghĩa là sức mạnh Bồ-tát đến đâu, thì giúp đỡ, cứu thoát chúng sanh đến đó.

Chúng ta gặp ngay một nghịch lý: muốn đạt đến tánh Không để ra khỏi sanh tử mà lại phải ở trong sanh tử để độ thoát chúng sanh. Lấy ví dụ cho dễ hiểu: một bác sĩ muốn tự mình thoát ra khỏi bệnh viện nơi sanh già bệnh chết, nơi đây bệnh lây nhiễm khổ đau thì phải lánh xa bệnh viện ấy. Nhưng nếu ra khỏi, lánh xa bệnh viện thì người ấy không thể cứu chữa cho ai cả, người ấy phải bỏ công việc làm bác sĩ và lời hứa nghề nghiệp của mình. Còn nếu muốn làm bác sĩ cứu người, anh ta phải ở trong bệnh viện, nghĩa là anh ta không thể tự giải thoát được.

Nghịch lý ấy đã được Đại thừa giải quyết. Anh ta vẫn tự giải thoát bằng cách ngộ nhập tánh Không, đồng thời tánh Không vẫn luôn luôn hiện

hữu nơi bệnh viện nên anh ta vẫn ở trong tánh Không của bệnh viện để cứu chữa cho bệnh nhân.

Một nghịch lý khác nữa. Cũng theo *kinh Đại Bát-nhã*, chúng sanh là “vô tự tánh, vô sở hữu, bất khả đắc”. Đã vô tự tánh, vô sở hữu, bất khả đắc thì cần gì độ thoát cho họ? Họ có thật đau mà cứu độ họ? Và rồi, có phải vì chúng sanh là không thật có mà Bồ-tát bỏ chúng sanh, bỏ trách nhiệm và nghề nghiệp của mình?

Nghịch lý này được giải quyết như sau.

Về phần mình Bồ-tát thấy chúng sanh là vô tự tánh, vô sở hữu bất khả đắc, sanh tử là không thật có, chính cái thấy tánh Không này là sự tự giải thoát của Bồ-tát. Nhưng về phần chúng sanh, họ vẫn thấy

họ là thật, những cái của họ là thật, khổ đau của họ là khổ đau thật, sanh tử của họ là sanh tử thật, cho nên họ có khổ đau. Bởi vì chúng sanh có khổ đau, nên Bồ-tát phải cứu độ họ ra khỏi khổ đau, đau khổ đau ấy là họ tự thấy lấy, tự chuốc lấy, tự cảm nhận lấy. Khổ đau sanh tử đối với Bồ-tát là không thật, nhưng đối với chúng sanh là có thật, cho nên Bồ-tát phải cứu độ họ, mặc dù sự cứu độ này đối với Bồ-tát cũng không thật, chỉ là đánh thức họ ra khỏi giấc mộng tự thấy là khổ đau của chính họ mà thôi.

Tóm lại, Bồ-tát hưởng thụ tự do, giải thoát và thông tỏ trong tánh Không. Nhưng cũng trong tánh Không này, chúng sanh lại thấy ràng buộc khổ đau. Thế nên cứu độ của Bồ-tát là làm sao cho chúng sanh thấy ra thật tướng của mọi sự là tánh Không để thoát khỏi giấc mộng khổ đau ấy, hết thấy hư không lại có sanh tử hoa đốm ấy.

Con đường Bồ-tát là sự kết hợp của trí huệ nhìn thấy tánh Không và đại bi cứu thoát chúng sanh ra khỏi khổ đau. Hai điều tưởng như đối nghịch ấy được kết hợp làm một trong tánh Không. Nhờ tánh Không mà lòng bi của Bồ-tát trở nên không bị ngăn ngại, không sợ hãi sanh tử và rộng lớn bao trùm, vô duyên đại bi, đồng thể đại bi. Nhờ đại bi mà tánh Không của Bồ-tát trở nên tích cực hoạt động, triệt để, bao la trùm khắp ba cõi.

Con đường kết hợp tánh Không và đại bi là con đường tích cực nhất. Tích cực nhất, triệt để nhất về mặt trí huệ. Tích cực nhất, triệt để nhất về mặt lòng bi.

Thái độ tích cực triệt để ấy, sự kết hợp trí huệ



và lòng bi có ngay từ đầu con đường Bồ-tát với việc phát Bồ đề tâm. Ngay từ bước đầu của sự nghiệp Bồ-tát, người ta đã kết hợp hai khả năng của tâm thức con đường: tình cảm (mà bây giờ thường được gọi là trí tuệ xúc cảm) và lý trí (trí thông minh).

Trong kinh Đại Bát-nhã (phẩm Sơ Nghiệp hội thứ hai), Đức Phật nói:

"Như vậy, như vậy! Các Đại Bồ-tát làm được việc khó, là ở trong tất cả các pháp mà tự tánh là Không, mong cầu Giác ngộ vô thượng, muốn chứng Giác ngộ vô thượng.

Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát tuy đạt tất cả pháp như huyền, như mộng, như tiếng vang, như bóng trong gương, như ảnh, như ngọn nắng, như việc biến hóa, như thành Càn-thát-bà, tự tánh đều Không, nhưng để cho thế gian được lợi lạc chân chánh nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì để cho thế gian được lợi ích lớn lao, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì để cho thế gian được an vui, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì muốn cứu vớt thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì làm chỗ nương về cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì làm nhà ở cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng".

"Như vậy, như vậy! Các Đại Bồ-tát làm được việc khó, là ở trong tất cả các pháp mà tự tánh là Không, mong cầu Giác ngộ vô thượng, muốn chứng Giác ngộ vô thượng.

Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát tuy đạt tất cả pháp như huyền, như mộng, như tiếng vang, như bóng trong gương, như ảnh, như ngọn nắng, như việc biến hóa, như thành Càn-thát-bà, tự tánh đều Không, nhưng để cho thế gian được lợi lạc chân chánh nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì để cho thế gian được lợi ích lớn lao, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì để cho thế gian được an vui, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì muốn cứu vớt thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì làm chỗ nương về cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì làm nhà ở cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng".

"Việc khó" ở đây là kết hợp được trí huệ nhìn thấy tánh Không, nhìn thấy chúng sanh là Không, vô sở hữu, bất khả đắc mà vẫn khai triển tâm đại bi không bỏ chúng sanh, che chở cứu độ chúng sanh. "Việc khó" ở đây là thấy biết thế gian như huyền như mộng, tự tánh đều Không nhưng không một bề chúng nhập Không mà lòng bi càng thêm lớn rộng, vì thế gian ở trong Không mà chẳng biết Không nên oan uổng trôi chìm trong sanh tử khổ đau.

Thế nên Bồ-tát "để cho thế gian được lợi ích chân chánh lớn lao, để cho thế gian được an vui, vì muốn cứu độ thế gian, vì làm chỗ nương về, làm nhà ở cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng".

Bồ-tát Duy Ma Cật nói: "Vi chúng sanh bệnh nên tôi bệnh". Bệnh của Bồ-tát không phải vì tham đắm sanh tử như chúng sanh. Bệnh của Bồ-tát là lòng đại bi. Vì "bệnh" đại bi này nên Bồ-tát "làm chỗ nương về", "làm nhà ở" trong sanh tử hiểm nghèo, trong "ba cõi đang bùng cháy", ở trong sanh tử để



"cứu vớt thế gian, để cho thế gian được lợi ích lớn lao". Đây là hạnh đồng sự ở trong sanh tử cùng với chúng sanh.

Nhưng Bồ-tát xây dựng nhà ở và hạnh đồng sự này trên tánh Không và trong tánh Không. Thế nên những chỗ nhà ở và hạnh đồng sự ấy vẫn là giải thoát và là vô tự tánh, vô sở hữu, bất khả đắc.

Chính nhờ tánh Không mà đại bi không phải là "lòng bi ái kiến" (chữ trong kinh Duy-ma-cật),

không phải là lòng bi chìm đắm theo chúng sanh và thế gian. Lòng bi này song hành với trí huệ tánh Không, nên lòng bi này là lòng bi giải thoát. Giải thoát cho mình và cho người.

Lòng bi này nhờ tánh Không nên trở thành vô hạn vô biên đồng thời xuyên thấu vô ngại. Cái gì hữu hạn, hữu biên, cái đó phải chịu sanh và diệt, phải chịu hư hỏng, hủy hoại. Lòng bi song hành với tánh Không là lòng bi vô hạn vô biên như tánh Không, không chỗ nào không có nên lòng bi ấy chính là sự giải thoát như tánh Không là giải thoát.

Kinh nói tiếp:

"Vì muốn chỉ đường rớt ráo cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì làm chốn bãi cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì làm mặt trời mặt trăng cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì làm đèn đuốc cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng".

Bồ-tát thấy thế gian và chúng sanh "tự tánh đều Không", nhưng Bồ-tát không bỏ chúng sanh, trái lại làm những gì tích cực nhất cho chúng sanh: chỉ đường đi cho chúng sanh, làm chốn bãi cho chúng sanh đang trôi trong dòng nước xiết, làm mặt trời mặt trăng cho đêm dài sanh tử, làm đèn đuốc trong bóng tối dày đặc của thế gian đắm chấp "thật có tôi và cái của tôi".

Không phải thấy thế gian là giấc mộng rồi chìm đắm vào giấc mộng ấy như Lão Trang "không biết mình mộng thành bướm hay bướm mộng thành mình". Bồ-tát thấy thế gian như huyền như mộng, vô tự tánh, vô sở hữu, bất khả đắc nhưng nhận lấy trách nhiệm đối với thế gian, đảm đương thế gian cho đến ngày thế gian thoát khỏi giấc mộng. Chính sự đảm đương càng ngày càng lớn rộng ấy khiến Bồ-tát đủ công đức để sẽ đạt đến Giác ngộ vô thượng.

Trong khi cứu độ chúng sanh (đại bi), Bồ-tát thấy chúng sanh như mộng như huyền, sự việc cứu độ là như mộng như huyền, và chính mình cũng là người mộng người huyền (trí huệ), nên khi cứu độ chúng sanh Bồ-tát được giải thoát ngay trong lúc đang hành động ấy.

"Vì làm thấy dẫn đường cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì làm tướng soái cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì làm chỗ về đến cho thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng. Vì thương xót khổ sanh tử của thế gian, nên phát tâm đến Giác ngộ vô thượng".

Con đường Bồ-tát là sự hợp nhất của trí huệ suốt tánh Không và công đức cứu độ chúng sanh. Cứu độ chúng sanh là thái độ và hành động tích cực nhất mà một người có thể làm cho những người khác, những sinh linh khác. Đây cũng là công



đức lớn nhất mà người ta có thể có được. Công đức cứu độ này thậm chí là vô lượng vô biên vì chúng sanh thì vô lượng vô biên.

Bồ-tát thấy sanh tử là vô tự tánh nhưng không một bề chứng nhập tánh Không, không một bề tịch diệt theo nghĩa tịch diệt là một cái gì ở ngoài sanh tử. Kinh Đại Bát-nhã nói rằng tánh Không còn có nghĩa là “chân như, pháp tánh, pháp giới, tánh chẳng hư dối, tánh chẳng biến khác, tánh bình đẳng, thật tế, hư không giới, bất tư nghì giới”.

Chính nhờ chúng sanh và con đường độ thoát chúng sanh và tấm gương của Đức Phật và chư Đại Bồ-tát mà Bồ-tát thấy ý nghĩa và giá trị của sanh tử, thấy ý nghĩa và giá trị của cái có, của tất cả mọi cái có, ý nghĩa và giá trị của Diệu Hữu, trong thành ngữ của Phật giáo Đại thừa Chân Không Diệu Hữu. Đó cũng là ý nghĩa của cuộc đời Bồ-tát, của Bồ-tát hạnh.

“Biết tất cả pháp tánh tướng đều Không, tất cả pháp đồng đẳng với hư không, tự tướng vốn Không, vô tánh làm tánh mà vẫn thường chẳng xa lìa tâm đại Bồ-đề, thường nguyện nhiều ích lợi lạc tất cả chúng sanh, thường xưng tán ca ngợi công đức Tam Bảo khiến lợi ích an vui tất cả chúng sanh” (Phẩm Chuyển, bất chuyển, Hội thứ 2).

Chính trên nền tảng tánh Không này mà Bồ-tát có thêm công đức, đủ mọi công đức của thân khẩu ý, và những công đức ấy được sâu rộng không cùng nhờ tánh Không sâu rộng không cùng.

Chúng ta thấy trong các chùa thường thờ Đức Phật Thích Ca ở giữa. Bên trái là Bồ-tát Đại trí Văn Thù, bên phải là Bồ-tát Đại hạnh Phổ Hiền. Đại trí là trí huệ thấu đạt tánh Không, trí huệ của thế giới Chân Không. Đại hạnh là muôn hạnh muôn đức của thế giới Diệu Hữu. Một Đức Phật gồm đủ cả đại trí và đại hạnh, thế nên thế giới của Ngài là pháp giới Chân Không Diệu Hữu vậy. (TC. Văn Hóa Phật Giáo)

Nguyễn Thế Đăng

ĐẤT THẦN NHIÊN

thơ

*Đất thần nhiên và núi thần nhiên
Tâm người trải bạc tận tam thiên
Hoa khai từ thuở ngàn thu trước
Hạt thóc xanh nguyên mộng thánh hiền.*

*Vô lượng thọ hê! vô lượng tâm
Một màu trắng sáng cả sơn lâm
Hoàng oanh về đậu cành thiên trúc
Nhả xuống ngàn dáu khúc nhạc trầm.*

*Có phải mùa xuân nên mưa hoa
Đôi nương vang mãi tiếng Di Đà
Rừng xanh như thể từ muôn kiếp
Chày kinh từng nhịp, tát bà ha.*

*Bạn lữ ta hê! mây thanh lương
Trời trong êm ả lạ thường
Những con mắt ngó chừng như hỏi
Những đường son đỏ, những đường hương.*

*Những tầng mây trắng, những bàn tay
Ba ngàn thế giới ở ngang mây
Chia nhau thọ mạng ngàn lao nhọc
Vạn pháp mờ theo én nhận bay.*

*Từng chiếc bè lau trôi mênh mang
Trường giang lật phật mộng kê vàng
Sông xanh ngăn ngắt như châu ngọc
Hót ánh trắng tràn vô lượng quang.*

LÝ THỪA NGHIỆP



PHÁP MÔN

(*Câu Chuyện Dưới Cờ — bài viết hàng tuần của GDPT*
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Thưa ACE Lam viên bốn phương,

“Tại sao nói: Đạo Phật có 8 vạn bốn ngàn pháp môn?” Câu hỏi đó chẳng phải ACE chúng ta đã nghe cả “vạn” lần rồi sao? — Xin thưa: vì chúng sanh có 8 vạn bốn ngàn phiền não nên đức Phật có 8 vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị với các phiền não ấy, tức là để chữa lành các tâm bệnh ấy.

Thật vậy, mấy pháp môn chính là Niệm Phật, Trì Chú, Tu Thiền hay nói rộng hơn là Tịnh Độ Tông, Mật Tông, Thiền Tông, v.v... Người niệm Phật thì phải “nhất tâm bất loạn” người tu Mật tông thì phải “Thân mật, Khẩu mật và Ý mật,” người tu Thiền thì phải “vô Tâm, vô Niệm” v.v... cái nào cũng có đặc trưng của pháp môn đó, không có cái nào hay/dở hơn cái nào; khác nhau chỉ bởi vì căn cơ của chúng sanh muôn vàn sai khác, “9 người 10 ý” nên đức Phật dạy nhiều pháp môn để phương tiện giáo hoá chúng sanh mà thôi.

Người Huỳnh Trưởng chúng ta cũng vậy. Mục đích thì giống nhau nhưng phương pháp truyền đạt thì phải tùy thuận tâm tư tình cảm, độ tuổi của các em mà hướng dẫn. Cùng một bài về “Quy y” chẳng hạn, giảng cho Oanh Vũ khác mà cho ngành Thiếu khác, giảng cho Hướng Thiện khác mà cho Chánh Thiện khác, cho nên công việc giảng dạy của người Huỳnh trưởng không phải dễ dàng cho dù tài liệu đã có sẵn.

Ngày xưa, ngay như ngài A Nan, người đệ tử xuất sắc của Phật, đa văn đệ nhất, thế mà cũng đã có một lần phạm sai lầm trong việc hướng dẫn Phật tử tại gia tu tập, hướng gì phạm phụ như ACE chúng ta!

Một hôm, tôn giả A-nan đi giáo hóa gặp ông giữ nghĩa trang xin Ngài dạy pháp tu. Ngài dạy ông ta quán số tức (đếm hơi thở). Sau đó, gặp ông thợ rèn, Ngài dạy quán bất tịnh. Cả hai ông, một người đếm hơi thở một người quán bất tịnh hoài mà không thấy tiến bộ gì hết. Nghe hai ông trình

bày, Ngài thắc mắc không hiểu tại sao, nên về hỏi đức Phật:

- Bạch Thế Tôn, con có dạy hai người đệ tử tu quán số tức và quán bất tịnh, nhưng không người nào đạt kết quả hết. Như vậy là sao?

Phật hỏi:

- Người được ông dạy pháp quán bất tịnh làm nghề gì?

- Thưa làm thợ rèn.

- Người được ông dạy pháp quán số tức làm nghề gì?

- Thưa giữ nghĩa trang.

Phật nói:

- Đó là tại ông dạy sai, chớ không phải họ tu không có kết quả. Người giữ nghĩa trang hằng ngày thấy thầy ma tới hoài thì phải dạy quán bất tịnh, vì họ thường chứng kiến những cảnh đó nên quán mới sâu, mới thành công. Còn người thợ rèn hằng ngày tiếp xúc với việc thổi lửa, nên dạy quán số tức. Đếm hơi thở hít vô thở ra đều đặn, như chính công việc của họ thì tu mới dễ thành công hơn.

Nghe lời Phật, Ngài tìm tới hai người đệ tử dạy lại cách tu. Thời gian sau hai vị vui mừng báo tin vui với Ngài là việc tu hành của họ đã có kết quả rất khả quan rồi.

Chúng ta thấy rằng pháp môn tu phải nhịp nhàng theo công việc, theo tập quán, theo căn cơ trình độ và hoàn cảnh của mình thì dễ thành công hơn.

Không thể bắt chấp căn cơ, tập quán của mỗi người, bắt họ tu sao cũng được. Do Phật biết trình độ, căn cơ, hoàn cảnh của mỗi người nên Ngài dạy không lầm. Đức Phật biết trình độ chúng sanh sai biệt nên lập nhiều pháp môn sai biệt. Tất cả sự sai biệt đó đều vì đối cơ mà trị bệnh, chớ không phải chân lý tuyệt đối. Người thời nay có tật, tu pháp nào thì cho pháp đó là tuyệt đối. Người tu pháp khác tuy cũng Phật dạy, nhưng mình cho đó chưa phải tuyệt đối, nên sanh bực bội chống đối lung tung. Đó là do trình độ hiểu Phật của chúng ta quá cạn cợt.

Trở lại với vấn đề giáo dục tuổi trẻ cũng vậy, chúng ta không nên cho rằng phương pháp giáo dục của GDPT quá xưa, lỗi thời! —Xin thưa, nếu chúng ta thấy được chỗ lỗi thời thì nhất định chúng ta cũng thấy được làm sao cho hết lỗi thời; chứ nội dung Phật Pháp, giáo lý thì không bao giờ lỗi thời cả! Có lỗi thời chẳng là phương pháp truyền đạt mà thôi.

Thần kính chúc Anh Chị Em luôn tinh tấn nâng cao tay nghề Huỳnh Trưởng, cố gắng phát triển óc sáng kiến của tuổi trẻ, tìm ra được những phương pháp mới trong nghệ thuật giảng dạy của nền văn minh cao độ ở thế kỷ 21.

Trân trọng,
BBT





CHỈ VÌ VÔ MINH

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Ngày xưa có tập thơ ngụ ngôn rất nổi tiếng của nhà văn Pháp LaFontaine. Tác giả mượn nhiều chuyện của loài vật, để nói lên những tệ trạng của xã hội loài người, kèm theo những lời bàn có nội dung giáo dục... Ngày nay cũng có những người viết truyện ngụ ngôn nhưng để cho trẻ em đọc, cũng hay và vui nhưng có lẽ trẻ em chưa đủ trình độ để hiểu hết ý của tác giả.

Hôm nay, để thay đổi không khí, thay vì kể những mẫu chuyện Đạo, những câu Kệ Pháp Cú, v.v... trong mục Phật Pháp Thứ Năm (PPT5). Nhóm Áo Lam xin kể lại một trong những "câu chuyện ngụ ngôn hiện đại" ấy.

Có một cái cây to và đẹp, cành lá sum sê hoa trái thơm ngon mọc ngay giữa đồng. Một bác Lừa chạy băng đồng, nhìn ngang nhìn ngửa đầu đầu không biết, đâm bổ vào cây, nẩy đom đóm mắt! Lừa giận lắm đứng ùng chạy ra bờ sông gặp chú Hải Cẩu, phân bua:

- Anh Hải Cẩu ơi, anh có biết ngay giữa cánh đồng có một cái cây không?

- Sao lại không biết! cái cây to lớn mà!

- Thế thì anh hạ cái cây ấy giùm đi! Răng của anh sắc lắm mà!

- Tại sao?

- Tôi vừa va phải nó, sừng hết cả mặt mũi lên rồi đây này! Khốn khổ cho tôi quá Anh không thấy sao?

- Anh nhìn đi đâu mà va vào nó vậy? Nó có làm gì đâu?

- Nhìn đâu, nhìn đâu... Tôi mới ngoảnh đi một tí mà ra nông nổi này đây! Đi hạ cái cây giùm tôi cho rồi!

- Hạ đi thì tiếc lắm, nó làm đẹp cho cả cánh đồng và cả làng ta đấy!

- Nhưng nó làm cản trở đường đi của tôi, hạ nó giùm đi mà!

- Tôi không muốn!

- Bộ khó nhọc lắm sao?

- Không khó nhọc lắm nhưng

tôi sẽ không hạ!

- Tại sao?

- Tại vì nếu tôi hạ cái cây ấy xuống thì anh sẽ lại va vào gốc cây!

- Thế thì anh hãy đào cả gốc của nó đi!

- Nếu tôi đào cả gốc thì anh lại rơi xuống hố, què chân!

- Tại sao?

- Tại vì anh là con Lừa!

Thưa các bạn,

Tục ngữ có câu: "Thà có một kẻ thù thông minh còn hơn có một người bạn ngu đần." Người Phật tử chúng ta không dùng chữ ngu đần mà dùng chữ "vô minh." Khi bị một người hay những người nào đó, phe nhóm nào đó, cộng đồng nào đó (chúng ta gọi là "những thế lực vô minh") quậy phá, chúng ta luôn giữ thái độ im lặng, không hận thù, không giận dữ, không phản ứng... thế thì những người giáng những cú đấm chí tử vào chúng ta khi gặp khoảng không sẽ tự bị ngã nhào về phía trước!

Còn nếu họ đi cầu cứu những người minh triết tiếp tay để hạ chúng ta - cái cây Gia Đình Phật Tử - thì cũng giống như việc con Lừa nhờ anh Hải Cẩu mà thôi! Chư Long Thần Hộ Pháp sẽ bao bọc che chở những người có tâm địa hiền lành chống lại những thế lực vô minh kia vậy!

"Chuyện không có gì ằm ỉ" cả! Anh Chị Em chúng ta vẫn đi trên con đường tu học và tu tập, và dạy cho đàn em của chúng ta cũng tu học như chúng ta. Tu nghĩa là mỗi ngày tha thứ nhiều hơn, bao dung nhiều hơn, cởi mở nhiều hơn để bản thân mình và mọi người quanh mình được an lạc, còn nếu miệng nói "tu" mà càng ngày càng cố chấp, càng thành kiến, càng cứng ngắt thì đó là tu nhằm rồi, hãy mau quay lại đi nha!

Thân kính chúc Anh Chị Em "một ngày như mọi ngày," an lạc và thành thới.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam





NGHE KINH, HỌC PHÁP

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
SỰ không ngoan của người đời hơi khác với sự không ngoan trong Đạo: Đời dạy chúng ta chạy theo lợi nhuận cá nhân, bon chen, tham đắm, giàu có rồi muốn giàu có thêm. Đời dạy chúng ta không nên nhường nhịn ai, mà phải giành phần mình trước đã... Đời dạy ta tranh đấu cho quyền lợi của mình, của gia đình mình, ôm nhiều của cải chừng nào tốt chừng ấy; Đạo lại dạy buông xả, ít muốn biết đủ, v.v... cho nên người TU làm theo Đạo, như người chèo thuyền trong dòng nước ngược... Như một ví dụ nhỏ, Nhóm Áo Lam xin chép gởi đến ACE những lời TÍNH NGÔN sau đây:

**Này con,
Người đời học nói, Con học làm thinh
Người đời học văn minh, Con học đạo đức
Người đời học kiến thức, Con học đạo
huyền vi**

**Người đời học si mê, Con học tinh thức
Người đời học nhớ, Con tập cách quên
Người đời ngó lên, Con tập nhìn xuống
Người đời ham muốn, Con tập xả ly**

**Người đời sân si, Con tập hòa ái...
Người đời tự đại, Con học khiêm cung
Người đời khư khư, Con hành đại xả
Người đời muôn ngã, Con chỉ một đường
Người đời vô thường, Con về nẻo giác**

**Sen mọc từ bùn mà thơm ngát
Ghi lòng tạc dạ, con gắng thực hành!**

Đây cũng là nội dung những lời Phật dạy, mong rằng ACE chúng ta không ai hiểu sai ý ngài.

Nói đến chuyện hiểu sai ý Phật thì không chỉ ở đời này, cách xa thời Phật còn tại thế—mà ngay cả thời Phật còn tại thế cũng vậy—có nhiều người Phật tử (và cả đệ tử Phật) cũng hiểu sai hoặc hiểu lầm giáo lý của ngài. Thật vậy, cụ thể như tôn giả Arittha đã hiểu lầm giữa **an lạc** và **đục lạc**.

Đức Phật dạy đệ tử của ngài: Những giáo pháp ta nói ra, các ông phải tìm hiểu nghĩa lý một cách tường tận, đúng mức rồi mới đem ra thực hành. Tin ta mà không hiểu ta tức là phi báng ta.

Thưa Anh Chị Em,

Có hai nguyên nhân khiến người ta hiểu lầm ý Kinh: một là thiếu trí tuệ, thiếu khéo léo và hai là học Kinh chỉ vì mục đích **tranh luận** hay **cầu danh**. Học Kinh là phải vì mục đích tu tập giải thoát; tóm lại, muốn học hỏi giáo lý của Phật, phải thông minh, khéo léo và với động cơ chân chính là tu tập đạo giải thoát, nếu không thì sẽ hiểu ngược lại những điều Phật dạy.

Đức Phật dùng một thí dụ rất độc đáo để nói về mối nguy hại của sự hiểu lầm giáo lý, đó là ngài so sánh sự nguy hại này với sự nguy hiểm của một người đi bắt rắn mà không thông hiểu nghệ thuật bắt rắn.

Nếu người bắt rắn thấy con rắn lớn liến lảy tay chụp vào mình nó thì sẽ bị nó quay đầu lại mổ vào tay, chân, đầu, mặt... ngay! Bắt rắn như vậy chỉ mang họa vào thân vì sẽ bị rắn cắn chết! Người học Kinh không thông minh cũng vậy, vì không biết cách học hỏi nên đã hiểu nghĩa Kinh một cách trái ngược, nếu là như vậy, giáo lý ấy trở thành nguy hiểm, không những không có lợi lạc gì mà còn có hại nữa. Ví dụ, khi người ta hiểu ngược thì thay vì sự áp dụng đem lại an lạc, nó đem đến phiền não, khổ đau.

Đức Phật cũng tự ví mình là một lương y và giáo lý của ngài là thuốc chữa tâm bệnh của chúng sanh. Ngài dạy: thuốc men cũng là con dao 2 lưỡi, nó có thể cứu người, cũng có thể giết chết người nếu dùng lầm thuốc, v.v... Hiểu lầm giáo lý của Phật cũng tai hại như vậy.

Tại tu viện gần thành Xá vệ (Vaixali) trong một mùa an cư, khi nghe đức Phật giảng về Vô thường, Vô ngã và Bất tịnh, có mấy vị tỷ kheo đã tự tử vì hiểu lầm ý của đức Phật, cảm thấy chán nản với cuộc đời vô thường và bất tịnh này.

Các vị tỷ kheo trên đây nghe trực tiếp từ kim khẩu của đức Phật mà còn hiểu lầm, hiểu sai, hiểu ngược, huống gì nghe gián tiếp, nghe qua những phương tiện truyền thông như ACE chúng ta ngày nay... Vì vậy, chúng ta phải hết sức cẩn trọng khi học Kinh, nghe Kinh, tìm hiểu ý nghĩa Kinh như chúng ta từng dạy các em trong khi học Phật Pháp: "em nghe," "em suy nghiệm" và "em tu tập."

Người Áo Lam cũng xin chép vài bài kệ Phật dạy về AN LẠC trong Kinh Pháp Cú; cầu mong ACE chúng ta khi đọc những bài Kệ này, đều hiểu đúng



thế nào là an lạc, đừng phạm sai lầm như tôn giả Arittha, đã hiểu ngược lời Phật, không phân biệt được sao là an lạc và sao là dục lạc.

(từ kệ số 197 đến kệ số 204):

**Vui thay chúng ta sống
không hận giữa hận thù
Giữa những người thù hận
ta sống không hận thù**

**Vui thay chúng ta sống
không bệnh giữa ốm đau
Giữa những người bệnh hoạn
Ta sống không ốm đau**

**Vui thay chúng ta sống
không rộn giữa rộn ràng
Giữa những người rộn ràng
Ta sống không rộn ràng**

**Vui thay chúng ta sống
không gì gọi "của ta"
ta sẽ hưởng hỷ lạc
như chư thiên Quang Âm**

**Thắng lợi sinh thù oán
Thất bại chịu khổ đau
Bỏ sau mọi thắng bại
sống an lạc thành thời**

**Lửa nào bằng lửa Tham
Ác nào bằng ác hận
Khổ nào sánh khổ thân
Lạc nào bằng tịnh lạc**

**Đói khát, bệnh tối thượng
Các hành, khổ tối thượng
Hiếu chơn thực như vậy
Niết bàn, lạc tối thượng**

**Vô bệnh, lạc tối thượng
Biết đủ, tiền tối thượng
Thành tín, bạn tối thượng
Niết bàn, lạc tối thượng**

Trần trọng,
Nhóm Áo Lam



THU VỀ

Trời đất lao xao vào tiết thu
Non lam gió thổi với mây mù
Lá rừng run rẩy rơi theo gió
Có phải thu về đã thật ư?

Gió rít vì vu cây xạc xào
Đám mây vân cầu lượn trên cao
Mặt trời vừa tắt ngày vào tối
Thu xuống đêm trời chẳng sáng sao

Đồi núi làng thôn mù trắng sương
Đèn xe đèn phố với đèn đường
Sáng mờ ẩn hiện nơi cùng khắp
Xe lái trên đường phải sáng gương

Trước ngõ hàng cây tiếng gió reo
Càng hôm càng lúc gió vì vèo
Chìm muông sợ gió bay về tổ
Biển sóng thuyền vô góc mái chèo

Đêm tối thu về loang ánh trăng
Chị Hằng ẩn núp lúc mây giăng
Mây tan rõ mặt chị Hằng hiện
Sáng rực miệng cười xuống thế gian

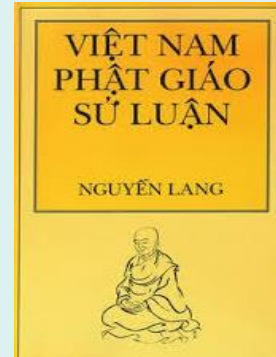
Sương trắng không gian lơ lửng trôi
Giăng ngang trên dưới tận chân trời
Nắng xuyên từng sợi qua màn bóng
Lóm đóm da beo trái ngọt đời.

thơ **LÊ BẢO KỶ**

TỔNG QUAN VỀ PHẬT GIÁO ĐỜI NHÀ LÝ (1010 - 1225)

(Chương VIII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP I)

Nguyễn Lang



(Kỳ 2, tiếp theo kỳ trước)

ĐẠO PHẬT VÀ MỸ THUẬT

Những công trình mỹ thuật của đạo Phật đời Lý rất nhiều nhưng những di tích còn lại rất ít.

Năm 1010, lúc vừa lên ngôi, Lý Thái Tổ đã xây tám ngôi chùa ở quê vua là phủ Thiên Đức, tỉnh Bắc Ninh. Tại Thăng Long vua cho dựng chùa Hưng Thiên Ngự, và gần điện Thái Hòa, chùa Vạn Tuế. Tiếp đó vua cho lập các chùa Thiên Quang, Thiên Đức, Thiên Vương, Thăng Nghiêm, Cẩm Y, Long Hưng, Thành Thọ. Khắp trong nước chừng 300 ngôi chùa được tạo dựng và những chùa đã hư nát thì sửa chữa lại. Năm 1024, vua lại lập thêm chùa Chân Giáo. Năm 1036, vua Lý Thái Tông làm lễ khánh thành tượng Phật Đại Nguyên vừa đúc xong.

Năm 1040, vua lại khánh thành một nghìn pho tượng Phật bằng gỗ, một nghìn bức tranh Phật và một vạn cờ phướn. Năm 1041, đúc tượng Phật Di Lặc bằng đồng nặng 7.560 cân đặt tại viện Thiên Phúc. Năm 1049, vua dựng chùa Diên Hựu, tức chùa Một Cột.

Năm 1055. Vua Lý Thánh Tông xây chùa Đông Lâm và chùa Tĩnh Lự ở núi Đông Cứu (Bắc Ninh). Năm 1056, vua khởi công xây chùa Sùng Khánh Báo Thiên, phát 12.000 cân đồng để đúc chuông và tư tay thảo bài minh khắc trên chuông. Năm 1057, trước chùa này, một ngọn tháp tên Đại Thăng Tứ Thiên được xây lên, 12 tầng, cao 20 trượng. Cũng năm này xây hai chùa Thiên Phúc và Thiên Thọ cùng đúc hai tượng Phạm Vương và Đế Thích bằng vàng thờ ở hai chùa này. Năm 1057, vua san lang tướng là Quách Mãn tạc tượng A Di Đà bằng đá ở huyện Tiên Du. Năm 1058, vua xây điện Linh Quang, Kiến Lễ và Sùng Nghi. Phía trước điện dựng lầu chuông một cột, sáu cánh, hình hoa sen. Cũng năm này tháp núi Đồi Sơn (cao 42 mét) xây xong vua ban hiệu là tháp Trường Long. Năm 1070, dựng chùa Nhi Thiên Vương. Năm 1071, vua viết chữ "Phật" cao một trượng sáu thước khắc vào bia đá để tại chùa núi Tiên Du.

Năm 1086 vua Lý Nhân Tông dựng chùa Lâm Sơn và xây tháp đá tại huyện Quế Dương. Năm 1091, vua dựng tháp Linh Tế. Năm 1105, vua dựng ba tháp đá tại chùa Lâm Sơn. năm 1108, dựng đài Động Linh. Năm 1114, dựng lầu Thiên Phật. Năm 1117, khánh thành tháp Vạn Phong Thành Thiện ở núi Chương Sơn. Năm 1118, khánh thành tháp Thất Bảo. Năm 1121, dựng chùa Quảng Giáo ở núi Tiên Du và khánh thành điện Trùng Minh ở chùa Báo Thiên. Năm 1122, khánh thành Sùng Thiện Diên Linh ở núi Đồi Sơn. Năm 1124, dựng chùa Hộ Thánh

và xây đài Uất La. Năm 1127, khánh thành chùa Trùng Hưng Diên Thọ. Năm 1129, vua Lý Thần Tông khánh thành 84.000 bảo tháp bằng đất. Năm 1130, khánh thành chùa Quảng Nghiêm Tư Thánh. Năm 1133, dựng các chùa Thiên Minh và Thiên Thành. Năm 1134, khánh thành ba tượng tam tôn bằng vàng.

Trên đây là một số công tác kiến trúc và điêu khắc Phật giáo đời Lý được nhắc đến trong các sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư và Việt Sử Lược.

Những gì tích còn lại ngày nay cho thấy nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc đời Lý còn mang nhiều ảnh hưởng nghệ thuật Chiêm Thành. Một Nghi Thần Kinnari, thiên nữ đầu người mình chim đang chơi nhạc khí, được đào lên dưới nền chùa Phật Tích tỉnh Bắc Ninh. Những chạm trổ trên đá tìm được trên chùa Phật Tích cổ những con rồng mình rắn, mũi dài, miệng rộng kiểu thủy quái Makara của mỹ thuật Chiêm Thành và Nam Dương. Những di tích này thuộc đời vua Lý Thánh Tông (1054-1072). Ảnh hưởng mỹ thuật Trung Hoa biểu lộ một cách hiển nhiên, nhưng sắc thái riêng biệt Việt Nam của mỹ thuật đời Lý rất là rõ rệt.

Tháp Báo Thiên ở chùa Sùng Khánh được xây năm 1057 (cái chóp bằng đồng phía trên là công trình Không Lộ) cao 20 trượng, 12 tầng, là một trong những công trình lớn đời Lý. Tháp này năm 1414 bị tướng nhà Minh là Vương Thông phá để lấy gạch đá chống cự vua Lê Lợi trong khi bị quân vua vây bọc. Nền tháp to bằng một khu chợ (có thời được dùng để họp chợ). Trong sách Tang Thương Ngẫu Lục, Tùng Niên nói: "Năm giáp dần 1791, khi dỡ ra để lấy gạch đá xây thành người ta còn thấy 8 pho tượng Kim Cương, chia đứng trấn bốn cửa, những tượng người tiên, chim muông cho đến những giường ghế chén bát không kể xiết, đều bằng đá cả. Mỗi viên gạch đều có in niên hiệu "Long Thụy Thái Bình".

Ngoài tháp Báo Thiên, còn chuông Quy Điền, đỉnh Phổ Minh và tượng Quỳnh Lâm; bốn công trình này đều là những công trình mỹ thuật đời Lý, được gọi là "An Nam Tứ Đại Khí".

Những bảo tháp đời Lý nay đều bị đổ nát, chỉ còn tháp Bình Sơn ở chùa Vĩnh Khánh là còn nguyên vẹn. Chùa này ở làng Bình Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Yên. Chiều cao của tháp này là 15 mét. Tháp xây toàn bằng gạch nung già, màu đỏ xẫm. Ông Nguyễn Bá Lăng trong Kiến Trúc Phật Giáo Việt Nam nói rằng "Tuy tháp cũng chịu ảnh hưởng của kiến trúc Chăm về điểm các tháp Chăm để trần như các tháp khác đời Lý" nhưng lại khác tháp Chăm về điểm "các tháp Chăm mặt xây gạch để trần điều khắc trực tiếp ngay vào" trong khi tháp Bình Sơn "có những phiến gạch điêu khắc điêu khắc hoặc dập

khuôn trước rồi mới đem xếp ghép lại, gắn vào thân tháp bằng những cái móc". Theo ông "tác phẩm này được tương trưng cho sự phối hợp giữa hai nguồn văn hóa chính là Trung Hoa và Chiêm Thành để tạo ra một sắc thái văn hóa Việt Nam tồn tại cho đến cuối đời Trần, Hồ."

ĐẠO PHẬT VÀ PHONG HÓA

Hoàng Xuân Hãn viết trong sách Lý Thường Kiệt: "Đời Lý có thể gọi là đời thuần nhất trong lịch sử nước ta. Đó chính là ảnh hưởng của đạo Phật".

Trong hai triều Đinh và Lê, ta thấy việc triều đình còn dùng những cực hình như vạc dầu, chuồng hổ để trừng trị kẻ có tội. Đời Đinh thì Đỗ Thích giết Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn. Đời Lê thì Ngọa Triều giết Lê Trung Tông. Nhưng sang đời Lý thì các vua có đạo đức và đời sống tâm linh, có độ lượng khoan hồng với dân và ngay với kẻ thù địch. Có thể từ bi là một đường lối chính trị, nhưng chính trị từ bi là một nền nhân bản đáng được ủng hộ. Vua Lý Thái Tông đã tha tội cho Nùng Trí Cao, không giết, còn vua Lý Thánh Tông cũng đã không giết vua Chiêm Thành là Chế Củ.

Năm 1065, vua Lý Thánh Tông, trong một phiên xử kiện ở điện Thiên Khánh, đã chỉ vào công chúa Động Thiên đứng hầu bên cạnh mà bảo ngục lại rằng: "Lòng ta yêu con ta, cũng như lòng cha mẹ dân yêu dân, dân không biết mà mắc vào hình pháp, ta rất lấy làm thương. Từ nay về sau, không cứ gì tội nặng nhẹ, đều nhất luật khoan giảm" (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Cũng nhà vua này, vào mùa đông năm Ất mùi 1055, trời giá rét, đã bảo với các quan: "Trẫm ở trong cung nào là sưởi ngự, nào áo lót cầu mà còn rét như thế này, nghĩ đến người tù giam trong ngục, khổ sở về gông cùm, chưa biết rõ ngay gian mà không được no bụng, áo không kín mình, gió rét khổ thân, hoặc có thể chết không nơi nương tựa, trẫm rất thương xót. Vậy hạ lệnh cho hữu ty phát chẩn chiếu và mỗi ngày cho ăn hai bữa cơm" (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Thái hậu Ý Lan vợ vua Nhân Tông xuất thân là một cô gái quê nên biết rõ những khổ đau của nông dân. Bà đã khuyên vua Nhân Tông nên phạt nặng những kẻ trộm trâu và giết trâu gây nên tình trạng không có trâu cày. Năm 1013, thái hậu lấy kho chuộc những người đàn bà con gái nghèo phải đem thân đi thế nợ, không thể đi lấy chồng.

Với những nhà chính trị có từ tâm và những người xuất gia biết lo giáo dục sự thực hành đạo từ bi trong dân chúng, đời sống xã hội đời Lý trở thành thuần từ và đẹp đẽ. Đạo đức và từ bi đã không làm cho dân nghèo nước yếu; trái lại, những yếu tố này đã tạo nên phú cường. Những chiến thắng Chiêm Thành và Tống quốc, sự vắng mặt của bạo động trong nhân gian và trong cung khuyết, sự gần gũi giữa với dân; những điều đó nói lên được đặc tính của xã hội đời Lý. Thiền sư Pháp Thuận đã nói trước điều đó:

*Vận nước như dây quần
Trời Nam ôm thái bình
Đạo đức ngự cung điện
Muôn xứ hết đao binh.*

TĂNG SĨ, TỰ VIỆN VÀ KINH ĐIỂN

Vua Đinh Tiên Hoàng là vị vua đầu tiên đã định giai cấp cho tăng lữ. Năm 971, một vị thiền sư tên Ngô Chân Lưu được phong làm Tăng Thống. Chế độ tăng thống tại Việt Nam bắt đầu từ đây.

Trong thời Lý, các vua thỉnh thoảng cũng đặt lại giai cấp tăng sĩ và đạo sĩ, nhưng vẫn theo quy chế từ đời nhà Đinh. Những chức vụ tăng thống, tăng lục, tăng chính, đại hiền quan có giá trị về phương diện tổ chức giáo hội liên hệ tới chính quyền và xã hội, chứ không phải những chức vụ liên hệ tới đời sống hành đạo trong nội bộ tu viện như hòa thượng, yết ma, giáo thụ, giám viên, trụ trì, v.v..

Những vị tăng sĩ được xem như lãnh đạo tinh thần cho triều đình và cho cả nước được gọi là Quốc Sư. Chữ quốc sư ở đây không có ý nghĩa là chức vụ cố vấn chính trị của vua mà chỉ có nghĩa là bậc thầy dạy đạo của cả nước. Sau Vạn Hạnh, các vị Khô Đầu, Không Lộ, Thông Biện và Viên Chiếu là những người được ban hiệu là quốc sư. Các vị này đều là những vị học rộng. Trong đời vua Lý

Thái Tổ đã chọn người xuất sắc cho đi xuất gia. Bốn năm sau tăng thống Thẩm Văn Uyển lập giới đàn ở chùa Vạn Thọ để tăng đồ thọ giới. Năm 1016, hơn 1.000 người ở kinh đô Thăng Long được tuyển chọn để xuất gia làm tăng sĩ và đạo sĩ.

Năm 1019, lại một lần nữa độ dân làm tăng sĩ. Đến năm 1134 vua Lý Thần Tông lại tổ chức độ tăng một lần nữa. Số lượng người xuất gia đông dần. Vào cuối đời Lý, năm 1198, số tăng sĩ lên nhiều quá, tệ lậu sinh ra trong giới xuất gia, vua Lý

Cao Tông cho chọn lọc và sa thải bớt tăng sĩ không xứng đáng. Trước đó, năm 1179, vua đã cho khảo hạch các tăng quan.

Về chùa thì về những ngôi chùa do vua quan lập nên, còn có nhiều ngôi do dân chúng xây cất. Năm 1088 vua Lý Nhân Tông theo sự đề nghị của văn quan và để lại, phân các chùa làm ba loại:

- 1) đại danh lam, chùa lớn
- 2) trung danh lam, chùa vừa vừa
- 3) tiểu danh lam, chùa nhỏ

Chùa có nhiều tăng sĩ tu học, có ruộng và có người cày do Nhà nước cấp.

Về kinh điển, năm 1011, vua Lý Thái Tổ đã cho dựng nhà tàng kinh Trần Phúc để tàng chứa kinh điển. Năm 1018, vua này sai hai người, Nguyễn Đạo Thành và Phạm Hạc sang Tống để thỉnh Tam Tạng kinh.

Tam Tạng kinh ở đây chắc chắn là ấn bản năm 983, ấn bản Tam Tạng kinh đầu tiên ở Trung Hoa, do vua Tống Thái Tổ ban chiếu khắc từ năm 972. Tạng kinh này khắc trong 11 năm, gồm cả thảy 13.000 bản gỗ, có tất cả 1.076 kinh, 480 tập và 5.048 quyển. Tới năm 1020, Nguyễn Đạo Thành và Phạm Hạc mới chở kinh về tới Quảng Châu. Vua nhờ thiền sư Phi Trí đi đón. Năm 1021, vua cho dựng tàng kinh Bát Giác để chứa Đại Tạng vừa được thỉnh năm 1023, vua lại sai người chép chép ra một bản Đại Tạng nữa, và dựng thêm tàng kinh Đại Hưng để cất giữ. Năm 1027, vua lại sai chép thêm một Đại Tạng khác.

Năm 1034, vua lại dựng thêm tàng kinh Trùng Hưng và sai ông Hà Thụ và Đỗ Khoan đi sứ Tống.



Lần này vua Tống lại tặng cho một Đại Tạng kinh nữa. Đây cũng là ấn bản năm 983. Năm 1036, một bản Đại Tạng nữa được chép để chứa vào kho sách Trùng Hưng. Như vậy là tại kinh sư hồi ấy đã có tới năm bản Đại Tạng cho các tăng sĩ và nhà học Phật nghiên cứu.

Năm 1081, vua lại sai Lương Dụng Luật sang Tống xin Đại Tạng. Và năm 1098, khi Nguyễn Văn Tín đi sứ sang Tống, vua cũng xin thêm một bản Đại Tạng khác. Ta thấy nhu cầu sử dụng Đại Tạng thời bấy giờ rất lớn.

Ấn bản Đại Tạng thứ hai tại Trung Hoa bắt đầu từ năm 1080, nhưng mãi đến 1176 mới hoàn thành. Ấn bản này có 6.434 quyển gọi là Sùng Ninh Vạn Thọ Đại Tạng. Vậy tất cả các bản Đại Tạng mà nhà Lý thỉnh từ Tống quốc thời đó đều là ấn bản năm 983.

Những bản kinh thông dụng như kinh Kim Cương, Dược Sư, Pháp Hoa, Viên Giác, v.v... có lẽ đã được bắt đầu khắc bản và in tại Việt Nam sau đó. Ta không biết nghề in ở Việt Nam bắt đầu từ thời nào. Sách Thuyền Uyển Tập Anh nói rằng tổ phụ của thiền sư Tín Học (mất 1190) đã làm nghề khắc bản in lâu đời. Trần sau này, khi mà kỹ thuật khắc bản gỗ của ta được cải thiện nhờ những người đã học nghề in tại Trung Quốc.

VẤN ĐỀ MÊ TÍN

Vì những ghi chép về một ít những chuyện thần bí pháp thuật như chuyện giang hồ, chuyện tự ý đầu thai, v.v... nên ta có cảm tưởng Phật giáo đời Lý đầy dẫy những mê tín. Kỳ thực, trong bất cứ thời nào, kể ngay trong hiện đại, cũng có những hiện tượng mê tín như thế. Vấn đề là những chuyện mê tín như vậy được ghi chép lại hay không. Không phải vì điển tịch đã ghi chép lại một số chuyện mê tín đời Lý mà ta cho rằng chỉ vào đời Lý, Phật giáo mới có những tín ngưỡng dị đoan.

Phật giáo đời Lý, như ta thấy trong lịch sử và nội dung tư tưởng của các thiền phái, có một chiều sâu tâm linh rất đáng kể. Có nhiều thiền sư học rộng, hiểu nhiều bài bác những tín ngưỡng và pháp thuật dị đoan, đóng góp lớn lao trong phạm vi học thuật, phong hóa và xã hội. Tính chất mê tín dị đoan ở những thời đại Phật giáo suy đồi như trong đời Lê Sơ và trong thời Pháp thuộc.

(còn tiếp)

[1] Bất bạo động

[2] Kiến Văn Tiểu Lục: "Tôi có thu thập văn còn sót trên đá và trên đồng được vài chục bài... (lược). Nhân đây lược ít bài có danh để biết đại khái cách thức: bài minh trên chuông chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích, dựng niên hiệu Nguyên Hóa thứ 9 triều Lý, sư Huệ Hưng soạn; bài minh trên bia chùa Hội Khánh ở Sùng Nghiêm, Ai Châu, dựng niên hiệu Đại Khánh thứ 9, sư Pháp Bảo soạn; bài minh trên bia tháp Hội Khánh ở núi Ngọc Giả, dựng niên hiệu Hội Phong thứ nhất, pháp sư Lê Kim soạn; bài bia ở bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh ở núi Long Đồi (thuộc huyện Duy Tiên) dựng niên hiệu Duệ Vũ thứ hai, binh bộ viên ngoại lang là Mai Công Bật soạn; bài bia chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn, làng Ngô Xá, huyện Vĩnh Phúc, dựng niên hiệu Duệ Vũ thứ bảy, sư Pháp Bảo soạn; bài bia chùa Diên Phúc, làng Cổ Việt, dựng năm Đại Khánh thứ tư, do môn khách của Đỗ Anh Vũ là Công Diệm soạn..."

Xả buông

*Vườn ngọc đời người hội nhân duyên
Lặng sâu tiềm thức nhạt ưu phiền
Tựa nhau buông xả thơi vườn mộng
Ngã lẳng vai nhau lạc hỉ thiền*

*An lạc đây vườn vui rất lạc
Lộ bày khi ký ức thành thơi
Xả buông gánh nặng những phiền đời
Trời thơ mộng nắng vàng chiều xưa đến*

*Thế thường thấy thích thì thân thiện
Ảnh mắt cảm thông dạ nao nao
Ngây ngát lâng lâng men lúy túy
Nguồn vui suối lệ gió thì thào*

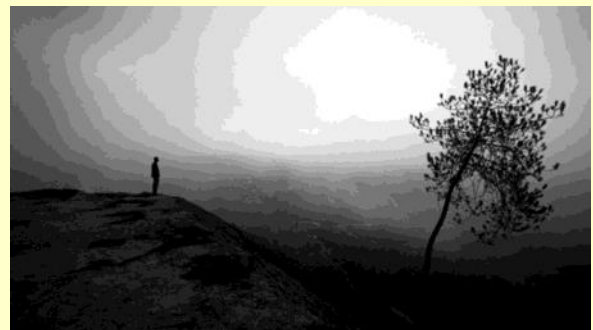
*Xả buông thương yêu vui cuộc sống
Những chiều men gió tỏa hương say
Lưu ly ánh ngọc mộng xuân ảo
Mây còn lơ lửng cánh vạc bay*

*Xả buông sinh tồn cùng cuộc sống
Dòng thực tại trôi nhịp thời gian
Tĩnh thức lòng chẳng mơ màng
Ý buông xả nghĩa yêu đời tha thiết*

*Vắng duyên nhẹ gánh đời an lạc
Lưu ly đôi khi nói những gì!
Vừa xả buông là vui bến mộng
Nắng sớm bên đường rộn lối đi.*

thơ

HOA CÁT PHAN VĂN



Những lâu đài diêm ảo

THIÊN HẠNH



Một.

Mùa Thu năm 1983.

Gồng mình khom lưng trên cỗ xe đạp cũ đã rụng hết dẻ chắn bùn, hãnh kỳ vọng trở về Tây đô, miền gạo trắng nước trong đã từng được ca tụng như là miền đất hứa thuở lưu dân gồng gánh vào Nam khai khẩn. Cơn mưa cuối mùa vào buổi chiều như làm lộ trình càng dài ra bởi không khí bắt đầu se lạnh. Màn tối buông dần. Trên đường quốc lộ ánh đèn pha hắt chói vào mặt hãnh từ những chuyến xe ngược hướng. Những xóm nghèo mái lá bên đường hoặc phía xa xa bên kia những cánh đồng mới cấy đã le lói ánh đèn.

Sương rơi ướt tẩm áo mỏng. Hãnh chột rùng mình, cái lạnh bắt đầu thấm vào da thịt. Một cảm giác chơi vơi cô lẻ của kẻ lữ hành vạn dặm cơ hồ len nhẹ vào tâm khảm. Mưa lại rơi nhẹ trên vai, hãnh vẫn gắng sức cúi đầu đạp. Hãnh cảm thấy ớn lạnh sau mỗi đợt gió thốc vào mặt, vào thân mình co rúm của hãnh.

Mưa...

Chợt bắt gặp một biển báo bên đường: *Địa phận tỉnh Tiền Giang*, hãnh tự nhủ mình cũng giới chân, đã qua khỏi Long An rồi, thế là lộ trình đã rút ngắn, cố lên thôi!

Bắt đầu khởi hành từ Sài Gòn lúc 3 giờ chiều, hãnh về Cần Thơ với mong ước sẽ kiếm được một việc làm gì đó, có thể là việc đồng áng hay công nhật ở các cơ sở chăn nuôi thủy sản. Vì ngay tại Sài Gòn cuộc sống cũng đang hồi càng lúc càng khó khăn. Nhưng xem ra khởi điểm của hãnh trên chiếc xe đạp "trành" chẳng mấy sáng sủa.

Đang ngon giấc bỗng một cú giựt làm cả xe lẫn người lao đảo. Lốp xe trước nổ, thế là hành trình coi như tạm ngưng. Chung quanh là cánh đồng cỏ quanh, đằng xa có lẽ cũng cả cây số là một chòm cây cao vể lên không gian đêm một khối mờ đen thấp

thoáng có ánh đèn. Hãnh khấp khểnh mừng trong dạ: rồi sẽ có chỗ nghỉ tạm qua đêm.

Hiện ra trước mặt hãnh là cánh cổng tam quan thấp thoáng đằng sau là hình bóng một mái chùa có đầu đao vuốt cong thoát lên về âm cúng. A Di Đà Phật, con kính tạ ơn Ngài. Ngay lúc này, hãnh hy vọng tràn trề vì thấy mình đang đối diện cánh cửa tử bi phổ độ của Đức Phật.

Sau nhiều lần gõ vào cánh cổng, cuối cùng hãnh cũng được đáp ứng, một ni cô già khoảng ngoài năm mươi bước ra nhìn hãnh với vẻ không được thân thiện.

- Mô Phật, em cần gì?

- Thưa sư cô, con bị lỡ đường, trời đã tối, xe con bị hư, con kính sư cô hoan hỷ cho con tá túc tạm mái hiên chùa, sáng sớm mai con đi liền. Sư cô thương con, giờ con không biết chỗ nào...

- Mô Phật, chắc không được rồi em ơi. Ủy ban xã có quy định ai tá túc qua đêm cũng phải trình báo nhân thân, giờ này cô không thể ra ủy ban trình báo giúp em được. Hoan hỷ nha em.

- Dạ, con cảm ơn sư cô.

Vị nữ tu quay đi rồi mất hút vào bên trong để lại hãnh với nỗi thất vọng ê chề. Bất giác quay nhìn vào tiền điện ngôi chùa, một bức tượng Đức Phật Di Lặc nhìn hãnh cười độ lượng sau những song sắt chạy đều của cánh cổng khép kín.

Đêm đó hãnh đành phải co ro chờ trời sáng trong một chòi canh bên vệ đường giữa đồng vắng, bên con bù nhìn rơm với nón lá te tua và bên cô cây ho-ang đại cùng vô vàn âm thanh nào hoạt của lũ ếch nhái ếch ương. Thiên nhiên bao giờ cũng bao dung rộng lượng đón kẻ cùng đường.

Hai.

Mùa Xuân 2012.

Hôm nay một nhóm Phật tử vùng quê với tay xách nách

mang những phẩm vật dân dã, nào rau trái mướp dưa, nào bầu bí khoai lang, gạo nếp mè đậu..., đến để cúng dường Tăng chúng và hòa thượng viện chủ. Hãnh nhân duyên cũng là một thành viên trong nhóm, mong góp phần công đức hộ trì Tam Bảo.

Chùa là một hệ thống các công trình kiến trúc đồ sộ mà diêm nhân là tòa chánh điện uy nghi mái tiếp mái chập chùng thoát lên về đài các của những lâu đài trang viện cổ Trung Hoa. Mặt trước thoáng rộng với thảm cỏ, cây xanh kỳ hoa dị thảo, hồ nước nhân tạo trong xanh. Tượng đài Đức Bồ tát Quán Thế Âm uy nghi với ánh nhìn từ hòa độ lượng. Những lối đi lát đá trang trọng... Tòa cổng thâm nghiêm pha chút lạnh lùng ngăn cách.

Người bảo vệ đưa mắt nhìn đoàn Phật tử với vẻ dò xét thăm định như để biết xuất xứ thành phần xã hội. Anh ta hỏi kiểu như lấy khẩu cung:

- Các vị cần gì?

- Chúng tôi là nhóm Phật tử ở tận miền Tây lên đây xin được cúng dường Tam Bảo và diện kiến đánh lễ vãn an sức khỏe hòa thượng.

- Chùa chưa đến giờ mở cổng đón Phật tử.

- Chú hoan hỷ cho chúng tôi vào ngồi nghỉ tạm, đường xa cũng mệt, hoan hỷ nha chú!

Người bảo vệ sau phút lưỡng lự không nói quay mặt hướng khác.

Một chiếc xe hơi bóng lộn bộp còi "tuy nhiên" dừng chờ mở cổng. Người bảo vệ buông một câu hốt hoảng: "Hòa thượng về rồi!" đoạn lật đật chạy lại kéo cánh cổng nặng trĩu. Chiếc xe thoáng chốc mất hút vào bên trong.

Đoàn người vẫn kiên nhẫn chờ đợi.

Người bảo vệ vẫn lạnh lùng đi đi lại lại chẳng buồn để ý đến sự hiện diện của nhóm Phật tử đang nôn nóng muốn được vào bên trong ngôi tự viện. Có ai đó thở

dài: "Chắc phải về thôi các vị ơi, chứ đứng đây chờ tới bao giờ?"

Hắn cũng chột dạ, không lẽ đây là lần thứ hai mình phải mang lấy thất vọng khi đến cửa Thiền? Lại tiếng còi xe hơi, lần này những ba chiếc cũng đời mới bóng lộn chẳng kém chiếc xe ban nãy. Cũng phong thái cũ, người bảo vệ vội vội vàng vàng kéo cánh cổng rồi cúi chào trịnh trọng như đã từng biết mấy người này, đoàn xe từ từ vào bên trong sân.

- Thôi, các vị về đi, hòa thượng giờ lại còn phải tiếp khách quý rồi. Ngày mai quay lại nha - người bảo vệ nói như ra lệnh.

- Chúng tôi vất vả lắm mới đến được đây. Thông cảm không được sao chú?

- Không được! - tay bảo vệ nói như đã được "lập trình" sẵn, mà có lẽ cũng thế thật, anh ta chỉ là người thừa hành.

Khách quý ư! Có thể là một đại gia hay nhà chức trách gì đó. Quý hay tiện, khái niệm này vẫn còn tồn tại ngay trong chốn Thiền môn, nơi mà sự phân cấp trần tục và sự phân biệt giàu nghèo coi như đã triệt tiêu ư! - hẳn nhủ thầm, nhưng cũng may, niềm tin Tam Bảo nơi hắn vẫn chưa suy suyển.

Cuối cùng, nhóm người tội nghiệp miễn cưỡng quay đi để lại đặng sau bóng dáng sừng sững của ngôi chùa đồ sộ mà chắc chắn đối với họ sẽ chỉ còn đọng lại như một ký ức buồn. Họ sẽ không bao giờ trở lại đó một lần nào nữa.

Ba.

Mùa Thu năm 2015.

Vùng cao nguyên Nam Trung phần với chập chùng đồi thông, gió vi vu, mây lãng đãng, phảng phất vẻ tịch mịch u nhân. Chiều xuống nhẹ nhàng với màu nắng vàng pha sắc mật ong quyên rữ. Thiên nhiên tinh tú rì rào lời của gió và xa xa là tiếng rì rầm dòng suối ẩn khuất trong cây.

Hắn thận trọng từng bước một đến trước thiền thất của vị thầy, người ẩn tu nơi này cùng với một tiểu tăng.

- Mô Phật, mời đạo hữu vào - tiếng của thầy cất lên như vừa đủ để hắn nghe.

- Mô Phật, dạ! con bạch thầy.

- Đến nơi này tâm trạng đạo hữu thấy thế nào?

- Dạ bạch thầy, tâm con thơ thối, cảnh vật gần gũi nên thơ và đạo vị ạ!

- "Tùy sở trú xứ thường an lạc," phương tiện ban đầu là cần thiết, nhưng phải đến một lúc mỗi chúng ta cần phải đối diện mọi

TÂM KHÔNG

*Từ em bỏ phố lên rừng
Cõi trăm năm mộng lung chừng cuộc trôi
Về mù sương một phương trời
Viết trang bôi điệp thom lời mẹ ru.*

*Từ em bỏ lại phù hu
Đạo chừ hôm sớm kinh thư bạn cùng
Lời từ cõi lặng thanh không
Nghĩa từ câu chữ góp cùng nguyện ca.*

*Từ em bỏ lại người - ta
Đạo tình thanh nhẹ có ta có người
Chừ em hiểu vẹn nụ cười
Trên môi Phật nở rạng ngời tâm không.*

KINH LÁ

*Nhẹ nhàng mỏng manh chiếc lá
Giấu trong mình bài tâm kinh
Huyền hư vô thường ai hiểu
Thả rơi rơi chiếc bóng mình.*

thơ

MẶC KHÔNG TỬ



hoàn cảnh, biết tu trong mọi hoàn cảnh, tinh tâm trong mọi tình huống,...

- Mô Phật, con xin lĩnh hội ạ.

Sáng hôm sau, hai thầy trò cần mẫn bê những phiến đá để lát lối đi vào khu thiền thất.

- Chúng ta tận dụng những vật liệu có sẵn để đỡ khỏi phải hao tổn của tín thí. Quả là chung quanh ta không thiếu những vật hữu ích phải không đạo hữu.

- Dạ, con bạch thầy.

Hắn vui khi cúi xuống hái nhặt những ngọn rau xanh do chính tay nhà sư trồng; hẳn cũng rất ấm lòng khi nghe những câu Pháp thoại ngắn gọn súc tích và đầy ý nghĩa của vị thầy nơi sơn dã. Khi quay lại mái thiền thất đơn sơ, hẳn nhận ra những khuôn mặt ngây thơ tươi sáng của những đứa trẻ người thiếu số. Chúng hẳn hoan rỗi rít với

những gói mì và sách bút ít ỏi từ tay nhà sư. Sau đó hẳn còn được biết chính thầy cũng là người dạy cho đám trẻ tập đọc, tập viết.

Ngồi tựa lưng vào gốc cổ thụ hướng nhìn mấy mái lá đơn sơ thấp thoáng bóng nâu sồng bình dị giữa rừng đồi vắng vẻ, nơi có hai thầy trò ẩn cư tu tập, hẳn chợt hiểu ra: những giá trị thật của cuộc đời, của Phật Pháp vẫn còn đâu đó quanh ta. Chợt cái nặng nề ám ảnh của những ngôi tự viện bề thế nguy nga, nơi hai lần đã đem đến cho hắn sự thất vọng ê chề giờ bỗng cảm thấy nhẹ tênh, trôi đèo bồng tâm tưởng. Bất giác hắn mỉm cười xí xóa: Ôi, những lâu đài diêm ảo!

Thiên Hạnh

(Sài Gòn, Thu 2015)

5 CÁCH THỰC HÀNH ĐỂ XOA DỊU NHỮNG CƠN GIẬN

(*Nhật ký Giáo dưỡng Tuổi trẻ*)

Bạch Xuân Phê

Chúng ta đều biết giận là không lành mạnh, không nên và không đẹp, thế mà chúng ta lại thường nổi giận. Ông Bà ta có dạy, "No mất ngon, giận mất khôn" là thế. Sau đây là 5 phương pháp thực tập để xoa dịu cơn giận và tận hưởng thời gian quý báu, quan trọng của mình với nhau.

Trong cuộc sống có những điều rất nhỏ mà cũng có thể làm ta nổi giận và sự giận dữ đó có thể đưa đến tan vỡ hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc gia đình. Thật ngạc nhiên là thông thường những điều nhỏ bé ấy có thể khiến chúng ta mất bình tĩnh hay nổi giận thiên đình. Mỗi khi sự giận dữ của bạn nổ tung, thật khó để kiểm soát hay lấy lại những gì mình đã nói và làm. Tức giận, cũng như những cảm xúc khác—vui buồn, thương ghét v.v...—không phải là điều xấu. Đó là một cảm xúc cần thiết, nhưng nếu chúng ta không kiểm soát những cảm xúc, lời nói, hoặc hành động, nó sẽ đưa ta mất niềm vui, an lạc, hoặc tệ hơn là sự cãi và để rồi đưa đến bất hoà hay tan vỡ.

Vì thế chúng tôi xin chia sẻ 5 phương thức hay chiến thuật xem như là biện pháp phòng ngừa để gìn giữ cơn tức giận đừng nổ tung trong cuộc sống của bạn giúp chúng ta có chánh niệm—nền tảng của sự an lành và hoà hợp.

1. Nhận chân cơn giận của mình.

Cơn giận có hình tướng (anatomy) và mục đích chính của nó, cũng như cái ngã (ego), là làm cho nó càng ngày càng to và cuối cùng là làm nổ tung ra (Anger happens spontaneously, build up and explode). Trong giai đoạn đầu, cơn giận thường có môi để bộc phát. Ví dụ như sự căng thẳng, bức bối, không ưa thích gì đó, khó chịu trong cơ thể, mệt mỏi, ngã mạn, kêu ca, v.v... đây là bước đầu, là ngòi nổ. Rồi, cơn giận thường tự phát, dồn dập và bùng nổ. Sự nóng nảy của chúng ta thường có những dấu hiệu cảnh báo như bức mình, tức tối, một cảm giác thất vọng, gia tăng nhịp thở, đỏ mặt, run rẩy v.v...

Khi mình có sự thực tập, thì mình nhận ra cơn giận của chính mình ở trong giai đoạn nào. Khi giận mình biết là mình đang giận. Chúng ta phải đủ bình tĩnh và can đảm để nhận ra cảm xúc của mình và của đối phương. Hãy thở sâu và chậm vài hơi. Chút thời gian ít ỏi đó có thể giúp ta khám phá cảm xúc và quan điểm của mình.

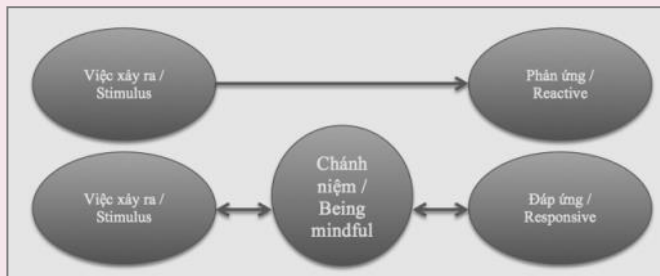
Hãy thở sâu và chậm ba hơi; dài biết dài, ngắn biết ngắn. (Hơi thở ra thông thường dài hơn hơi thở vào). Thở chánh niệm như vậy một vài hơi, bạn sẽ nhận thấy sự thay đổi cảm giác cơ thể. Lắng nghe những suy nghĩ của mình mà không cần thêm bớt

các cuộc đối thoại nội tâm hay ít nhất là để cho nó lắng đọng.

Mình đang suy nghĩ gì? Hãy kiên nhẫn vì những cảm giác khó chịu có thể trôi dạt, nhưng hãy quan sát, quán chiếu cơn giận dữ của mình với sự tử bi cho chính mình (self-compassion). Bạn có thể sẽ ngạc nhiên khám phá rằng cơn tức giận của mình có thể dạy cho mình những điều cần thiết.

2. Biết rằng chúng ta có nhiều lựa chọn.

Trong tất cả những tình huống, nhận chân rằng chúng ta có lựa chọn để giải quyết. Thông thường thì chúng ta phản ứng tức khắc khi một việc gì xảy ra; với sự thực tập chánh niệm, chuyện gì xảy ra, hãy bình tĩnh và thực hành chánh niệm, rồi đáp ứng cho hợp lệ. Xin hãy xem hình vẽ minh họa sau đây:



Trong thời gian thử thách này, hãy nhắc nhở mình: "Ta đang có một sự lựa chọn" và xin đừng chọn lựa hay giải quyết trong sự thiếu bình tĩnh hoặc nóng giận, làm lãng phí thời gian và năng lượng của bạn trong những lúc có cảm xúc tiêu cực. Điều đó có thể hại mình hại người lúc bây giờ và cả tương lai. Những quyết định hay sự chọn lựa của ta đều phải đặt trên nền tảng lợi mình, lợi người, ngay bây giờ và cả tương lai.

3. Hành Thiền!

Thực tập thiền hành. Thiền đã có từ ngàn xưa và có nhiều đạo thực tập Thiền, không riêng gì Phật giáo. Thiền giúp chúng ta thư giãn, nhẹ nhàng và lắng đọng. Theo những nhà nghiên cứu hàng đầu ở Hoa Kỳ trong lãnh vực Thiền Chánh Niệm như Jon-Kabat-Zin, Thiền làm nhịp tim chậm lại, giảm huyết áp, giảm sự lo lắng, và, kết quả là làm giảm stress. Trong một thử nghiệm tham gia vào một chương trình giảm stress thiền chánh niệm tám tuần có mức giảm đáng kể trong báo cáo kích thích hàng ngày (24%) và căng thẳng tâm lý (44%), và những lợi ích

đã được duy trì ba tháng sau đó.

Các nhà nghiên cứu như Kabat-Zinn (1990) và Thompson và Gauntlett-Gilbert (2008) cũng tiết lộ rằng hành thiền và thực tập chánh niệm tăng cường cải thiện sự tự nhận thức và tình trạng bệnh tật mãn tính cũng như làm tăng trưởng hạnh phúc nói chung. Ngoài ra, Martins (2012) phát hiện ra rằng những người lớn tuổi hành thiền, đạt được khả năng chánh niệm, tăng trưởng lòng từ bi, sự hiện diện, và sự chú tâm và ảnh hưởng về nhận thức của họ về cuộc sống, tuổi tác, sự sống chết, và mất mát của họ. Khi về già hành giả an nhiên và ít giận hờn, dễ dàng yêu thương và tha thứ hơn. Gần đây, Time Magazine cũng tưởng tượng là học sinh tiểu học tập thiền thi cao điểm hơn trong toán học so với những em khác. Vì thế, chúng ta có thể tập thiền cùng các em khoảng 5 đến 10 phút mỗi ngày nếu thời gian cho phép.

4. Hãy tập dừng lại và quán chiếu

Nếu trong cơn giận bùng nổ, thì hãy nhận diện nó. Bảo rằng, tôi biết tôi đang giận. Hít thở thật sâu vài hơi. Nếu không có thời gian, thì chỉ một hơi thật dài. (Hơi thở ra dài hơn hơi thở vào). Hãy đi bộ (Take a walk) hay lấy mình ra khỏi không gian (timeout).

Chúng ta phải nhận thức và nhắc nhở rằng chúng ta không thể kiểm soát của bất cứ lỗi suy nghĩ, cảm xúc, và hành động của ai cả, những gì chúng ta có thể điều khiển là của chúng ta. Bác sỹ Amy Saltzman đã trình bày kỹ năng sống và cách thực tập qua phương pháp PEACE (Pause, Exhale, Acknowledge, Choice, Engage – Dừng lại, Thở ra, Nhận diện, Lựa chọn, Hành động) cũng không ngoài mục đích này.

5. Ăn và ngủ đều độ!

Có 4 loại thức ăn mà những nhà nghiên cứu ở Hoa Kỳ gọi là 4 thức ăn thầm lặng giết người (four silent food killers), đó là chất muối, đường, mỡ/chất béo, và bột/gạo). Những chất này đưa gần một nửa dân số Mỹ có một hoặc nhiều bệnh mãn tính, trong đó có bệnh hen suyễn, bệnh gan nhiễm mỡ, sâu răng (đặc biệt là ở trẻ em), bệnh tiểu đường loại 2, việc ung thư, mất trí nhớ, suy gan, và bệnh tim mạch dẫn đến các cơn đau tim và đột quỵ. Ngoài ra, nếu uống bia rượu nhiều cũng không ổn vì bị say xỉn. Thậm chí cà phê cũng vậy, lượng caffeine có thể thay thế một đêm ngon giấc. Có thể về lâu dài, tăng thiếu ngủ và có nguy cơ mắc bệnh tim và tiểu đường. Hãy tránh cà phê và rượu mạnh khoảng 2-3 giờ trước khi đi ngủ. Nói tóm lại, nếu ăn uống không điều độ, sẽ đưa chúng ta đến những bệnh tật và thảm cảnh này. Chúng ta phải ăn uống cẩn trọng, nhất là cần nạp năng lượng vào buổi sáng. Nếu cơ thể bất an hay khó chịu, thì tâm trí của mình cũng không được thoải mái và có thể đưa đến sự nóng giận. Vì thế ăn uống và ngủ nghỉ đều hoà sẽ giúp chúng ta sống vui và sống khoẻ, ít giận hờn vu vơ.

Nói tóm lại, giận là một trong những cảm xúc tự nhiên mà chúng ta có thể nhận chân và chuyển hoá được. Nếu chúng ta thực tập chuyên cần những phương thức trên, chúng ta có thể nhận chân được sự chuyển hoá của nội tâm. Trong cuộc sống, chúng ta cần phải cởi mở, lạc quan, nhẹ nhàng và uyển chuyển để mình có cuộc sống an lạc và lành mạnh hơn hầu làm cho thế giới này ngày càng tốt đẹp.

Bạch X. Phê



MAI SAU

*Qua bờ, sóng vỗ, thuyền trôi
Kiếp nhân sinh, bóng luân hồi trên sông
Thuở còn trời đất mênh mông
Ao xưa đã nhuộm bụi hồng đam mê
Điêu cầu bị nạn đi, về
Nghe tà huy gọi bốn bề hư không
Mưa trời Tây, lạnh trời Đông
Đưa nhau chia một chữ đồng tịch liêu
Quan hà thổi ngọn hiu hiu
Thân, tâm rồi cũng mai chiều lưỡng phân
Hạt bay mờ cõi hồng trần
Hạt về tịnh giác chuông ngân đạo từ
Lượng tình cát bụi chân như
Trả ta tiền kiếp ân cư quê nhà
Suối rùng ngọt tiếng chim ca
Thơm lòng đất mẹ phù sa đôi bờ
Ngũ hành tụ, tán câu thơ
Bay trong trời đất, đợi giờ vãng sanh...*

thơ XUYÊN TRÀ

Tài liệu tham khảo / Reference:

1. Bach, P. X. (2014). *Mindful Leadership—A Phenomenological Study of Vietnamese Buddhist Monks in America with Respect to their Spiritual Leadership Roles and Contributions to Society* (Doctoral dissertation, Drexel University).
2. Kabat-Zinn, J. (1990). *Full catastrophe living: Using the wisdom of your body and mind to face stress, pain and illness*. New York: Delacorte.
3. Martins, C. A. R. (2012). *Silent healing: Mindfulness-based stress reduction program for older adults*. Available from Proquest Dissertations and Theses database. (UMI No. 3522535)
4. Meiklejohn, J., Phillips, C., Freedman, M. L., Griffin, M. L., Biegel, G., Roach, A., ...& Saltzman, A. (2012). Integrating mindfulness training into K-12 education: Fostering the resilience of teachers and students. *Mindfulness*, 3(4), 291-307.
5. Thompson, M., & Gauntlett-Gilbert, J. (2008). Mindfulness with children and adolescents: Effective clinical application. *Clinical Child Psychology and Psychiatry*, 13, 395-407.

Hành trang

HẠNH CHI



Phàm, ai lên đường cũng mang theo hành trang, nhiều hay ít, nặng hay nhẹ là do quan niệm về nhu cầu và mục đích chuyến đi.

Khi gã đến bái biệt Thầy, lòng chột rưng rưng khi chạm vào ánh mắt đầy xót thương. Chẳng lẽ chưa phải là lúc gã lên đường hay sao? Chẳng lẽ Thầy chưa thấy hết những quần quai thô thúc trong gã bấy lâu ư?

Tuy thế, giây phút tạm biệt không sâu bi như gã tưởng. Vẫn với giọng nói nhỏ nhẹ, điềm đạm cổ hủ, Thầy ôn tồn bảo:

- Chỉ mang theo một chữ, chữ "NHÂN." Bất cứ nơi đâu, thế nào, cũng chỉ hành xử bằng chữ nhân mà thôi. Khi nào cảm thấy cần Thầy thì hãy nhớ rằng Thầy luôn ở bên con.

Gã cung kính lạy Thầy ba lạy.

Gã lên đường với hành trang là chữ "NHÂN" và ánh mắt xót thương của Thầy.

Hai đầu quang gánh không đồng đều nên bước chân gã ngã nghiêng như người say rượu. Thầy trao chữ "Nhân" nên gã đặt chữ nhân ở quang gánh trước, và ánh mắt xót thương của Thầy ở quang gánh sau. Với gã, chữ nhân còn nhẹ tênh mà ánh mắt Thầy thì nặng quá! Chẳng phải gã đã từng nói:

- Thầy ơi, con biết chắc là con đã từng được đánh lễ Thầy từ kiếp trước, hay từ vô lượng kiếp trước không chừng.

Thầy đã không cười vì câu

nói mùi riêu, sấp xuống "sáu câu vọng cổ" này, mà chỉ hiền từ bảo:

- Thế ư?

Thực tâm, gã luôn nghĩ về Thầy như vị Thầy-Bổn-Sư, Thầy-Y-Chỉ, vì những gì Thầy nói mà gã đã được nghe, những gì Thầy viết mà gã đã được đọc, những gì Thầy làm mà gã đã được thấy... Hết thầy đều là kim chi nam cho gã. Ấy thế mà, vì những chướng duyên kiếp này, gã chưa từng được Thầy nhận làm đệ tử, dù gã vẫn cảm nhận được là "Thầy luôn ở bên con."

"Thầy luôn ở bên con."

Điều này không đủ, chưa đủ, đối với gã. Nhất là trong lúc này.

Lặng lẽ ngồi thiền trong bóng đêm, gã đã quán chiếu những thị phi thế gian như tên bay, đạn nổ tứ phía và thấy rõ rằng chỉ cần nhận diện những đối tượng là hiển lộ ngay thực chất. Nhận diện những đối tượng đang hung hãn ném bùn và những đối tượng đang an nhiên trước đất bùn.

Cũng trong bóng đêm, gã từng nhìn thấy dáng những cây tùng, cây bách thẳng tắp, vút cao, sừng sững nhưng lặng thình trên triền dốc núi. Hãy mưa đi. Hãy gió đi. Hãy giông bão đi. Rồi mưa nào không dứt. Gió nào không im. Giông bão nào không qua.

Còn lại, vẫn là vạn hữu bao la muôn thuở, và con chim én sẽ về, đậu trên ngọn tùng chót vót sừng mai để cùng với bạch hạc, khổng tước, ca lừng tần già, cọng mang... tán dương những gì màu nhiệm, đẹp đẽ nhất, ngay nơi cõi phàm đầy uế trước bùn nhơ này!

Gã từng mỉm cười trong đêm khi nhớ tới giai thoại Thiện-Tài đến gặp Tự-Tại-Chủ. Khi đó, Tự-Tại-Chủ còn là một chú bé, đang ngồi vọc cát chơi trên bãi biển, nhưng vì đã được giới thiệu trước nên Thiện-Tài biết đây là

một bậc Thánh-già, rất tinh thông toán pháp vì đã được học toán với Ngài Văn Thù Sư Lợi. Tự-Tại-Chủ nói với Thiện-Tài rằng:

- Bằng phép toán của Bồ Tát, tôi có thể dễ dàng tính đếm được số cát trên các bãi biển, có thể đo lường dài ngắn khắp mười phương thế giới, có thể lượng định lớn nhỏ mọi vật thế gian.

Một bậc Thánh-già nói lên điều đó với người đi cầu đạo để làm gì? Chắc chắn không phải để khoe sở học, vì phàm những gì không thực có, mới khoe. Vậy, hẳn là Tự-Tại-Chủ muốn đem những hình thái cụ thể để chỉ dạy Thiện Tài những ý niệm về tâm. *"Với những tâm nhỏ hẹp thì cần nhà chúng đang ngụ cũng là thế giới mênh mông; trong khi, với những đại-bi-tâm thì cả vũ trụ chẳng lớn hơn hạt cải!"*

Lớn nhỏ, rộng hẹp, nông sâu, chỉ là những khái niệm tương đối trước Bồ-Đề-Tâm, vì trái tim vô giới hạn đó sẽ an nhiên thâm nhiếp tất cả ân oán, xấu đẹp. Ân để đền trả, oán để giải trừ, xấu để nhiếp độ, đẹp để khuyến tấn...

Rủi thay, gã chưa được là tiểu đồng theo chân Thiện-Tài đi cầu đạo nên chưa phát nổi Bồ-Đề-Tâm. Gã tự an ủi rằng, Thường-Đề Bồ Tát là vị đã tu tập tinh thông, nhuần nhuyễn Ba-la-mật, nhưng khi chứng kiến những oan khổ thế gian, đôi mắt Ngài đã thường đầm lệ! Vậy thì, gã có khóc trước tâm địa độc ác của thế nhân cũng chưa phải là điều đáng trách. Có chăng là tự trách, đã để bị lụy trở thành oán hận.

Khi nhận ra điều này gã mới thực sự hết hoảng!

Dù Thầy không có mặt nơi đây, gã vẫn quỳ xuống, sám hối cùng Thầy, vì những lời Thầy dạy, gã chẳng thực hành được là bao!

Gã không từ-bi và nhẫn nhục đủ, để nổi bài học Ba-La-Mật thành chuỗi, như Thầy thường dẫn chứng trong Kim-Cang-Bát-Nhã-Ba-La-Mật Kinh-Luận, là tất cả các Ba-La-Mật đều được hiển thị bằng yếu tính của Bồ-thí-ba-la-mật:



"Với sự bô thí về tài sản mà Bồ-thí-ba-la-mật được thành tựu. Với sự bô thí về vô-úy mà Giới-ba-la-mật và Nhẫn-ba-la-mật được thành tựu. Với sự bô thí về pháp mà Tinh-tân-ba-la-mật, Định-ba-la-mật và Tuệ-ba-la-mật được thành tựu" (*)

Nếu nghiêm túc thực hành được bài học này, gã đã không để bị lụy trở thành oán hận.

Bây giờ, oán hận đã thành hình, gã không thể chỉ ngồi khóc trước khổ nhục, không thể chỉ ngồi chiêm ngưỡng những thân từng, thân bách sửng sững thỉnh lặng trước bão giông. Gã phải lên đường, men theo triền dốc mà đi, dầu có thịt nát xương tan cũng chỉ là đem hạt cát này hòa vào đại dương để mong có ngày cùng được trôi ra biển lớn. Phải lên tận đỉnh núi kia, ngửa mặt, giang tay, trực diện giông bão đó, thay vì, mãi tự lừa dối mình trong căn nhà không ngừng bị lửa phiền não vây đốt!

Tự lừa dối như thế thì **"Phật-thừa không hơn một tiếng nói suông của kẻ mê sảng trong giấc ngủ ngày. Hạt giống Bồ-Đề không được gieo vào một cánh đồng trùu tượng nào xa xôi, cũng không chờ đợi để được gieo vào một vùng đất hứa thần thoại nào khác, mà nó được gieo xuống ngay trên sa mạc sinh tử này, khô cằn với những đau khổ triền miên của chúng sanh này" (*)**

Bằng những lời dạy đó, gã đã lên đường, bước vào giữa cuồng phong của tâm địa nhân gian với gánh hành trang, một đầu là chữ "Nhân", đầu kia là ánh mắt xót thương của Thầy.

Anh mắt đó, theo mỗi bước chân, lại chuyển dần xót-thương thành từ-ái.

Cứ thế, trên đường lên núi, hai đầu gánh cân bằng dần, khiến bước chân gã không còn ngã nghiêng, xiêu vẹo...

Tới đỉnh núi, trời đã về chiều. Đặt gánh hành trang xuống, gã kính ngạc không thấy đâu là chữ "Nhân", đâu là ánh mắt Thầy.

Cả hai đầu gánh chỉ thấy la đà những áng mây bay...

Hạnh Chi,
ngày ra Hạ



Dáng Núi

*Ánh mắt khóa thân che khuất biển
Hàng cây nghe dạ thịch rẻo gào
Sáng chủ nhật biển tro phàm tục
Hòn đại dương ẩn nấu nơi đâu?*

*Từ giã biển, ta tìm đến núi
Cả đất trời một nét vô ngôn
Cánh chim cảm tạ tình che chở
Ta mang ơn khe suối cội nguồn...*

*Về phố thị... chợt như cổ thụ
Vô danh tỏa bóng giữa xô bồ
Đã đem dáng núi vào tâm thức
Cát bụi chợ đời không lấp nổi tiếng thơ*

Đi Tới Hiện Tại

*Từng bước với đường chiều
Dưới hàng cây xanh mát
Giữa tâm hồn bát ngát
Sáng nụ cười tin yêu*

*Tôi đi trong tỉnh thức
Quá khứ? Đã qua rồi
Tương lai? Tùy duyên khỏi
Tâm vô ngôn chiếu soi...*

*Em hỏi tôi đi đâu?
Tôi trở về hiện tại
Thiên đường không xa ngái
Dừng tâm: đã đến nhà.*

thơ

TUỆ THIỀN LÊ BÁ BÔN

(*) Thăng- Man Giảng Luận – Thích Tuệ Sỹ

THANH TỊNH TÂM, MỞ KHÔNG GIAN CHO TUỆ GIÁC

by **BHIKKHU BODHI**
Nhật Tịnh dịch

Một câu cách ngôn xưa được tìm thấy trong *Kinh Pháp Cú* có nội dung nói lên cách thực hành lời giảng dạy của Đức Phật theo ba nguyên tắc đơn giản để áp dụng: **tránh làm các điều ác, làm tất cả các điều lành, và giữ tâm thanh tịnh**. Ba nguyên lý hình thành một sự nối tiếp thứ tự cho các bước tiến cần thiết từ bên ngoài và để chuẩn bị đi sâu vào nội tâm.

Khi áp dụng, mỗi bước thực hành tự nhiên dẫn hành giả đi đến đỉnh cao của ba nguyên lý tẩy tâm làm tâm mở rộng bao la mà hành giả Phật giáo cần đạt đến.

Thanh lọc tâm được hiểu trong lời giảng dạy của Đức Phật là một nỗ lực kiên trì lâu dài để làm sạch cái tâm phiền não, các nghiệp bất thiện chi phối đang vận hành dưới bề mặt của dòng ý thức làm tổn hại đến những suy tư, các giá trị, ứng xử và hành động của bạn.

Dẫn đầu trong số các phiền não là ba nghiệp mà Đức Phật gọi là "gốc rễ của bất thiện," — đó là tham lam, hận thù, và si mê—mà từ đó nổi lên trên bề mặt với các biến thể như: tức giận và tàn ác, lòng tham và đồ kỵ, tự phụ và kiêu căng, cố chấp và ngã mạn, và còn biết bao nhiêu nhận thức sai lầm.

Quan điểm hiện đại có cái nhìn không thuận lợi về các khái niệm như phiền não và tẩy tâm, và điểm đầu tiên mà họ có thể đề cập tới bạn như là một thứ đạo đức lỗi thời, có lẽ chỉ thích hợp trong một thời đại khi mà còn sự khép kín và điều cấm kỵ chi phối, nhưng không có đòi hỏi bạn phải tách rời cuộc sống hiện đại. Phải thừa nhận rằng, không phải tất cả bạn bị đắm mình trong vũng lầy của vật chất và nhiều người trong số bạn tìm được sự giác ngộ và các mức độ tâm linh cao, nhưng bạn muốn họ nhận thức về thời kỳ này, và bạn như là người giữ truyền thống của sự tự do mới, được tin tưởng rằng đã đạt được sau khi trải nghiệm qua mà không cần thiết bất kỳ sự cảnh giác hay thay đổi nhân cách, hoặc tự kiểm soát.

Tuy nhiên, trong lời pháp của Đức Phật các tiêu chuẩn chân chánh về giác ngộ nằm hoàn toàn trong sự tẩy tâm. Mục đích của tất cả sự nội quán và chứng ngộ nhằm để giải thoát tâm ra khỏi các phiền não, và cứu cánh Niết bàn, được xác định rõ ràng là hoàn toàn giải thoát khỏi tham lam, sân hận, và si mê. Từ quan điểm của Giáo Pháp về phiền não và thanh tịnh không phải mặc định cho một nền đạo đức cứng nhắc, nhưng với các dữ kiện thực tế bền vững rất cần thiết để có sự hiểu đúng về giá trị của

con người trong thế giới.

Như các dữ kiện về sống thực nghiệm, phiền não và thanh tịnh đặt ra một sự phân biệt hệ trọng có ý nghĩa rất thù thắng cho những người đi tìm sự giải thoát khỏi khổ đau. Chúng biểu hiện cho hai điểm giữa con đường mở ra giải thoát – phần trước với vấn đề chính nó, là điểm khởi đầu, rồi sau đó là sự quyết tâm và đoạn trừ. Đức Phật nói rằng các phiền não, nằm phía dưới cùng của tất cả đau khổ của con người. Bị đốt cháy bởi tham dục và chấp trước, hoặc sân hận và oán thù, làm tàn phá tâm hồn, cuộc sống, hy vọng, và các nền văn minh, và đưa bạn vào sự mù quáng và tham ái để trôi lăn theo vòng sanh tử. Đức Phật mô tả phiền não như

các nội kết, kiết sử, chướng ngại, và các hệ phược; để từ đó tiến đến con đường dẫn đến mở các nội kết, giải thoát, và tự tại, tháo gỡ các triền phược, cùng lúc hành giả đạt được tẩy sạch nội uế.

Thực hành sự tẩy tâm phải được áp dụng nơi mà phiền não phát sinh, đó là trong tự tâm và phương pháp chính yếu của Giáo Pháp để thực hành là thiền định để thanh tịnh hoá tâm. Thiền, được dạy trong đạo Phật, không phải là một sự tìm cầu sự xuất thần, hoặc kỹ thuật để áp dụng tự chữa trị tâm bệnh, nhưng là một phương pháp cần yếu để phát triển tâm, với lý thuyết chính xác và hiệu

quả thiết thực - để đạt được nội tâm thanh tịnh và tinh thần giải thoát. Các công cụ chính của thiền Phật giáo gồm những yếu tố cốt lõi như năng lực của tâm linh, chánh niệm, định lực, và sự lãnh ngộ. Nhưng phương pháp thực hành của thiền định, chúng được củng cố và nối kết cùng nhau trong một trình tự thanh lọc tâm với cứu cánh là đoạn diệt những gốc rễ phiền não và các liên hệ, để ngay cả các phiền não vi tế cũng không còn sót lại.

Khởi từ các trạng thái tâm bị uế nhiễm phát sinh ra do sự thiếu hiểu biết thấu đáo về các phiền não, nên sự chấm dứt và đoạn trừ của sự thanh lọc tâm được thực hiện xuyên qua các phương tiện của trí tuệ, nhận thức và đốn nhập thực tướng của các pháp. Tuy nhiên, tuệ giác không phát sinh do sự tình cờ hay từ các khái niệm tốt ngẫu nhiên, nhưng chỉ đến từ tâm thanh tịnh. Vì vậy, để cho tuệ giác có mặt và tâm được thanh tịnh hoàn toàn do đoạn diệt tận gốc phiền não, trước tiên chúng ta phải tạo một không gian tạm thời cho tâm—đó là sự thanh lọc tâm dù tạm thời và có yếu điểm, vẫn rất cần thiết như một nền tảng làm hiển lộ tánh giác.

Để đạt được tâm thanh tịnh phải bắt đầu bằng



nội quán. Do đó, muốn đoạn trừ những phiền não, trước tiên bạn nhận thức rõ và phát hiện chúng tại nơi phát sinh và chi phối tư tưởng và đời sống hàng ngày của bạn. Trong vô số kiếp trôi qua, bạn đã có hành động bị thúc đẩy bởi tham lam, sân hận, và si mê, và vì thế việc quán chiếu để tâm thanh tịnh không thể thực hiện được nhanh chóng, theo như bạn đòi hỏi cổ kết quả sớm. Mọi sự ứng dụng cần phải kiên nhẫn, tinh tấn và kiên trì - và được Đức Phật chỉ dẫn một cách rõ ràng, trong sáng. Vì lòng từ bi, Đức Phật đã chỉ cho bạn phương thuốc giải độc tùy theo phiền não, để chế ngự và đoạn trừ nó. Bằng cách suy tư và áp dụng giáo pháp một cách khéo léo, dần dần bạn sẽ rửa sạch những nội kết ô nhiễm, kiên cố và cuối cùng, chấm dứt được khổ đau, và tâm hoàn toàn giải thoát khỏi mọi uế trước.

Purification of Mind, Creating Space for Wisdom

Bhikkhu Bodhi

An ancient maxim found in the Dhammapada sums up the practice of the Buddha's teaching in three simple guidelines to training: **to abstain from all evil, to cultivate good, and to purify one's mind**. These three principles form a graded sequence of steps progressing from the outward and preparatory to the inward and essential.

Each step leads naturally into the one that follows it, and the culmination of the three in purification of mind makes it plain that the heart of Buddhist practice is to be found here.

Purification of mind as understood in the Buddha's teaching is the sustained endeavor to cleanse the mind of defilements, those dark unwholesome mental forces which run beneath the surface stream of consciousness vitiating our thinking, values, attitudes, and actions.

The chief among the defilements are the three that the Buddha has termed **the "roots of evil" — greed, hatred, and delusion — from which emerge their numerous offshoots and variants: anger and cruelty, avarice and envy, conceit and arrogance, hypocrisy and vanity, the multitude of erroneous views.**

Contemporary attitudes do not look favorably upon such notions as defilement and purity, and on first encounter they may strike us as throwbacks to an outdated moralism, valid perhaps in an era when prudery and taboo were dominant, but having no claims upon us emancipated torchbearers of modernity. Admittedly, we do not all wallow in the mire of gross materialism and many among us seek our enlightenments and spiritual highs, but we want them on our own terms, and as heirs of the new freedom we believe they are to be won through an unbridled quest for experience without any special need for introspection (c ảnh gi ác), personal change, or self-control.

However, in the Buddha's teaching the criterion of genuine enlightenment lies precisely in purity of mind. **The purpose of all insight and enlightened understanding is to liberate the mind from the defilements**, and Nibbana itself, the goal of the teaching, is defined quite clearly as freedom from greed, hatred, and delusion. From the perspective of the Dhamma **defilement and purity are not mere postulates of a rigid authoritarian**

moralism but real and solid facts essential to a correct understanding of the human situation in the world.

As facts of lived experience, defilement and purity pose a vital distinction having a crucial significance for those who seek deliverance from suffering. They represent the two points between which the path to liberation unfolds — the former its problematic and starting point, the latter its resolution and end. The defilements, the Buddha declares, lie at the bottom of all human suffering. Burning within as lust and craving, as rage and resentment, they lay to waste hearts, lives, hopes, and civilizations, and drive us blind and thirsty through the round of birth and death. The Buddha describes the defilements as bonds, fetters, hindrances, and knots; thence the path to unbonding, release, and liberation, to untying the knots, is at the same time a discipline aimed at inward cleansing.

The work of purification must be undertaken in the same place where the defilements arise, in the mind itself, and **the main method the Dhamma offers for purifying the mind is meditation**. Meditation, in the Buddhist training, is neither a quest for self-effusive ecstasies nor a technique of home-applied psychotherapy, but a carefully devised method of mental development — theoretically precise and practically efficient — for attaining inner purity and spiritual freedom. The principal tools of Buddhist meditation are the core wholesome mental factors of energy, mindfulness, concentration, and understanding. But in the systematic practice of meditation, these are strengthened and yoked together in a program of self-purification which aims at extirpating the defilements root and branch so that not even the subtlest unwholesome stirrings remain.

Since all defiled states of consciousness are born from ignorance the most deeply embedded defilement, the final and ultimate purification of mind is to be accomplished through the instrumentality of wisdom, the knowledge and vision of things as they really are. Wisdom, however, does not arise through chance or random good intentions, but only in a purified mind. Thus **in order for wisdom to come forth and accomplish the ultimate purification through the eradication of defilements, we first have to create a space for it by developing a provisional purification of mind** — a purification which, though temporary and vulnerable, is still indispensable as a foundation for the emergence of all liberative insight.

The achievement of this preparatory purification of mind begins with the challenge of self-understanding. To eliminate defilements we must first learn to know them, to detect them at work infiltrating and dominating our everyday thoughts and lives. For countless eons we have acted on the spur of greed, hatred, and delusion, and thus the work of self-purification cannot be executed hastily, in obedience to our demand for quick results. The task requires patience, care, and persistence — and the Buddha's crystal clear instructions. For every defilement the Buddha in his compassion has given us the antidote, the method to emerge from it and vanquish it. By learning these principles and applying them properly, we can gradually wear away the most stubborn inner stains and reach the end of suffering, the "taintless liberation of the mind."

(Source: Dust In My Eyes)

Vàng hay Rắn

Sọan giả: THÍCH MINH CHIÊU
(trích Truyện Cổ Phật Giáo)



Khi Đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài cùng hai vị đại đệ tử A Nan và A Nan Đà từ non Thấu Lành đi xuống kinh thành khất thực. Đi giữa đường, ngang qua một bờ lờ, Ngài thấy một ghè vàng.

Đức Phật dừng lại bảo A Nan Đà rằng:

"Này A Nan Đà! Người có thấy đây là một loài rắn độc không?". Ngài A Nan Đà cung kính bạch rằng: "Bạch Thế Tôn thật là một loài rắn độc đáng sợ hãi". Có chàng tiểu phu đứng gần nghe vậy, tưởng có gì độc thật vội vàng đến xem.

Anh đến, thấy một ghè niêm phong cẩn thận, mở ra xem. Anh mừng quá. Vàng toàn là vàng. Vàng ngọc quý cả. Anh cười thầm Phật và đệ tử Ngài không biết dùng thứ ấy, còn cho nó là rắn độc. Anh ta cẩn thận, hớ hớ mang về. Trước khi đem về, anh ta sung sướng la lên rằng:

"Tôi xin nguyện con rắn độc này luôn luôn cắn tôi và cắn cha mẹ, vợ con, quyến thuộc tôi. Tôi không cảm thấy đau đớn gì hết".

Anh chàng tiểu phu kia trở nên một người trưởng giả giàu có kiêu sa: nào là nhà cửa, ruộng vườn, tôi tớ, bò trâu, xe cộ, cực kỳ sung túc và lộng lầy. Làng xóm thấy vậy đâm ra nghi kỵ, không biết anh vì sao giàu sang đột ngột như vậy?

Tiếng đồn vang đến tai vua A Xà Thế. Vua cho sứ giả đến hỏi: "Có phải được của kín nhà vua chăng?". Anh ta ấp úng trả lời: "Tôi giàu là tôi giàu; tôi cũng không được chi của nhà vua cả".

Sứ giả về tâu lại.

Vua cho gọi đến hỏi. Anh cũng ấp úng trả lời như cũ. Cho là người gian, vua ra lệnh tịch thu gia tài điền sản và bắt anh ta và tất cả bà con quyến thuộc đem đi hành hình.

Khi đi giữa đường anh ta khóc lóc, buồn bã và la lớn rằng: "Ngài A Nan Đà ơi! Thật là một thứ rắn độc! Rắn độc nó đang cắn tôi và cắn bà con của tôi đây".

Theo luật vua A Xà Thế, ông

vua thật hành Phật Pháp, mỗi khi muốn xử tử một người nào, giữa đường nếu có gì lạ phải trở về tâu lại ngay. Bọn lính nghe chàng ta gọi mãi Ngài A Nan Đà, bèn trở về tâu lại vua hay.

Vua đoán chắc có chuyện lạ, nên ra lệnh đem anh về. Vua hỏi lại lần này anh ta mới chịu thưa thiệt nguyên do được ghè vàng, nghe xong, vua cảm động ân hóa dụ của Đức Phật và bảo chàng tiểu phu rằng: "Tôi người đáng chết, nhưng may duyên gặp Đức Thế Tôn. Ta cũng là người Phật tử, ta phóng thích

cho người và bà con người. Người được phép đem gia tài và châu báu về. Người phải đổi tự tâm tu theo thiện nghiệp và hết lòng cung kính cúng dường Tam Bảo."

Chàng tiểu phu được phóng thích, sung sướng vô cùng. Cảm mến ân Phật được sống, chàng về chỉ lo tu phước đức và hết lòng cúng dường Tam Bảo.

Không bao lâu, nhờ công đức và lòng thành kính ta hành, anh ta được chứng quả giải thoát.

Ta phải làm chủ tiền bạc, Đừng để tiền bạc làm chủ ta.

ĂN CƠM

*Ăn cơm nhìn hạt cơm,
Cơm nhìn người mỉm cười:
Trong người, ta có mặt,
Trong ta, có tâm người.
Không có loài bất động,
Cũng không vật hữu tình.
Hữu tình và bất động
Chỉ là tướng chúng sinh.*

RỬA CHÉN

*Ăn cơm xong dọn chén,
Chén trước sạch, nay dơ.
Xà bông và nước sạch,
Rửa sạch chén hết dơ.
Sạch, dơ, cùng nương tựa,
Tùy duyên khê lý cơ.
Rác, hoa, cùng tương tức,
Không sạch cũng không dơ.
Sạch, dơ, nào đôi nghịch,
Dơ, sạch, một chân như.*



thơ

CHÂN MINH TRÍ

HỘI SINH VIÊN PHẬT TỬ

Nguyễn Giác

Nên gọi là Hội Chị Em Phật Tử, hay nên gọi là Hội Tỷ Muội Phật Tử? Nói cho thuần Việt, đúng ra là cũng phải dùng tiếng Hán-Việt, nhóm chữ Hội Chị Em Phật Tử nghe dễ hiểu hơn với giới trẻ... Trong giới sinh viên Hoa Kỳ, chữ sorority dùng để chỉ các hội nữ sinh viên. Vấn đề là, trong tương lai sẽ có những hội sinh viên Phật Tử tại Hoa Kỳ, và tại Việt Nam hay không?

*

Sinh viên Hoa Kỳ thường có những hội sinh viên riêng để tương trợ nhau, giúp nhau trên đường học vấn. Hầu hết các hội này mang các tên truyền thống Hy Lạp, một số là các hội sinh viên Kỳ tổ giáo. Và bây giờ, dự kiến sẽ có những hội sinh viên Phật tử.

Một bản tin AP tựa đề "S. California man proposes Buddhist fraternity and sorority" (Một người đàn ông Nam California đề nghị lập các hội nam sinh viên và hội nữ sinh viên Phật tử) đăng ngày 8 tháng 9-2015 trên báo The Press Democrat.

Ghi nhận rằng "fraternity" thường dùng chỉ là các hội nam sinh viên trong các trường đại học Hoa Kỳ, tuy giúp nhau về mặt xã hội nhưng cũng giữ liên hệ hoạt động sau đó trong cuộc đời, đôi khi tới mức bị chỉ trích là thiên vị cho người trong hội.

Hội sinh viên Delta Kappa Epsilon (DKE) lúc đầu ở Đại học Yale nổi tiếng là một trong các hội nam sinh viên xưa cổ nhất Hoa Kỳ (lập năm 1844), bây giờ có 54 chi nhánh, kể cả ở các đại học nổi tiếng như Princeton University, hay University of California, Berkeley...

Mỗi chi hội chọn riêng một chữ Hy Lạp kèm theo để chỉ định nơi học. Thí dụ, chi hội đầu tiên ở Yale là Phi chapter. Hay DFE ở đại học Vanderbilt University chọn tên kèm là Gamma chapter (chi hội Gamma).

Phương châm công khai của hội DKE là "Kerother Philoi Aei" (câu tiếng Hy Lạp này có nghĩa là: Các Bạn Trong Tim, Vĩnh Viễn). Phương châm bí mật không phổ biến. DKE có một huy hiệu gài trên áo.

Hội DKE có 5 cựu sinh viên về sau trở thành Tổng Thống Hoa Kỳ: Rutherford B. Hayes, Theodore Roosevelt, Gerald Ford, George H. W. Bush, và George W. Bush. Hai vị Tổng Thống cuối trong danh sách trên là hai cha con nổi tiếng trong hơn 2 thập niên qua.

Tình thân trong hội thời đi học, dù không cùng trường, vượt qua mọi ngăn cách chính kiến. Trong Cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ, khi Trung úy Bắc quân Edwin S. Rogers (chi hội Theta của DFE), từ tiểu bang Maine, bị trúng đạn và chết vài giờ sau. Khi hấp hối nơi chiến trường Cold Harbor, tháng 6-1864, Rogers được chăm sóc bởi một Nam quân từ chi hội Psi từ

tiểu bang Alabama, và huy hiệu DKE của Rogers trên ngực áo được gỡ ra để gửi về cho gia đình Rogers, kèm lá thư giải thích. Nam quân khi chăm sóc Rogers trong giờ hấp hối, nói rằng hai người 2 chiến tuyến nhận ra nhau qua huy hiệu DKE. Rogers nói là từ chi hội Theta của DKE, và Nam quân kia nói là từ chi hội Psi của DKE từ Alabama.

*



Trở lại chuyện hội sinh viên Phật tử ở Hoa Kỳ. Hẳn là sẽ không bắt rễ truyền thống sâu dày ở các đại học Hoa Kỳ như DKE và các hội tương tự. Đạo Phật cũng không chú trọng chuyên hội đoàn kình cang, chủ yếu đương nhiên là lặng lẽ tu học.

Bản tin AP kể rằng đại học San Diego State University có thể sẽ là nơi đầu tiên lập các hội nam và nữ sinh viên Phật tử.

Jeff Zlotnik, sáng lập viên ngôi chùa Dharma Bum Temple (Chùa Phật Tử Bụi Đời) ở phố chính San Diego, California, nói rằng ông hình dung rằng hội sinh viên Phật tử có thể mở lớp về Phật học và hướng dẫn Thiền tập để giúp sinh viên đối phó với căng thẳng, lo âu, trầm cảm.

Ông nói với báo The San Diego Union-Tribune rằng ông không nghĩ tới chuyện lập một hội đoàn tôn giáo kình cang, mà chỉ là một tổ chức văn hóa thời, cũng không tìm cách chiêu dụ ai để cài đạo vào Phật giáo.

Zlotnik đưa ý kiến này ra với cô Abby Cervantes,

một sinh viên ở chùa này. Bản thân cô đã thành lập một hội nữ sinh viên (sorority) hồi năm 2011.

Hai vị mới thiết lập ra các hội sẽ gọi tên là hội nam sinh viên Delta Bet Tau và hội nữ sinh viên Delta Beta Theta.

Zlotnik, 40 tuổi, sinh quán ở San Diego, từng sinh hoạt hội khi là sinh viên ở đại học University of Arizona, nói kiểu vui chơi Hy Lạp trong các hội này cũng có thể giúp sinh viên trưởng thành một cách trách nhiệm.

Giáo sư Sandra Wawrytko nói rằng bà có nói về các hội tân lập này trong các lớp bà dạy về Phật giáo và triết lý, và bà nghĩ rằng sinh viên của bà có ý muốn tham gia hội.

Bà nói rằng các hội mới này, hội nam sinh viên Phật tử và hội nữ sinh viên Phật tử, làm khuôn viên đại học thấy mô hình mới.

Sarah Walsh, 20 tuổi, sinh viên ngành báo chí và truyền thông, đã học về tôn giáo trong một lớp ở đại học và bắt đầu tham gia các lớp trong chùa Dharma Bum Temple, nơi đặt tên theo bài thơ của thi sĩ Jack Kerouac tựa đề "The Dharma Bums" (Phật Tử Bụi Đời).

Cô Walsh nói: "Trước kia đã có một câu lạc bộ thiền tập ở trường rồi, và bây giờ chúng tôi hồi phục lại. Chúng tôi gọi đó là Aztec Dharma Bums (Những Phật Tử Đa Đỏ Aztec Bụi Đời). Đó sẽ là lối vào hội anh em Phật tử và hội chị em Phật tử. Tôi nghĩ nhiều người sẽ muốn tham dự."

Tổ chức liên hội sinh viên Bắc Mỹ có tên The North-American Interfraternity Conference nói rằng chưa có tổ chức sinh viên Phật tử nào theo mô hình Hy Lạp tại Mỹ, theo lời Zlotnik. Ông nói, nếu thành công, ông hy vọng phát triển sang các khuôn viên đại học khác.

Zlotnik nói ông được khích lệ sau buổi họp hôm Thứ Sáu tuần trước với một viên chức trường về thủ tục lập chương trình cho hội, mặc dù ông nói cần vài năm mới xong.

Ông nói, "Đó là một tiến trình dài, nhưng một phần của pháp tu nhà Phật là phải kiên nhẫn."

*

Nói chuyện Mỹ xong, là nói chuyện ta. Cũng cần suy đoán rằng sẽ tới một lúc, nhà nước VN cho phép tự do lập hội, vì đây là điều kiện gia nhập hiệp định TPP -- theo lời ông Nguyễn Đức Kiên, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, trong bài phỏng vấn trên Vietnamnet tựa đề "Chúng ta chỉ còn hai lựa chọn, mở cửa hay là chết"

(<http://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/260845/-chu-ng-ta-chi--co-n-hai-lu-a-cho-n--mo--cu-a-hay-la--che-t-.html>).

Suy nghĩ rằng, khi ông Kiên nói sẽ cho tự do lập hội, ông dẫn chứng là sẽ có Hội Thọ May Nghé An, tất nhiên hiểu ngầm là sẽ có những hội đoàn khác, thí dụ như Hội Thọ May Phật Tử. Tương tự cũng sẽ có nhiều hội đoàn khác, thí dụ như Hội Sinh Viên Phật Tử. Các tôn giáo khác tất nhiên cũng sẽ những môi trường mới để hoạt động.

Như vậy, sau khi hiệu lực TPP, các Hội Sinh Viên Phật Tử tương lai tại VN sẽ có thể đóng góp những gì cho nền giáo dục và xã hội VN? Các cư sĩ và huynh trưởng Gia Đình Phật Tử nghĩ gì, chuẩn bị gì để trường dưỡng hạt giống Phật?

Nguyễn Giác

CHĂM LO MẸ

(bài thơ cảm tác khi Mẹ còn sinh tiền)

*Lau tay chân cho Mẹ
Xương gân nào thênh thang
Mỗi khi gió mùa sang
Lòng con đau quặn thắt*

*Nhưng Mẹ còn trước mặt
Là chúng con vui rồi
Mẹ thanh thản bầu trời
Bao dung và rộng lượng*

*Cuộc sống vốn vô thương
Liều ngộ lẽ vô thường
Nên chúng ta yêu thương
Từng phút giây tuyệt hảo*

*Ai biết đời hư ảo
Ai biết đời khổ đau
Ai biết bệnh tử sâu
Phút giây này màu nhiệm.*

thơ

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

Mẹ xả tóc xuất gia gieo duyên
với pháp hiệu TÂM THIÊN.



No more clinging on... The beauty of letting go! Photo: NguyenQuang.

PHẬT GIÁO VÀ VĂN HỌC

HT. TINH VÂN
Nguyễn Phước Tâm dịch



Văn học là một trong những phương thức biểu đạt tình cảm và trí thức của loài người. Một tác phẩm văn học hay, không chỉ tạo ra tiếng vang rộng lớn tại thời điểm và địa phương nào đó, thậm chí nó có khả năng siêu vượt biên giới thời-không, dẫn dắt nhân tâm bước vào cảnh giới chân- thiên- mỹ. Trong Phật giáo có rất nhiều tác phẩm chính là đại diện cho loại hình này; đặc biệt chính bản thân Đức Phật cũng là nhà văn học tài trí mãn tiệp, trí tuệ siêu quần.

Sau khi ngộ đạo, nhằm để đại chúng liễu đạt thực tướng vũ trụ, Đức Phật đã đem chân lý thâm áo tuyên thuyết với lời lẽ dễ hiểu qua mười hai loại thể tài (văn thơ), ấy là *Mười hai bộ kinh*, gồm: *Trường hàng* (tức văn xuôi), *Trùng tụng*, *Ký biệt* (tức những lời truyền dạy do Đức Phật thụ ký, chúng nhận cho các vị Bồ-tát, các bậc Thanh văn, đệ tử mai sau thành Phật, và thuyết lý những việc sẽ xảy ra...), *Phúng tụng*, *Tự thuyết*, *Nhân duyên*, *Tỷ dụ*, *Bổn sự*, *Bổn sanh*, *Phượng quang*, *Vị tăng hữu*, *Luận nghị*. Đây là bản mẫu hay nhất của văn học. Mỗi một phẩm kiểu giống kịch đơn (lẻ) như trong kinh *Đại Bảo Tích*, kinh *Phổ diệu* là truyện trường thiên, kinh *Tu lại* là tác phẩm tiểu thuyết, kinh *Tứ ích Phạm thiên* là thể tài bán tiểu thuyết bán hý kịch, kinh *Duy Ma Cật* (Vimalakirti Nirdeśa) là thơ mới (thơ Bạch thoại xuất hiện sau phong trào Ngũ Tử) đẹp nhất thế giới, bày tỏ dụ trong kinh *Diệu pháp liên hoa* là văn học ngụ ngôn hay nhất, kinh *Hoa nghiêm* là kịch tác trường thiên hùng vĩ nhất, kinh *Bách dụ* được dịch ra nhiều thứ tiếng, được khắp nơi đón nhận; kinh *Bổn sanh* là truyện ký văn học mà ai cũng biết, trong đó hàng loạt câu chuyện được nhiều tác phẩm nổi tiếng trên thế giới dẫn rộng rãi như *Y-tổ* (1) *ngụ ngôn* (Aesop's Fables/ truyện ngụ ngôn của Aesop), *Thiên phương dạ đàm* (Nhất thiên linh nhất dạ) (2). Ngoài ra, đệ tử của Đức Phật đa số cũng giỏi về thơ ca kệ tụng, như *Trưởng lão kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*, không chỉ tươi mát sâu xa, mà còn nêu cao lý tưởng tôn giáo, hiển bày luân lý giáo thuyết, được đánh giá rất cao trong lĩnh vực văn học.

Mãi đến Phật giáo Đại thừa hưng khởi, văn phong có xu hướng mượt mà sống động, vào thế kỷ II Tây lịch, các tác phẩm *Phật sở hành tán*, *Xá Lợi Phất* (*Sāriputra*) *chi sở thuyết*, *Tôn Đà Lợi* (*Sundarī Nandā*) *thi* của Bồ-tát Mã Minh (đầu thế kỷ II), đều là tác phẩm tiên phong trong văn học cổ điển Ấn Độ. Sau này có *Tứ bách tán*, *Nhất bách ngữ thập tán Phật tụng* được Mātrceta thi sĩ phái Mã Minh sáng tác, cũng nhận được sự tôn sùng nhất trí của các nhà thơ trên lãnh thổ Ấn Độ.

Thế kỷ IV Tây lịch, ngoài *Bổn sinh man luận* (*Jātakamālā*) của Đại sư Thánh Dũng và *Thí dụ tập* (*Avadana-kalpalata*) của nhà thơ Ksemendra (đều là

những tác phẩm kinh điển Phật giáo) ra, thì trong đó nổi bật nhất là vở kịch thơ *Sakuntala* (3) của nhà thơ nổi tiếng Kālidāsa Ấn Độ còn lưu danh ở đời. Bản kịch này chủ yếu là lấy câu chuyện trong kinh điển Phật giáo mà viết thành, vào năm 1789 sau khi dịch sang các thứ tiếng của các nước, thịnh hành khắp châu Âu, lúc bấy giờ vẫn hào nước Đức Johann Wolfgang Goethe (1749-1832) sau khi đọc xong, xúc động và đã viết ra bốn câu thơ ngợi ca (4), không chỉ dừng lại ở đó, mà Goethe còn đem lời đạo đầu của bản kịch này dẫn dụng trong tác phẩm kịch thơ đồ sộ (gồm 12.000 câu thơ) *Phù sĩ đức* (*Faust*) của ông.

Tác phẩm kịch Phật giáo *Long vương chi hỷ* và tán ca Phật giáo *Bát đại linh tháp phạm tán* thuộc thế kỷ VII Tây lịch, được vua Giới Nhật (Śīladitya, khoảng 590-647) bấy giờ thống nhất toàn Ấn Độ biên soạn. Trong văn học sử Ấn Độ chiếm một vị trí quan trọng. Thời cận đại, trong tác phẩm hý khúc của nhà văn đoạt giải Nobel văn học Rabindranath Tagore (1861 – 1941) Ấn Độ, như *Vũ giả chi cung đường* và *Chân đà lợi*, cũng đều được lấy đề tài từ trong điển cổ kinh điển Phật giáo. Địa vị văn học Phật giáo do vậy có thể thấy có những chấm sáng lấp lánh trên diễn đàn văn học thế giới.

Phật giáo sau khi truyền đến Trung Quốc, khí thế càng thêm mạnh mẽ, tựa 'sấm vang chớp giật', về phương diện văn hóa sinh sức ảnh hưởng 'đào núi lấp biển', trong đó sự cống hiến về phương diện văn học được xem là lớn lao nhất. Nay khái quát năm điểm dưới đây:

1. Thúc đẩy sự phát triển Từ vựng học: Theo thống kê, do sự truyền nhập của Phật giáo, chí ít đã tăng thêm hơn ba vạn năm ngàn từ ngữ mới, cũng có nghĩa là đã tăng thêm hơn ba vạn năm ngàn quan niệm mới, trong đó hoặc là từ điển biến của danh tướng Phật giáo, hoặc là từ sự chọn lọc trong Phật điển, hoặc là được sinh ra từ truyền Phật giáo, hoặc là trích ra từ ngữ lục Thiên môn. Bởi vì, từ vựng của Phật giáo về khối lượng thì đồ sộ, đầy đủ mọi vật, về hàm ý thì dọc cùng tam tế (quá khứ, hiện tại, vị lai), ngang khắp mười phương (Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông nam, Tây nam, Đông bắc, Tây bắc, trên, dưới), cho nên một mặt đã thúc đẩy sự biểu đạt ý niệm văn chương, nâng cao trình độ, mặt khác thông qua sức mạnh của ngôn ngữ văn tự, làm sáng tỏ quy luật nhân quả nghiệp báo, đối với sự tịnh hóa nhân tâm xã hội cũng có bổ ích to lớn.

2. Thúc đẩy sự hình thành Nghĩa số học: Để hệ thống Tam tạng mười hai bộ kinh được phân rõ ràng, nên sau khi truyền vào Trung Quốc, các tổ sư đại đức cũng dùng phương thức chỉnh lý thứ tự mạch lạc rồi biên soạn chú sớ (chú giải và chú thích), phân đoạn, chẳng những bắt đầu khơi dòng cho Nghĩa số học thời đại Tùy Đường (581- 907), đối với sáng tác văn chương thông thường cũng đã có

sức ảnh hưởng ở mức độ đáng kể (5).

3. Thúc đẩy sự đẩy mạnh của âm vị học (âm vận học/thanh vận học): Chữ Trung Quốc là một loại văn tự khối vuông, nhìn chữ từ hình dáng bên ngoài không thể nào phát âm được. Phật giáo sau khi truyền vào, để tiện cho việc dịch kinh điển Phật giáo, thời đại Ngụy Tấn thì có Tăng nhân tham gia nghiên cứu về âm vận (chỉ thanh, vận, điệu trong chữ Hán), mà sau này đưa ra phát minh biểu đồ như *bốn thanh* (6), *chữ cái* (7), *phiên thiết* (8), *đẳng vận* (9). Vừa là thúc tiến sự phát triển của âm vận học, vừa là thúc đẩy sự hình thành thơ niêm luật (cách luật), khiến thơ từ Trung Quốc càng tăng thêm cái đẹp của âm tiết vận luật.

4. Thúc đẩy sự hình thành của văn phạm Trung văn: Thời xưa Trung Quốc hoàn toàn không có cái gọi là lý luận văn phạm, mãi đến thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều (220 - 589), do việc phiên dịch kinh Phật, văn phạm của Phan văn theo đó truyền vào, như *Bát chuyển thanh* (10), cũng như Đại sư Khuy Cơ (632 - 682) dựa vào văn điển Phan ngữ soạn iết sách văn phạm *Lục hợp thích* (11), đều là sự tiên phong, dẫn đường của văn phạm Trung văn.

5. Thúc đẩy sự cải tiến của hình thức thể văn: Từ những năm cuối Đông Hán (184 - 220) đến Tùy Đường (581- 907) trong vòng khoảng 600 năm, là thời kỳ thịnh nhất trong việc dịch kinh Phật giáo, người tham gia đều là những danh Tăng tài trí hơn người, dịch kinh chú trọng phù hợp nguyên nghĩa (nghĩa gốc), truyền thần đạt chí (chuyển tải ý chỉ như thật không sai lệch), không những kết hợp giữa thơ và văn xuôi (tản văn), mà nội dung đầy đủ, hình thức đẹp đẽ. Hết thầy Lục triều (Ngô, Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần) trước nay đều quá chú trọng phong cách và cấu tứ biến ngẫu đối nhau, ngôn từ trau chuốt đẹp đẽ, nhất là thể tài và tư tưởng (quan niệm) Phật kinh phong phú, khiến cho người Trung Quốc xưa nay không thiên về tưởng tượng, lại thêm vào đó tự viện Phật giáo Đường triều, Ngũ đại (Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu) thịnh hành lấy phương thức *tục giảng* (12), *dùng biến văn* (13) và *biến tướng đồ* (truyện tranh Phật giáo) phối hợp để hướng dẫn đại chúng; bằng hình thức thông tục hóa (đại chúng hóa) này, văn học Phật giáo càng gây nên sức ảnh hưởng to lớn. Loại *biến tướng đồ* vừa nêu trên na ná với "xem tranh kể chuyện" của các bạn nhỏ, có thể nói là khởi đầu cho văn học tranh vẽ; còn *biến văn* thì không chỉ đã hình thành những là *bảo quyến* (14), *cổ từ* (15), *đàn từ* (16) (một hình thức văn nghệ nhân gian) sau này, đối với các tiểu thuyết, hý khúc, tạp kịch Tống Nguyên, cho đến Côn khúc (tuồng Côn Sơn), kịch Hoàng Mai (một loại hý khúc của tỉnh An Huy, nhập từ Hoàng Mai, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc), ca tử hý (một loại kịch địa phương ở Đài Loan và Phúc Kiến) v.v., cũng đều có công lao giúp đỡ dẫn dắt.

Cận đại, lấy đề tài từ hý khúc của Phật kinh, như *Thiên nữ tán hoa* của Mai Lan Phương (1894-1961), cho đến *Ma Đăng Già nữ* (1900-1976), đều giàu ý nghĩa giáo dục, nội dung biến hóa thú vị, cho nên được sự hoan nghênh của quảng đại quần chúng.

Ngoài ra, về phương diện thơ văn, Phật giáo



cũng đã mang đến một cảnh tượng mới mẻ, giống như Chi Đôn (314-366) - cao tăng triều đại Đông Tấn, tài năng văn chương tinh tuyệt, thơ ca hoa mỹ, cùng với các nhà văn giỏi viết về thơ huyền ngôn (nội dung chủ yếu của trường phái thơ ca này là giải thích triết lý Phật giáo và Lão Trang) lúc bấy giờ như Tôn Xước (314-371), Hứa Tuần (?-?), Ân Hạo (?-?), Vương Hy Chi (303-361). Giữa Chi Đôn với các danh sĩ này có mối thâm giao đặc biệt, cũng chịu sự ảnh hưởng sâu sắc. Tạ Linh Vận (385 - 433) nhà thơ thời Tấn từng tham gia dịch kinh, những sáng tác thơ ca của ông kết hợp giữa cảnh sơn thủy với nghĩa lý Phật pháp, được tôn là thủy tổ của thơ sơn thủy. Nhà Đường (618 - 907) về sau, thiền phong rất thịnh hành, nhiều học sĩ có kiến thức uyên bác bỏ Nho theo Phật, các nhà thơ trữ danh như Vương Duy (701-761), Đỗ Phủ (712-770), Bạch Cư Dị (772-846), Tô Đông Pha (1037

-1101), do thường xuyên giao du qua lại luận đạo với các thiền sư, lúc ngâm vịnh thơ ca, dòng thơ ấy thấm đẫm mùi thiền tự bao giờ mà không hề hay biết.

Trong Tăng lữ Phật giáo, những tác giả có phong cách viết văn (hành văn) nổi tiếng, cũng không phải hiếm hoi, ví dụ Pháp Châu đời Tùy (581-618, một thuyết nói: 619 hoặc 630), Tuệ Tĩnh (578-?), Giáo Nhiên (720-804) đời Đường, Tề Kỳ (863-937), Quán Hư (823-912), Hy Giác (864-568) Ngũ đại (907-960), Hy Duyệt thời Bắc Tống, Đàm Ngạc (1285-1373), Đại Khuê nhà Nguyên, Đức Ngôn đời Minh, Trí Phác (1636-?), Thánh Thông, Chiếu Thường, Độc Triệt (1586-1656) nhà Thanh. Từ Tùy Đường (581-907) về sau, các Thiền Tăng cũng thường đem ngộ cảnh mượn kệ tụng biểu đạt, bày tỏ. Nổi tiếng như tập thơ của Hàn Sơn (691-793), tươi mới tao nhã, được trong và ngoài nước đón nhận. Thơ kệ của Tuyết Đậu Trùng Hiên thì được ngợi khen là "có nếp của hàn lâm học sĩ".

Qua các triều đại, đã biên soạn được nhiều ngữ lục, công án thiền môn từ các pháp ngữ đối đáp của Thiền Tăng; do vì lời văn dễ hiểu rõ ràng, câu chữ sinh động, trở thành tiên phong trong văn học bạch thoại cận đại. Cho đến ngày nay, trong văn học và hý kịch của Phật giáo vẫn không ngừng cách tân một cách đột phá, như xuất bản kinh điển bạch thoại, dùng phương thức văn xuôi đem cổ văn tối nghĩa dịch sang bạch thoại; phát hành từng thư truyện Phật giáo, dùng hình vẽ minh họa có màu sắc để dẫn dắt thiếu nhi; chế tác kịch truyền hình, phim truyền, phim hoạt hình, vũ kịch (kịch múa), đưa truyện Phật lên màn ảnh; thành lập trung tâm phiên dịch Phật giáo quốc tế, đem các tác phẩm nổi tiếng Phật giáo hiện đại dịch sang ngôn ngữ các nước trên thế giới v.v... Tất cả những việc làm này đều nhằm phổ cập Phật pháp và tịnh hóa nhân tâm.

Thực ra, nhìn từ khía cạnh khác, chân lý vũ trụ hết như một bộ kiệt tác sống động hùng vĩ, cái gọi là "Văn chương hữu bi hữu cốt tủy, dục tham thủ ngữ như tham thiền, ngã tụng chư lão đắc ấn khả, diệu xứ khả ngộ bất khả đắc" (Văn chương có da có xương tủy, muốn xem hiểu văn chương, thì giống như tham thiền, ta được ấn khả từ các lão, chỗ nhỏ nhiệm của đạo Phật là chỉ có thể 'ngộ', mà không thể 'đắc'- nắm lấy), làm thế nào để đại chúng thấu

triệt chân lý vốn ngập tràn cùng khắp, có cuộc đời hạnh phúc tròn đầy, đây chính là chỗ quan trọng mà Phật giáo muốn biểu đạt thông qua sự cõ về của văn học.

(Nguồn: Tinh Vân, *Phật giáo và thế tục*, NXB. Từ thư Thượng Hải, 2008, tr.61 – 65)



CHÚ THÍCH:

* Các ghi chú: 1, 2, 4; và năm sinh, mất của các tác giả trong bài này đều là do người dịch thêm vào.

1) Y-tổ (Aesop, 620-560 trước Tây lịch) là nhà ngụ ngôn nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại thế kỷ VI trước Tây lịch. Tương truyền, tác phẩm "Y-tổ ngụ ngôn" do ông biên soạn, sưu tập những câu chuyện dân gian Hy Lạp, đồng thời thêm vào điển tích Ấn Độ, A-rập, Cơ-đốc giáo, tổng hơn 350 thiên.

2) Tập truyện dân gian của A-rập cổ đại, còn có tên gọi là *Thiên phương dạ đàm*. Nội dung phong phú, quy mô đồ sộ, được Maksim Gorky (1868-1936) - nhà văn, nhà thơ, nhà bình luận, nhà chính luận, học giả (bạn của văn hào Nga Lev Nikolayevich Tolstoy và lãnh tụ Liên Xô Vladimir Ilyich Lenin) ca ngợi là "đài bia tưởng niệm tráng lệ nhất" của văn học dân gian thế giới.

3) Tên vở kịch thơ này người dịch thấy một số nơi ghi là *Shakuntala*, là vở kịch của nhà thơ Kalidasa, được chọn từ các truyện: Bốn sanh nữ Kinnara, mẫu thứ 7 bốn sanh Pali Nam truyền, Bốn sanh Tu-thái-la thứ 83 *Lục độ tập kinh*, quyển 13 đến 14 *Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ Tỳ-nại-da dục sự*.

4) "Nếu muốn có một tiếng ồm ồm được cả hoa mùa xuân và quả mùa thu. Một tiếng làm đắm say, nuôi dưỡng và thỏa mãn được tâm hồn. Nếu muốn có một tiếng bao gồm được cả trời đất, thì tôi gọi Shakuntala, tiếng đó nói lên tất cả!".

5) Tâm ảnh hưởng đối với sáng tác văn chương của Nghĩa sơ học, có thể kể đến các tác phẩm văn chương được viết nên bởi các nhà văn cổ như Bát đại gia đời Đường Tống. Cụ thể đời Đường có: Hàn Dũ (768- 824), Liễu Tông Nguyên (773-819); đời Tống có: Tô Tuấn (1009-1066), Tô Thức (1037-1101), Tô Triệt (1039-1112), Âu Dương Tu (1007-1072), Vương An Thạch (1021-1086), Tăng Củng (1019-1083), sự kế thừa phân chia, chương tiết của nó, đều có thể thấy sự ảnh hưởng trong phân đoạn nghĩa số.

6) Bốn thanh điệu của âm đọc chữ Hán là:

bình, thường, khứ, và nhập. Theo khảo cứu, cho thấy bốn thanh điệu này được tạo nên bởi chịu sự ảnh hưởng từ các thanh điệu trong quá trình đọc tụng kinh Phật. Trong bài viết *Tứ thanh tam vấn* (kỳ 2 quyển 9 *Thanh Hoa học báo*) của ông Trần Dân Khắc (陈寅恪, 1890-1969) nói: "Sở dĩ phù hợp phân làm 4 thanh, mà không phân làm các thanh khác, là để loại bỏ sự khác nhau giữa cái gốc (bản) và sự tiếp biến (dị), mà đặt ra một loại gọi là *thanh nhập*, rồi (lại) phân biệt ba thanh còn lại là *bình- thường- khứ*. Thống kê tổng hợp lại, thì phù hợp chia làm 4 thanh. Nhưng sở dĩ phân biệt với 3 thanh còn lại khác, thực tế căn cứ và mô phỏng cách đọc tụng 3 thanh trong kinh Phật lúc bấy giờ của người Trung Quốc, mà việc đọc tụng 3 thanh trong kinh Phật bấy giờ lại có nguồn gốc 3 thanh từ trong *Thanh minh luận* thời cổ Ấn Độ. Cứ vào *Thanh minh luận* của Vi Đà nước Thiên Trúc, gọi là thanh, thích hợp tương tự với cái gọi là 4 thanh Trung Quốc, tức chỉ âm cao thấp của thanh, cũng giống như Anh ngữ gọi là Pitch Accent vậy. *Thanh minh luận* của Vi Đà dựa vào độ cao thấp của thanh ấy, mà chia làm 3: Một là Udātta, hai là Svarita, ba là Anudātta. Phật giáo truyền vào Trung Quốc, giáo đồ lúc đọc tụng kinh Phật, sự phân biệt 3 thanh này cũng theo đó mà nhập vào. Thanh nhập của tiếng Trung Quốc đều phụ vẫn đuôi các phụ âm k, p, t, có thể thấy là loại đặc thù, mà dễ phân biệt với 3 thanh khác nhất. Bình, thường, khứ mặc dù giữa khoảng cách âm thanh (tiếng vang/âm hưởng) cao thấp lên xuống của nó có phân biệt, nhưng muốn phân biệt các thanh ấy, thì quả thật là không dễ xác định. Cho nên chính người Trung Quốc đã căn cứ và mô phỏng việc đọc tụng kinh Phật lúc bấy giờ, phân biệt xác định chia thành ba thanh: bình, thường, khứ. Gộp với thanh nhập, hợp thành 4 thanh vậy."

7) Tức chỉ thanh mẫu (phụ âm) bắt đầu của âm chữ Hán. Người Trung Quốc thượng cổ không quá chú trọng đến phân tích âm (âm đọc của chữ), đến thời Lục triều, do đối với âm lý Phạn văn đã được một số kẻ sĩ biết rõ, vì thế đã sản sinh thêm danh mục (tên gọi) *song thanh* (lặp lại âm đầu, tức hai chữ hoặc nhiều chữ có cùng thanh mẫu), *điệp vần* (cùng vần/láy vần), do liên quan đến làm thơ áp vần (giao vần), công tác nghiên cứu "vần" (vần) đã phát triển rất sớm, và đã có tự điển vần thơ thành bộ để chỉ ra điều đó. Nhưng bộ phận "thanh" là đến cuối nhà Đường mới xuất hiện có "chữ cái", mà những chữ cái này đều là do Pháp sư của Phật giáo sáng chế. Trong *Đông thực độc thư ký*, Trần Lễ (1810-1882) nói: "Từ cuối nhà Hán đến nay, dùng song thanh, điệp vần, thiết ngữ (*một cách ghép vần cổ đại, chữ trên lấy thanh, chữ dưới lấy vần, dùng hai chữ chú âm cho một chữ*), vẫn có từng mục: đông (東), đông (冬), chung (鐘), giang (江), còn thanh thì chưa có, cuối nhà Đường Sa-môn bắt đầu công bố chỉ ra 16 chữ, gọi đây là chữ cái." Tác phẩm *Thông chí nghệ văn lược* của Trịnh Tiêu (1104-1162) và cuốn *Ngọc hải* của Vương Ứng Lân (1223-1296), đã từng ghi chép lại biểu đồ 36 chữ cái của Tỳ kheo Thủ Ôn (cuối Đường, thời kỳ Ngũ đại). Trong *Thiên vận quán cầu tập* Hòa thượng Chân Không triều Minh lại nói Hòa thượng Xá Lợi triều Đường sáng tạo 30 chữ cái, sau đó Thủ Ôn lại thêm 6 chữ nữa. Mục phụ kèm '*Hoàng cực kinh thể giải khởi số quyết*' trong tác phẩm *Quán vật giải thiên* của Chúc Tất triều Tống từng nhắc đến 36 chữ cái của Hồ Tăng liễu nghĩa. *Hoàng cực kinh thể thanh âm đồ* Thượng Quan Vạn Lý chú thêm cũng nói: "Tự Hồ Tăng liễu

nghĩa lấy 36 chữ cái làm chữ cái phiên thiết, dành được sự khéo léo của tạo hóa.” Mặc dù có nhiều cách nói khác nhau, nhưng chữ cái rõ ràng là do Pháp sư Phật giáo đặt ra, là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

8) Một cách chú âm truyền thống Trung Quốc, phương pháp này dùng hai chữ để chú âm một chữ khác. Chữ trên và thanh mẫu chữ được chú giống nhau, gọi là song thanh; chữ dưới và vận mẫu chữ được chú giống nhau, gọi là điệp vận. Chữ trên cần thanh mẫu, không cần vận mẫu; chữ dưới cần vận mẫu, không cần thanh mẫu, đem thanh mẫu của chữ trên và vận mẫu của chữ dưới ghép lại với nhau, chính là âm được chú. Theo khảo chứng, sau Hán Ai Đế chính là lúc Phật giáo truyền vào, người học Phan văn khi học ghép âm đã ngộ ra nguyên tắc phiên thiết.

9) Cái gọi là đẳng vận, theo giải thích của Triệu Âm Đường (1893-1970) trong cuốn *Đẳng vận nguyên lưu* (Nguồn gốc và sự phát triển của Đẳng vận học Trung Quốc): “Thế nào gọi là Đẳng vận? Nói đơn giản, chính là biểu âm tiết, trong biểu âm tiết có ô, mỗi ô ngang tính một bậc, vần chữ được điền trong mỗi bậc, chính là đại diện cho mỗi âm. Nếu chúng ta đã luyện tập thuần thục âm biểu này rồi, thì không những biết chữ vần trong từ điển vần thơ thuộc nốt nào, mà còn biết độ lớn nhỏ của chúng, đây là phương pháp lấy giản chế phức của phiên thiết, cho nên ông Ngụy Kiến Công (1901-1980) nói ông ấy luyện âm biểu”. Còn về sự sản sinh của đẳng âm, trong *Âm vận học* của Trương Thế Lộc (1902-1991) có nói rõ như sau: Nước ta từ xưa đến nay nói đến cách đọc âm, do song thanh, điệp vận mà thành thanh mẫu và vận mẫu, từ thanh mẫu (chữ cái) và vận mẫu đã cấu thành biểu đẳng vận, chẳng qua là muốn nói rõ cái lý của phiên thiết. Trong *Đẳng vận nhất đắc ngoại thiên* của Lao Nãi Tuyên (1843-1921) nói: “Phiên thiết bắt nguồn từ đời Ngụy, trước song thanh, điệp vận. Song thanh, điệp vận bắt đầu từ Lục triều, trước đẳng vận. Do phiên thiết mà thành song thanh, điệp vận; do song thanh, điệp vận mà thành đẳng vận, từng bước nói rộng từng bước mật thiết, đều nhằm làm rõ cái lý phiên thiết, cho nên cái học của đẳng vận, là từ phiên thiết thiết lập vậy”. Tra cứu cái tên của song thanh, điệp vận mặc dù khởi nguyên từ Lục triều, mà cái lý của song thanh, điệp vận và phiên thiết, từ xưa đã có. Đến cuối nhà Hán về sau, học lý (nguyên tắc) ghép âm Phan văn Ấn Độ truyền vào Trung Quốc, thế là phát sinh phiên thiết, sản sinh tự điển vần thơ và chữ cái. Ứng dụng cấp, phối hợp chữ cái và nói rõ phiên thiết, đã sinh ra cái học đẳng vận. Trần Lễ nói: Từ Ngụy, Tấn, Nam Bắc triều, Tùy, Đường, chỉ có phiên thiết, không có cái gọi là đẳng vận. Thời Đường Tăng đồ căn cứ mô phỏng chữ Phạn (kinh Phật), lấy 36 chữ, gọi đó là chữ cái (chữ chỉ thanh mẫu, phụ âm). Người Tống dùng đó để phân phiên thiết, tự điển vần thơ thành bốn bậc (tứ đẳng), sau đó có tên là đẳng vận. Truy tìm nguồn gốc ban đầu của đẳng vận, cho rằng là có khả năng đã xuất hiện trong Phạn thư (chữ Phạn, kinh Phật). Còn cho phiên thiết là đẳng vận, thì không thể nào vậy. Phiên thiết xuất hiện trước, còn đẳng vận xuất hiện sau vậy. Thực ra Đẳng vận học chẳng qua là giảng một bước ứng dụng chữ để nói rõ phiên thiết trong vần thơ (tự điển vần thơ) mà thôi, là do cái học của thiết ngữ được thay đổi mà thành. Cho nên chúng ta cần vén dấu vết cội nguồn của Đẳng vận học, tự nhiên phải nói đến phiên thiết và chữ cái.

10) Chỉ tám loại biến hóa của danh từ, đại

danh từ, vĩ ngữ, hình dung từ (tính từ) trong Phạn ngữ, tức thể cách, nay gọi là chủ cách, nghĩa là “thị” (là). Nghiệp cách, nay gọi là thụ cách, nghĩa là “bả” (cắm, nắm). Cụ cách, hoặc gọi là tác cách, nghĩa là “y” (dưa vào). Vị cách, hoặc gọi là dữ cách, nghĩa là “vị” (để, với). Tòng cách, hoặc gọi là đoạt cách, nghĩa là “tòng” (từ). Thuộc cách, nay gọi là sở hữu cách, nghĩa là “đích” (của). Vu cách, hoặc gọi là y cách, nghĩa là “vu” (ở). Hồ cách, còn gọi là hô triệu thanh, nghĩa là “a” (chà, à,...).

11) Còn gọi là Lục ly hợp thích, là giải thích sáu nguyên tắc văn phạm của từ ghép trong Phạn ngữ. Lục hợp thích, tức gồm: y chủ thích, tương vị thích, trì nghiệp thích, đối sở thích, lân cận thích, hữu tài thích.

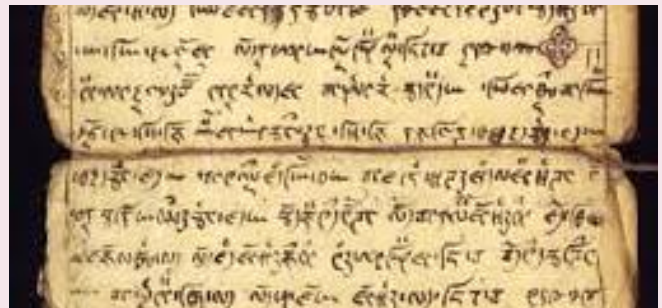
12) Phật giáo Đông truyền Trung Nguyên, tiếp sau truyền dịch số lượng lớn kinh điển, tín đồ Phật giáo dốc sức vào việc phổ cập Phật pháp, lúc mới giảng kinh Phật, cố gắng cải biên (soạn lại) thành thể tài truyền thông tục (đại chúng), đồng thời phối hợp lấy âm nhạc thông tục ca hát ngâm vịnh, loại pháp hội giảng kinh này gọi là *tục giảng*. Thịnh hành ở triều Đường, Ngũ đại.

13) Biến tức nghĩa là cải biên (thay đổi), viết lại. Lấy đề tài từ trong kinh điển Phật giáo giàu tính kỳ sự thần biến (thần kỳ biến hóa), và đồng thời thêm vào tự thuật chi tiết viết lại, khiến sự thông tục ấy sinh động mà phù hợp với việc giáo hóa dân chúng, gọi là *biến văn*.

14) Là một loại văn hát nói, kể chuyện xen với hát (pha tạp giữa văn vần và văn xuôi) do biến văn đời Đường trực tiếp sản sinh phát triển. Được phát sinh khoảng vào thời kỳ Tống Nguyên (960-1368), nhưng thịnh thành vào Minh Thanh (1368-1840). Kết cấu nội dung của *bảo quyền* đại thể giống với *biến văn*, phần lớn chọn dùng ngôn ngữ thông tục dễ hiểu, phối hợp với âm nhạc, tiến hành giảng xướng (hát nói). Tự thuật *bảo quyền* câu truyện Phật giáo, rất được dân gian đón nhận.

15) Thời Minh Thanh lưu hành một loại khúc nghệ (nghệ thuật nói hát mang màu sắc địa phương lưu hành trong dân gian) ở phương Bắc Trung Quốc. Hình thức lấy “cổ” (trống, bồng) làm chính phối hợp với diễn xướng hát đệm, có nói có hát. Tên gọi xa xưa của cổ từ là đại cổ (hát nói, một loại khúc nghệ Trung Quốc, phối hợp nhạc đệm trống, bồng, đàn tam huyền). Bây giờ cũng có người nói các loại ca từ của đại cổ là cổ từ.

16) Là biên soạn truyện thành vận ngữ (ngôn ngữ có vần điệu), có đạo bạch (nói lời trong tưởng kịch), có khúc từ (điệu hát), loại văn học hát nói dùng nhạc cụ dây phụ họa, lưu hành ở các tỉnh miền Nam là đàn từ, thịnh hành ở các tỉnh miền Bắc là cổ từ, nguồn gốc từ Tống, Nguyên, thịnh thành vào Minh, Thanh.



MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

PUMKIN THÁI TART CHAY

Vật liệu:

- 1 Trái bí rợ của Nhật
- 1 hộp Flan hiệu Royal 2.7 oz
- 1 cup sữa đậu nành
- 1 cup nước cốt dừa
- 1/2 muỗng café bột quế' (cinamon)
- 1 gói vanilla hay 1 muỗng café vanilla nước
- 2 muỗng canh bột cũ năng (water chesnut)
- 1 miếng đường thốt nốt (palm sugar)
- 5 tai hồi rang vàng



Cách làm:

Bắc nồi nước sôi cho ngũ hồi vô để hấp bí. Bí đỏ cắt trên mặt bí một vòng tròn, bỏ hạt bí, lấy sạch ruột bí, lấy to pha sữa đậu nành với đường thốt nốt cho vào microwave 1 phút cho tan đường, pha nước dừa, bột, vanilla, quế, và hộp bột Flan, đánh cho đều rồi chế vào trái bí cho vô nấu hấp lửa lớn 15 phút, hạ lửa medium hấp thêm 20 phút nữa lấy cây tăm xăm chính giữa nếu cây tăm không dính bột là được; đem ra để nguội cho vào tủ lạnh ngày hôm sau ăn mới ngon.

Chúc làm thành công.

Chân Thiện Mỹ (nguồn: thuvienhoasen.org)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

MUA DƯỢC PHẨM QUUA INTERNET

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Internet đã xâm nhập và thay đổi nếp sống của con người rất nhiều.

Ngồi trước máy vi tính kết nối với liên mạng, ta có thể say mê, bận rộn với nhiều công việc khác nhau. Đọc tin tức thời sự nóng hổi từ năm châu, bốn biển. Xem phim ảnh, tiểu thuyết của mọi quốc gia. Gửi nhận thư cho bạn bè chỉ trong vài phút. Mua bán mọi thứ cần dùng, kể cả xe hơi, thực phẩm, quần áo, nữ trang, thuốc men. Thôi thì trăm hồng, nghìn tía, đủ các tiết mục khác nhau.

Mua thuốc qua liên-mạng đã trở nên rất phổ biến trong những năm vừa qua.

Thông thường, sau khi đi khám bác sĩ là ta phải tới dược phòng để mua thuốc về dùng. Với một số người, việc này có thể là một trở ngại nhỏ, vì không có thì giờ và phương tiện di chuyển. Tuy nhiên, mua như vậy ta sẽ có cơ hội nói chuyện trực tiếp với dược sĩ và hỏi thêm về cách dùng, đặc tính và tác dụng phụ của thuốc.

Ngày nay, vai trò của dược sĩ không chỉ là điều khiển việc bán thuốc mà còn có nhiều nhiệm vụ quan trọng hơn. Ngoài dược học, các vị này đã được huấn luyện thêm về lâm sàng, về dược trị liệu. Họ cũng tham gia vào việc trị bệnh bằng cách góp ý kiến với bác sĩ trong việc sử dụng thuốc, theo dõi sự công hiệu và tác dụng ngoại ý do dược phẩm gây ra. Các vị đó cũng dành thời gian để giải thích cho bệnh nhân cách dùng thuốc: uống khi nào, bao nhiêu như chỉ định của bác sĩ, cho bệnh nhân biết tác dụng phụ của thuốc ra sao.

Mua thuốc qua internet được manh nha từ thập niên 60 nhưng chỉ phát triển mạnh vào thập niên 80 với sự sáng chế máy vi tính rồi mạng lưới internet. Dịch vụ này có một vài lợi điểm như tiện lợi, tiết kiệm thì giờ, không phải kiểm phương tiện di chuyển, mua được thuốc với giá khá rẻ vì chi phí điều hành ít. Một số người vì lý do này lý do khác lại không muốn đi khám bệnh hoặc không có bảo hiểm sức khỏe nhưng muốn có thuốc. Họ bèn mua thuốc qua internet một cách dễ dàng.

Nhiều trang web đứng đắn, hợp pháp dành nhiều cơ hội để bệnh nhân hỏi thêm về thuốc với các dược sĩ của họ hoặc có bác sĩ để lấy y sử, bệnh tình rồi biên toa. Họ cũng cung cấp thêm các tin tức về bệnh và dược phẩm qua internet. Nhưng cũng không ít trang web bán thuốc không cần toa, dù là thuốc thường hoặc thuốc trong danh sách kiểm soát, chỉ được mua, bán với toa thuốc do bác sĩ biên.

Hiện nay, bán thuốc qua mạng hiện diện khắp mọi quốc gia, đặc biệt tại nơi mà thuốc được bán tự do, không cần toa của bác sĩ.. Riêng tại Hoa Kỳ có cả ngàn cơ sở có giấy phép và cơ sở lậu bán dược phẩm qua internet. Các cơ sở hợp pháp đều được National Association of Boards of Pharmacy và Federation of

State Medical Boards. chứng nhận đã hội đủ các điều kiện về bằng cấp và các tiêu chuẩn hành nghề dược. Những cơ sở trên internet có mang dấu triện hình bầu dục màu xanh đặc biệt với hàng chữ VIPPS (Verified Internet Pharmacy Practice Sites) do NABP cấp phát đều đáng tin cậy vì đó là dấu hiệu bảo đảm sự tuân thủ của cơ sở này với chính quyền và bảo cho người tiêu thụ biết được phẩm chất về thuốc mà họ cung cấp. Người mua cũng có thể tìm hiểu thêm những cơ sở này khi click vào dấu ấn trên trang web quảng cáo của họ.

Điểm cần lưu ý khi mua dược phẩm qua internet

Có một số điểm cần lưu ý để bảo đảm công hiệu và an toàn khi mua dược phẩm qua internet, như là:

1 - Chỉ mua dược phẩm tại các cơ sở dược chính thức công nhận với địa chỉ, số điện thoại rõ ràng. Dè dặt với các cơ sở ở nước ngoài hoặc chỉ có hộp thư liên lạc vì các nơi này có thể bán các dược phẩm cấm bán ở quốc gia mình đang cư trú. Có thể tìm ra các cơ sở này bằng cách hỏi ở National Association of Boards of Pharmacy's (NABP). Cơ quan này có danh sách các tiệm có giấy phép hành nghề dược trên internet tại tiểu bang.

2 - Chỉ nên mua thuốc do bác sĩ biên toa cho mình.

3 - Lưu ý nơi bán là các dữ kiện liên quan tới cá nhân mình như tên tuổi, địa chỉ, tình trạng bệnh, thè tín dụng phải được giữ kín, riêng tư. Nhiều cơ sở mang bán các dữ kiện cá nhân của khách hàng cho công ty khác.

4 - So sánh giá cả giữa vài ba cơ sở. Nếu thấy giá mua qua internet quá thấp thì cũng nên tự hỏi tại sao, có phải là thuốc « rôm » hoặc đó là cơ sở buôn bán "chui lậu" không.

5 - Nên để ý tới các dược phẩm "nhái" giả hiệu, chỉ có đường, bột, vài hương vị thơm thơm, hăng hắc không có dược tính. Cơ quan FDA cho hay, một lần họ thử mua thuốc trị bệnh cúm Tamiflu của một công ty có trụ sở ở Ấn Độ. Phân chất thuốc này, FDA chỉ thấy có phần rôm và acetaminophen mà không chứa một tý hoạt chất oseltamivir trị cúm nào.

Theo cơ quan y tế Thế giới, trên 50% thuốc giả mạo được bán ra từ các cơ sở đầu điểm địa chỉ của mình và đa số thuốc "rôm" này được sản xuất từ châu Á, châu Mỹ La Tinh, Đông Âu. Thuốc "rôm" có thể không có hoạt chất cần thiết cho bệnh, chế biến với chất mà mình không biết tên, có thể gây hại; phân lượng hoạt chất không cân bằng, tất cả có thể đưa tới tác dụng phụ ảnh hưởng tới sức khỏe.

6 - Đừng mua thuốc ở các cơ sở mà họ không



cần mình chứng minh có toa của bác sĩ. Các cơ sở như vậy là bất hợp pháp, hành nghề không giấy phép, vì theo luật định, chỉ có bác sĩ mới có quyền cho toa sau khi đã đích thân khám bệnh.

7 - Không mua thuốc ở các cơ sở không số điện thoại và dược sĩ để liên lạc, trả lời các câu hỏi của khách hàng.

8 - Đừng mua thuốc ở các cơ sở quảng cáo là có các "thần dược", trị được bá bệnh.

9 - Không mua các loại thuốc cần phải toa bác sĩ đặc biệt thuốc nằm trong danh sách dược phẩm đặt dưới sự kiểm soát của cơ quan y tế như thuốc có chất ma túy, có thể gây nghiện. Cũng đừng mua dược phẩm chưa được cơ quan FDA hoặc tương đương công nhận là an toàn, hữu hiệu khi dùng.

Mua dược phẩm kiểm soát (controlled substances) mà không có toa thuốc hợp lý của bác sĩ có thể bị giam cầm, theo luật lệ liên bang Hoa Kỳ.

10 - Khi nhận thuốc, kiểm soát nhãn hiệu coi có đúng tên mình, tên thuốc, liều lượng như chỉ định của bác sĩ, coi xem thuốc có bất thường như đổi màu, biến dạng, ẩm ướt; thuốc nước có vẩn đục, có quá thời hạn sử dụng. Coi kỹ xem có đúng với thuốc mình đang uống, hàng được chuyển giao an toàn.

Có bất cứ nghi vấn nào, nên liên lạc ngay với nơi bán để hiểu rõ và nếu cần đổi thuốc. Thậm chí nếu thấy có gì bất hợp pháp thì khiếu nại ngay với các cơ quan hữu quyền như FDA (Food and Drug Administration)...

Mang thuốc vào Hoa Kỳ

Cũng lưu ý rằng luật pháp Hoa Kỳ cấm nhập cảnh các dược phẩm mới chưa được cơ quan FDA thừa nhận công hiệu trị bệnh, tính cách an toàn cũng như sản xuất từ các cơ sở đã khai báo với cơ quan này.

Thêm vào đó, còn cơ quan DEA (Drug Enforcement Administration) là cơ quan theo dõi việc sản xuất, mua bán, lưu hành và sử dụng dược phẩm trong danh sách cần kiểm soát (controlled substances) như thuốc chống đau có chất gây nghiện opiate, thuốc an thần, thuốc có chất steroid. Các thuốc này cần phải có toa của bác sĩ thực sự khám bệnh rồi biên toa. Tìm cách mua các thuốc này mà không có toa bác sĩ hoặc mua "chui" qua internet có thể bị phạt tù.

Nhân viên quan thuế có thể du di cho phép mang vào một ít dược phẩm chưa được FDA thừa nhận, không có ở Mỹ, cho cá nhân dùng không quá 3 tháng khi có bệnh trầm trọng, không có phương thức trị liệu tại đây.

Thuốc phải đựng trong chai lọ nguyên thủy, có giấy chứng nhận của bác sĩ điều trị đã khám tại nước ngoài cũng như bác sĩ sẽ tiếp tục chăm sóc bệnh tại Hoa Kỳ.

Thuốc mang vào không có mục đích quảng cáo hoặc thương mại.

Thuốc không gây ra rủi ro đáng kể.

Khi có nghi ngờ tính cách an toàn và hợp pháp của thuốc, nhân viên quan thuế sẽ liên lạc với cơ quan FDA hoặc DEA gần nhất để xin ý kiến coi có cho phép nhập cảnh thuốc hay không.

Trong thực tế, du khách về từ một số quốc gia như Canada, Mexico... đều có thói quen mua thuốc cho cá nhân dùng, vì giá rẻ hơn rất nhiều. Cơ quan chính quyền thường cũng thông cảm, vì họ nhắm vào giới nhập cảnh lậu, các dược phòng bất hợp pháp trên mạng nhiều hơn là nhắm vào bệnh nhân kém lợi tức, cần một ít thuốc trị bệnh. Giá thuốc tại Hoa Kỳ rất cao, nhiều người không đủ khả năng mua



Có Không

*Có không chìm nổi phận người
Từ không đến có, có rồi hoàn không
Một đời theo mãi có không
Xuôi tay còn lại chữ không bên mình.*

Chờ... Đợi

*Chờ ngày lên nắng sớm
Góp thơ xanh mấy dòng
Đợi chiều tàn đêm xuống
Hương hoa trái tác lòng.*

Khoảng Cách

*Với người hạt cát mong manh
Với ta là cả trời xanh nắng vàng
Với người trắng khuyết trắng tàn
Với ta trắng sáng ngút ngàn xuyên canh.*

thơ

KHA NGUYỆT

thuốc. Nhưng mình phải khai báo. Vì mang dược phẩm vào Hoa Kỳ mà không khai báo là phạm luật.

Kết Luận

Mua thuốc qua internet có thể là tiện lợi, dễ dàng và tiết kiệm nhưng không phải là luôn luôn an toàn. Do đó, trước khi mua, nên cân nhắc lợi hại với hoàn cảnh cá nhân và chỉ nên mua qua các trang web có uy tín và có giấy phép hành nghề.

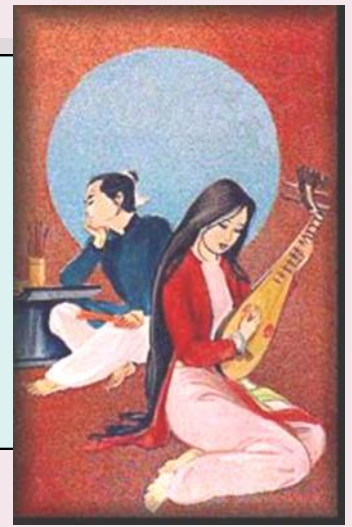
Và đừng mua dược phẩm chưa được FDA của Hoa Kỳ hoặc cơ quan tương đương tại các quốc gia khác thừa nhận.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

**Một bài Văn tế của một nhân vật tiểu thuyết
cho một nhân vật tiểu thuyết:**

VĂN KIM TRỌNG TẾ THÚY KIỀU...

Nguyễn Văn Sâm phiên âm và giới thiệu lần đầu tiên 2015



Thúy Kiều, đầu là nhân vật thiệt sự ngoài đời, được Thanh Tâm Tài Nhân cấu tạo thành nhân vật tiểu thuyết, đối với người Việt Nam nói chung hay đối với người đọc Đoạn Trường Tân Thanh nói riêng cũng chỉ là một nhân vật tiểu thuyết. Do đó những gì người ta viết thêm về Kiều—hay những nhân vật trong Đoạn Trường Tân Thanh—đều chỉ là hình thức bày tỏ lòng cảm phục Nguyễn Du qua sự lân mẫn hay oán ghét nhân vật của ông mà thôi... (*Thúy Kiều An chưởng hạn*)

Độc *Văn Tế Vợ* của Bùi Hữu Nghĩa, *Văn Tế Võ Tánh* và *Ngô Tùng Châu*, *Văn Tế Bá Đa Lộc*, *Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc*... Người đọc cảm xúc và có thể để lòng mình nổi lên **tràn đầy** tình cảm bi thương cho người được tế khi nghĩ đến số phận không may của họ. Độc *Văn Tế Kiều* những tình cảm này chắc chắn sẽ được ngăn chặn lại không cho tràn đầy vì

trong thâm tâm người đọc nổi lên một sự ngăn chặn vô hình: Đó chỉ là nhân vật tiểu thuyết và người đứng tế cũng chỉ là một nhân vật tiểu thuyết... Sự ngăn chặn này tuy vậy không làm mất giá trị thiết sự của ĐTTT về phương diện văn học, đó chỉ là sự báo hiệu của tâm thức để phân biệt đời sống thực tế và đời sống do tác phẩm văn nghệ tạo ra trong trí độc giả mà thôi.

Tôi được người bạn chuyển bài *Văn Tế Kiều* anh lấy xuống từ trang mạng Nom Foundation, nhưng không thấy nói lấy từ tác phẩm A, B nào, đã lâu lắm rồi, 10 năm có lẽ, bây giờ ngồi lại phiên âm. (Nhân đây cũng xin cảm ơn học giả Nôm Nguyễn Hiền Tâm đã góp ý sắc sảo trong một vài chữ đọc.) Bài văn tuyệt vời ở chỗ đã dùng phương pháp lấy Kiều để tạo nên gần như toàn bài. Lấy Kiều theo thể phú—thể thường có của văn tế—là chuyện cần nhiều tài hoa, cũng như lấy Kiều đem chữ cầu trên xuống câu dưới của thi sĩ Vũ Hoàng Chương là một sự tài hoa khác. Bài văn đáng đọc, đáng ghi thêm vào danh sách những phó phẩm của Đoạn Trường Tân Thanh cùng với những bài *vinh Kiều* hay những phó phẩm dài hơi chuyển ĐTTT sang Hán văn bằng những thể thơ này nọ mà tôi nghĩ rằng học giới không phải ai cũng may mắn được biết. Những thước đo sự đi vào lòng người của tác phẩm là phó phẩm, là những bản in, là những bình luận suốt thời gian dài. Ba thứ này thì ĐTTT đã dẫn đầu. (NVS, 29 -07 -2015)

文全重祭魁於澆钱塘

文全重祭魁於澆钱塘
 咳娘喂喂管管批批散散款款澆澆儂儂坦坦客江湘憾公主春軀害無情
 机套攏攏多端翁翁絲故之怙補款款世展值心事別澆澆煤
 世娘婆色若若卷卷春春奉奉度雪讓腸遠輸鹽榔皮才色讓分
 吹花封封甚腹踰踰翻翻被調歌吟吟味製英精深嚴謹墳墳端端莊莊玉
 咽花噴春靜揖齒及并澆恬慢更帳愴葑菲態品冰雪端
 東峰屹墨埃風流空墨紅紅外外荆芒營險固香御鄰湘湘簾簾
 我會踏青歐罕人綉若嫩隔个房桃旬如葉報台避迤愴愴
 桃群檢價玉剔色恩重義讓鎮房春群紙遠東仍夢祝悵悵

KT te TK 1

(t1) *Hỡi nàng nàng ôi!*
 Trâm gày gương tan,
 Bèo trôi sóng phủ.
 Đất khách giang hồ tủi phận, chúa Xuân sao
 khéo vô tình?
 Cơ trời dâu bể đa đoan, ông Tư cơ chi ghét
 bỏ?
 Người đời đến thế thời thôi, tâm sự biết đâu
 giải tỏ.

Nhớ nàng xưa:
 Sắc nước tư dung,
 Hương trời phong độ.
 Tuyệt nhường da, mây thua tóc, đua bề tài
 sắc [nhượng] phần hơn.
 Hoa phong nhụy, trăng tròn gương, vừa điệu
 ca ngâm vị đủ.
 Lá thắm thâm nghiêm kín cổng, đoan trang
 ngọc nói hoa cười.
 Xuân xanh xấp xỉ cập kê, êm đêm màn che
 trướng rủ.
 Phong phi thối nhà băng tuyết, tường đông
 ong bướm mặc ai,

Phong lưu rất mực hồng quần, ngoài cửa yển oanh hiềm có.

Hương lân vẫn nghe thơm thức, hội đập thanh âu hẳn nhân duyên,

Nước non cách mấy buổing thêu, tuần đố lá may thay giải cầu.

Rũ trưởng đào còn treo giá ngọc, biết bao ấn trọng nghĩa đây.

Tòa phòng Xuân còn đợi gió đông, những chốc mòng thâm yêu (t2) trộm dẫu.

Nước non hỡi còn mang nặng, trăm chiều riêng để tội cho hoa.

Tóc tơ chưa chút đèn bồi, ba sinh quyết liều đem tấc cỏ.

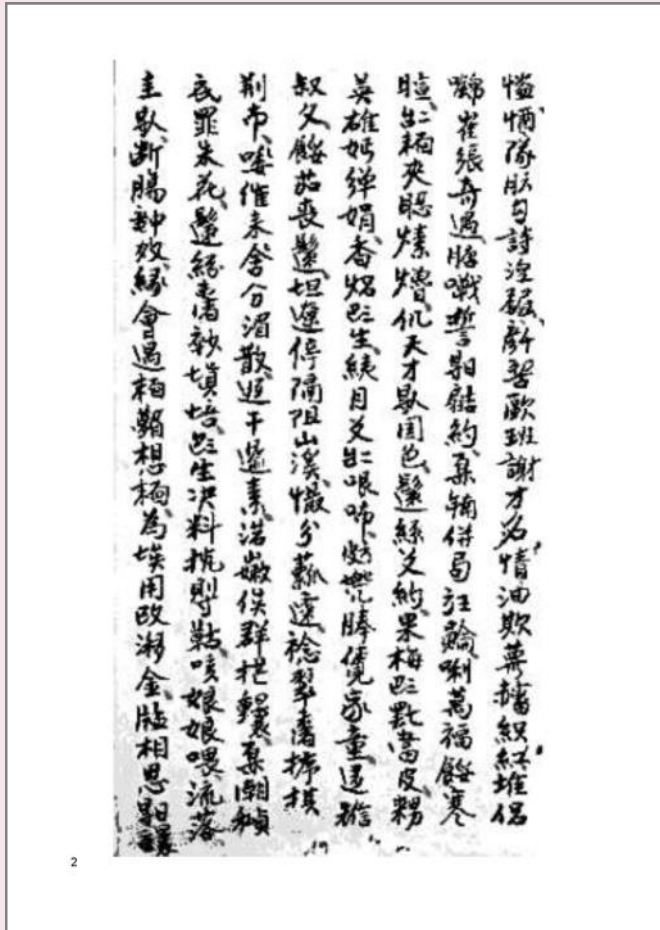
Hỡi nàng nàng ôi!

Lưu lạc quê người,

Đoạn trường trong số,

Duyên hội ngộ mặt mong tương mặt, vì ai rụng cài rơi kim.

Mảnh tương tư ngày nặng (t3) một ngày, xót kẻ năm mưa ăn gió.



Đòi lúc câu thơ nét vẽ, ngàn xưa âu Ban, Tạ tài danh.

Tình dầu khi lá thắm chỉ hồng, đôi lứa gắm Thôi, Trương kỳ ngộ.

Đêm chén thề, ngày quạt ước, trăm năm tính cuộc vuông tròn.

Lời vạ phúc, nổi hàn huyền, hai mặt giáp nhìn tỏ rõ.

Kẻ thiên tài người quốc sắc, tóc tơ một ước, quả mai ba bảy đương vừa,

Trai anh hùng gái thiên huyền, hương lửa ba sinh, dây nguyệt một hai gấn vó.

Vừa đầu bông thấy gia đồng đưa tin thúc phụ. Nổi nhà tang tóc, đất Liêu đành cách trở sơn khê.

Túi phận bèo mây, nệm thúy chưa dựa kê kinh bố.

Uấy thôi rồi!

Sả phận mưa tan,

Gặp cơn gió tố,

Túi phận trắng ngần trong giá, năm chờ tháng đợi, xa xôi ai có thấu tình chẳng.

Tương người dưới nguyệt chén đồng, rày ước mai ao, vện vẽ khôn đền chung nghĩa hậu.

Nghĩ phong cảnh: Có cổ thụ, có san hô, có bông bốn mùa, có cây trăm thước, trước sau nào thấy bóng người.

Nhớ nguyên ước xưa: Khi tựa gối, khi cúi đầu, khi vò chín khúc, khi chau đôi mày, sứt xùi vẫn dài lệ rỏ.

Quạt còn đây hương còn đó, keo loan đành tơ chấp mỗi kia.

Hương càng đượm lửa càng nồng, khúc phượng nữ phím rời dây nọ. Những ước: loan chung phượng chạ, phu vinh phụ quý, muôn chung nghìn tứ cũng có nhau.

Hay đầu: thúy rỏ loan bay, tử biệt sinh ly, kim mã ngọc đường giờ ai đó!

Hỡi nàng nàng ôi!

Vật đổi sao dời,
Sương che tuyết phủ.

Đèn hạnh sớm khuya, bông đào mới cũ, tấm
đá xem chung còn tạc, ai quạt sầu đắp thảm được
cho với!

(t4) Khối tình mang xuống chưa tan, lời thề
bể chỉ non trôi đã phủ.

Non Thúy Lĩnh mây bay phớt phớt, nhìn chơ
mây thêm mỗi mắt xanh.

Sông Tiền Đường nước gợn xanh xanh, thấy
mặt nước như hình má đỏ.

Muôn ngàn kể nguồn ân bể ái, thấy người
thấy cảnh, khóc than không biết sự tình,

Mười lăm năm liễu yếu đào tơ, càng nghĩ
càng đau, buồn bã giận trong căn cốt.

Trong khuê các đau lòng tiếc kẻ, đốt lò
hương một niệm dạ sâu cam tộ với tri âm,

Dưới tuyền đài cách mặt khuất lời, kính
dâng chén cúc ba tuần, tình thương biết bao nhiêu
đoạn khổ. (Hết)



Nguyễn Văn Sâm

California, 30-07-2015



Luân Hồi

Bình minh rực rỡ mắt người
Hạt sương tán sắc mặt trời long lanh
Vỡ òa theo nắng lên nhanh
Nhập nhòe nhân ảnh kết vành mây trôi
Hoàng hôn đỏ ối màu trời
Đếm bao nhiêu giọt luân hồi vào đêm

Mộ mê

Vắt vai tay nải mộ mê
Ta đi như thể giận quê mình nghèo
Bỏ lại nắng nóng gió Lào
Bỏ lại cái rét ngấm vào mẹ cha
Bao năm lạc chốn phồn hoa
Đường đời lẩn lóc bụi nhòa chén cơm
Ta về tìm lại ụ rơm
Chui vô làm kén ủ thơm mộng hồ

Mưa Đêm

Sáng ra mướt khóm lá non
Mưa đêm động giọt trên con mắt ngày
Con đường gột bụi trần ai
Sôi nâu tràn hạt mũi giày lần kinh
Chợt nghe có tiếng phong linh
Ngước lên ta bắt gặp mình trong veo

Soi

Soi gương ta đối diện mình
Chào nhau cũng chỉ khẩu hình nhại môi
Soi mình xuống cái giếng khơi
Chào nhau nghe vọng mây lời từ ta
Soi gì cọng cỏ sương sa
Nghe chuông vỡ giọt tan ra giữa trời.

thơ

NGUYỄN VĂN ĐÔN

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



HỒI HƯƠNG

Yêu nhau tha thiết những tưởng bên nhau suốt đời nào ngờ vô thường đến với chồng. Nàng làm tang trong đau khổ, thỉnh thầy cầu siêu còn yêu cầu:

- Chồng con bạc phước, mong thầy hồi hướng công đức riêng cho anh.

Thầy chỉ bóng đèn bảo:

- Con thắp bóng đèn này lên, một người hay nhiều người cùng hưởng nhưng ánh sáng nào có tăng giảm. Thầy biết con thương chồng nhưng biến trời thênh thang đừng tự trối mình trong hạn hẹp, chỉ thiệt mình thôi!

TỪ Đâu MÀ Có

Cô bé sinh ở xứ người nhưng tiếng Việt khá sõi nhờ học ở chùa. Trở về từ chùa cô bé hỏi:

- Ba ơi, phước và đức có gì khác nhau?

Ba cô bé giảng giải:

- Phước có thể ví như tiền

của, tài sản... Đức như trí thông minh, sức khoẻ... phước có thể chia sẻ, nhưng đức thì không thể.

Cô bé lại hỏi:

- Vậy chứ phước đức từ đâu mà có?

- Phước đức hay không là kết quả từ suy nghĩ, nói năng và việc làm của mình mà ra.

BẮT DUNG GIAN

Thiên hạ có bốn cái bể cho muôn loài xài chung bao đời nay. Bể dung con quái thú tử phương Đông thè lưỡi liếm láp rồi cát cứ lấy một bể. Nó gầm gừ đe nẹt:

- Bể này của tổ tiên tao, cấm tụi bay uống!

Muôn loài phẫn nộ nhưng không làm gì được vì nó to quá, nhưng trời bắt dung gian! Từ xa một con khủng long thò đầu xuống bể quấy nước đục đục:

- Bể này của chung. Đứa nào muốn lấy làm của riêng thì hãy thử hàm thép của ta trước!

CHỈ CÓ THÂN CHỦ

Con voi và con lừa cùng tranh ngôi bá chủ. Chúng cùng bộ hạ đấu đá âm ỉ, không chừa bất cứ thủ đoạn nào... Các cụ phe ta cũng nhào vô bể hội đồng:

- Con voi phe ta! Ai bỏ phiếu cho con lừa là phản động.

Ngày con voi lên ngôi các cụ mừng như mở hội:

- Rồi đây con voi sẽ cho bọn địch biết tay!

Nào ngờ con voi đem cả bộ sậu sang địch mở tiệc, bắt tay làm ăn tưng bừng. Có người biết chuyện bèn nói:

- Không có thân ta hay thân địch, chỉ có thân lợi, thân chủ mà thôi.

HỌC HÀNH

Thằng bé ốm tong, mang cặp mắt kiếng dày cộm trông có vẻ mệt mỏi:

- Mẹ cho con tiền ăn bánh mì, trưa con không về kịp vì phải học thêm môn lý, phụ đạo môn toán, học kèm tiếng Anh...

Mẹ nó nhìn thằng bé âu yếm và lo âu:

- Con có mệt lắm không? mẹ thương con nhưng biết làm sao đây?

Ba nó nói:

- Thằng nhỏ chạy show học, nếu không vào lớp sẽ thua bạn và bị rắc rối với giáo viên của nó.

Các phụ huynh khác đồng thanh:

- Không phải học hành mà là học nó hành!

BỆNH KHI GIÀU

- Ở xứ nọ vốn đói nghèo, sau một thời gian dài rì mọ cuối cũng cũng khá đôi chút nhưng khổ nổi vừa khá lên thì họ lao vào ăn nhậu vô hạn độ: bia, rượu chảy tràn như sông; ăn tất tật muôn loài thú; bày ra những trò chơi vô luân... Từ đó tự nhiên bao nhiêu bệnh hoạn xảy ra mà trước kia vốn ít khi thấy: ung thư, tiểu đường, béo phì, gout... Vị thần cai quản xứ ấy báo với Ngọc Hoàng.

Ngài nói với chúng thần:

- Trẫm thương họ như con nhưng không làm gì được cho dù có thần lực. Họ phải tỉnh thức tự cứu lấy!

STEVEN N

Đào bang chớm thu - 2015



HÃY GỌI ĐI! ĐÒ SẼ TỚI

Huệ Trân



Đối với người Phật tử, dù ở bất cứ phương trời nào, không phải chỉ mùa Vu Lan mới là thời điểm để người con Phật thể hiện lòng báo đức tri ân. Ân Chư Phật, ân Thầy Tổ, ân cha mẹ giáo dưỡng, ân đàn na thí thí, ân xã hội, ân chúng sanh... mà ân kia, đức đó phải luôn phát nguyện bằng thiện tâm:

**"Hiếu là độ được song thân,
Nhân là cứu vớt trăm loài"**

Theo tinh thần trùng trùng duyên khởi trong kinh Hoa Nghiêm thì muôn người, muôn loài đều thăm lặng vì nhau mà sinh diệt. Cái này vì cái kia mà hiện hữu, cái này ra đi để cái kia tồn tại. Như lá rụng mà thực chẳng diệt, vì lá lại thành đất nuôi cây. Như mây tụ lại mà thực chẳng tan, vì mây chỉ chuyển hóa thành mưa tưới mát, tắm đẫm cỏ nội hoa ngàn...

Với lòng tin ở sự vận chuyển nhiệm mầu, người con Phật thường đem sự cẩn trọng mà cư xử với nhau vì biết đâu, ai có thể là ông bà, cha mẹ, quyến thuộc mình đã ra đi và nay lại đang hiện hữu!

Dù bất cứ tôn giáo nào, lòng chân thành luôn là yếu tố cần thiết để đạt tới sự giao cảm. Như câu chuyện có thật, về lòng chân thành của một bé gái 8 tuổi đã cứu sống em trai mình.

Cô bé chỉ biết em mình bệnh nhiều lắm, cha mẹ đã phải dọn từ căn nhà lớn về căn nhà nhỏ mà cũng không còn tiền chữa trị cho em. Một lần, cô nghe cha mẹ thì thầm **"Chỉ còn phép mầu mới cứu được Andrew, mà chúng ta biết tìm đâu ra phép mầu!"**

Nghe thế, cô bé về phòng, đập vỡ con heo đất dành dụm từ lâu, gom hết những đồng tiền cắc, rồi chạy ra tiệm thuốc đầu phố. Tới nơi, cô dốc hết gói tiền lên mặt quầy rồi nói:

- Châu chỉ có bấy nhiêu.

Cháu cần mua phép mầu.

Người bán thuốc ngạc nhiên:

- Em nói gì? Em cần gì?

Cô bé ghen ngào:

- Em Andrew bị bệnh nặng lắm. Cháu nghe cha mẹ nói, chỉ có phép mầu mới cứu em được. Ở đây có bán phép mầu không?

Người bán hàng thông cảm, nhìn em và buồn rầu trả lời:

- Chú rất tiếc, ở đây không có bán phép mầu cháu à!

Một người đàn ông trung niên đang đứng chờ say cô bé, nghe câu chuyện, bỗng cúi xuống hỏi nhỏ:

- Andrew bệnh gì?

- Cháu không biết bệnh gì ở trong đầu. Cha mẹ nói phải mổ, và phải có phép mầu.

- Cháu có bao nhiêu tiền?

Cô bé vội vã đếm:

- 10 xu ... 20 xu ... 45 xu ... 1 đồng Dạ, cháu có 1 đồng 11 xu ạ.

Trước sự ngạc nhiên của người bán hàng, người đàn ông trung niên tỏ vẻ mừng rỡ, nắm tay cô bé:

- Ô, may quá! Cháu có vừa đủ tiền mua phép mầu. Mau dẫn bác về nhà gặp cha mẹ và An-

drew đi! Chúng ta sẽ dùng phép mầu chữa bệnh cho Andrew.

Người đàn ông trung niên đó là bác sỹ Carlton Armstrong, một bác sỹ giải phẫu lừng danh của bệnh viện đa khoa trong thành phố.

Cuộc giải phẫu thành công mỹ mãn với sự đài thọ toàn bộ của bệnh viện, do bác sỹ Armstrong đề nghị.

Bé Andrew được cải tử hoàn sinh nhờ lòng chân thành của chị. Lòng chân thành đó là năng lượng thăm lặng nhưng vũ bão, đã giao cảm được với lòng từ của vị lương y mà tạo nên phép mầu.

Có lẽ, đối với cô bé, phép mầu có giá là 1 đồng 11 xu. Chỉ cha mẹ cô trực nhận phép mầu là vô giá!

Nhớ lại câu chuyện này, tôi không khỏi bồi hồi khi Sư Phụ chúng tôi cũng vừa **"cải tử hoàn sinh"** sau khi được thay gan, ở thời điểm đã cận kề cái chết!

Lá gan của Sư Phụ chúng tôi đòi **"về hưu"** từ lâu, và đã tới thời điểm nó ra tối hậu thư **"Không cho nghỉ, tôi cũng nghỉ đó!"**



Hòa Thượng phương trượng chùa Phật Tổ và Ban Kinh Sư

Để có được những phương tiện trị liệu tốt, Sư Phụ chúng tôi đã phải nghe lời khuyên của các bác sỹ, rời chùa, rời huynh đệ chúng tôi, qua tiểu bang khác để chờ lá gan hiến tặng.

Suốt 9 tháng đợi chờ, sau hai lần đã tới phiên được có gan hiến tặng nhưng khi kiểm tra toàn bộ thì quả tặng lại chưa đủ những yếu tố an toàn thích hợp để ghép vào cơ thể người nhận. Và đến lần thứ ba được gọi lên, cũng là khi sức khỏe Sư Phụ chúng tôi đã kiệt quệ. Tuy không nói ra nhưng chúng tôi đều nhìn nhau trong cùng ý nghĩ rằng "Dù lần này quà tặng có thích hợp nhưng liệu Sư Phụ còn đủ sức chịu đựng cuộc giải phẫu cam go này không?"

Chư Tôn Đức khắp nơi, những vị đã từng có đạo tình với Sư Phụ chúng tôi, đều hết lòng cầu nguyện Đức Quán Thế Âm gia hộ, không phải chỉ ở thời điểm cận kề này, mà từ khi Sư Phụ chúng tôi lên đường điều trị, quý Ngài cũng đã luôn chân thành cầu nguyện. Chúng tôi từng được chứng kiến những buổi cầu nguyện đó, hết nơi này tới nơi kia. Huynh đệ chúng tôi vô cùng tri ân Chư Tôn Đức.

Sau 4 tiếng chờ đợi ngoài phòng mổ, để được tin là cuộc giải phẫu đã hoàn tất, chúng tôi đều một lòng tin tưởng rằng, hậu giải phẫu dù cam go đến mức nào, Sư Phụ chúng tôi cũng sẽ vượt qua, vì bao lòng thành hướng về Sư Phụ đã giao cảm được với tâm Bồ Tát. Không có sự nhiệm mầu này thì với căn bệnh nan y mang trong người đã hơn



Kim Cang Thượng Sư ân chủ thỉnh mời Chư Phật, Chư Bồ Tát 10 phương về chứng giám

bốn năm, sự chờ đợi lá gan hiến tặng đã hơn 9 tháng mà phút cuối, chỉ ngắn ngủi là 2 ngày, là 48 tiếng đồng hồ để phép mầu hiển lộ.

Đó chính là lời vị bác sỹ trưởng nhóm phẫu thuật nói với chúng tôi trước khi giải phẫu: "Hai ngày nữa mà không được thay gan, e rằng khó còn hy vọng!"

Tôi nhớ, một lần thỉnh pháp, khi thuyết về lòng chân thành và sự giao cảm, giảng sư đã kết luận bằng một lời thật súc tích: "Hãy gọi đi! Đò sẽ tới!"

Vâng. Hãy gọi đi! Đò sẽ tới.

Tất nhiên, phải là những lời gọi chí thành thì "Đạo cảm thông" mới "Không thể nghĩ bàn."

Sư Phụ chúng tôi hồi phục, về lại chùa vào thời điểm Vu Lan.

Sau những chương trình thường xuyên được tổ chức trong tinh thần Vu lan theo lời Phật dạy, Sư Phụ chúng tôi đã nghĩ sâu xa hơn về sự đền ân báo đức. Huynh đệ chúng tôi đều nhiệt thành tuân theo ước muốn này.

Và ngày Chủ Nhật 13 tháng 9 năm 2015, **Trai Đàn Chân Tế Siêu Tiên Thập Loại Cô Hồn Bình Đẳng Chung** đã được long trọng tổ chức tại Đại Hùng Bửu Điện chùa Phật Tổ, do Ban Kinh Sư chùa Phật Tổ đảm trách.

Sau khi thọ trai, với kinh nghiệm của Quý Thầy trong Ban Kinh Sư cùng với lòng nhiệt thành của đại chúng, Chánh Điện đã nhanh chóng biến đổi thành khung cảnh của một đàn tràng trang nghiêm mà trầm hương, hoa đèn và tôn tượng các vị Đại Sỹ cứu độ chúng sanh đã phảng phất hài hòa sự giao cảm âm dương.

Đúng 2 giờ trưa, Sư Phụ chúng tôi - Hòa Thượng Thích Thiện Long, Phương Trưởng chùa Phật Tổ - thành kính nguyện hương trước Phật đài, cúi xin mười phương Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Hiền Thánh Tăng chứng giám gia hộ cho Đàn Tràng đạt được sự tri ân, báo đức tới muôn người muôn loài còn trầm luân trong biển khổ.

Những nén nhang thơm vừa được dâng lên thì từ Phòng Tổ, Đại Đức Thường Huệ, vị sẽ đảm trách nhiệm vụ Kim Cang Thượng Sư trong Trai Đàn, cùng với hai thị giả chậm rãi bước ra.

Thầy còn trẻ, rất trẻ đối với trọng trách hôm nay, nhưng qua sắc phục tôn nghiêm, thầy đang từng bước hiển lộ tinh thần Kim



Cang Thượng Sư.

Khi đã đứng trước Hòa Thượng Phương Trượng và cũng là Sư Phụ mình, Thầy làm phần vụ trước khi khai đàn. Đó là chấp tay kính cẩn tỏ lòng cảm ơn vị tổ chức Trai Đàn, và kế tiếp là thể hiện lòng hiếu đạo của đệ tử đối với Sư Phụ.

Thầy chấp tay búp sen trước trán, rồi chậm rãi, thật chậm rãi, búp sen từ từ dừng trước ngực, như để cùng trái tim, thốn thức đập những nhịp ân tình... Rồi từ trái tim, búp sen theo toàn thân thầy xuống thấp, xuống thấp, rồi hai chân quỳ, búp sen nở xòe ra, để thể hiện thể lạy cực kỳ cung kính, là 5 vóc sát đất.

Cũng như khi quỳ lạy, Thầy đứng lên bằng động tác khoan thai và từ tốn để lập lại ba lạy như thế, tạ ơn Sư Phụ.

Toàn thể hội trường chợt ngưng đọng.

Giây phút này, ngôn ngữ mới thực vong thân, bởi không ngôn ngữ nào diễn tả cho hết nghĩa cha con sâu dầy, tình thầy trò mệnh mông trong đạo vị của giáo pháp Như Lai ...

Giây phút này là giây phút mãn khai của đóa quỳnh hương. Không thể trước, không thể sau, mà đúng thời đó, đúng lúc đó thì hoa kia mới trọn vẹn. Như con sâu xấu xí phải trải trọn thời-nghiệp, mới hóa thân thành cánh bướm muôn màu rực rỡ.

Sư Phụ chấp tay, khép mắt, im lặng nhận ba lạy báo ân của đệ tử mà lẽ nhòa hình ảnh bé trai sơ sinh mới 23 ngày tuổi đã bị bỏ trước cổng chùa. Ông thầy tu ra sân quét lá, nghe tiếng khóc, đã hốt hoảng buông chổi chạy ra, vội bế bé lên. Hơi ấm đầu tiên truyền sang nhau trở thành tình cha con, tình thầy trò, đã là hạnh phúc và khổ đau suốt hơn hai mươi năm hệ lụy ...

Giây phút này, với Sư Phụ, có lẽ là cảm xúc hoan hỷ, xứng đáng công nuôi dưỡng ...

Giây phút này, với đệ tử, có lẽ là cơ duyên toàn thiện nhất để báo ân và sám hối với người cha, người thầy đã cứu mạng, nuôi dưỡng, dù bao nhiêu phiền não, khổ đau phải chịu do tuổi trẻ vô minh từng gây ra.

Giây phút này, Sư Phụ ơi, không phải chỉ Sư Phụ cảm nhận như vậy đâu, mà huynh đệ chúng con cũng cùng được hạnh phúc như thế.

Hạnh phúc không chỉ vì được tham dự một Trai Đàn trang nghiêm mà còn là cơ duyên được



Kim Cang Thượng Sư và Ban Kinh Sư trong Trai Đàn Chấn Tế

chúng kiến sự chuyển hóa nhiệm màu của hài nhi độ hơn 23 ngày tuổi bị bỏ trước cổng chùa năm xưa, đang hóa thân Kim Cang Thượng Sư với âm thanh sấm sét của Sư Tử hồng **"Địa ngục vị không. Thệ bất thành Phật."**

Trai đàn chính thức bắt đầu khi vị Kim Cang Thượng Sư khái báo, qua những nghi thức ấn chú gia trì, thỉnh mời mười phương Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Hiền Thánh Tăng thù từ chứng giám.

Mỗi vị Phật, mỗi vị Bồ Tát đều được thỉnh mời bằng nghi thức ấn chú riêng, nên khi đại chúng tham dự, chỉ cần giữ tâm thanh tịnh và lòng kính tin, thì mỗi động tác chậm rãi, cực kỳ tôn nghiêm của vị Thượng Sư Kim Cang đều có thể truyền đạt tới đại chúng sự hoan hỷ, như chính mỗi người đang thỉnh mời Chư Phật, Chư Bồ Tát về chứng minh.

Suốt 4 tiếng đồng hồ liên tục, âm thanh pháp khí lồng vào mỗi phần tán tụng của tám vị

Kinh Sư, tùy từng nội dung mà khi thì trầm hùng, khi thì rộn rã, khi thì rẻo rắt, dường như để phù hợp với căn cơ, cũng như để chướng của thập loại cô hồn, khiến còn vất vưởng nơi đâu, bắt được tần số những âm thanh này cũng cố gắng tìm về hưởng thực, nghe kinh, hầu giải thoát khỏi trầm luân sanh tử.

Trong phần kết-đàn, khi một vị Kinh Sư tuyên đọc danh hiệu Chư hương linh được thần nhân dâng sớ, thì một làn gió mát từ đâu chợt bay ngang giữa không khí oi bức suốt tuần.

Đại chúng không ít người, bằng phần xạ tự nhiên đã nhìn ra các cửa sổ.

Nhưng ai thấy được gió!
Phải chăng đó chỉ là thông điệp:

"Hãy gọi đi! Đò sẽ tới!"

Huệ Trân
(Phật Tử Tự - Trai Đàn Chấn Tế
13-9-2015)



Hòn đá bên cây tùng

HUYỀN LAM

Sinh ra lớn lên tại khu ghetto nghèo đầy tội phạm thường thấy tại các thành phố lớn, John không có cha, mẹ nghiện ngập suốt ngày. Bao nhiêu tiền chính phủ trợ cấp hàng tháng cho gia đình nghèo, mẹ anh dùng mua rượu, thuốc.

John nhiễm theo tính xấu môi trường chung quanh, tuy chưa dính vào ma túy, nhưng thỉnh thoảng trốn học, cạy cửa xe, đột nhập nhà ăn trộm để có tiền mua những món đồ mình thích. John cũng từng bị cảnh sát bắt một lần nhưng dưới tuổi trưởng thành nên chưa phải ngồi tù.

Do mẹ anh không còn tiền mua thực phẩm, John ăn sáng ăn trưa tại trường học được Bộ Xã hội tài trợ cho học sinh nghèo. Chiều tối John cuốc bộ đến nhà ăn từ thiện dưới phố dành cho người khốn khó. Đến đây ăn đã nhiều năm nhưng John không quen ai trong nhóm thiện nguyện, bởi mỗi ngày có những nhóm khác nhau tham gia phục vụ.

Người duy nhất John nhớ đến là ông già tuổi ngoài 70 thường làm vào chiều thứ Bảy. Mỗi lần gặp, ông cười tươi, chào mọi người đến ăn rất chân tình. Ông khéo léo múc các món thức ăn vào khay, tươm tất gọn gàng. Khi đưa khay thức ăn, ông bao giờ cũng niềm nở, chúc người ăn ngon miệng như thể đang phục vụ cho vị khách cao quý tại nhà hàng sang trọng nào. Mỗi lần gặp ông, John cảm thấy an lạc, nhẹ nhàng. Thỉnh thoảng khi vắng người, thấy John ngồi ăn lẻ loi một mình, ông pha ly nước cam đem đến.

John thường không giấu ông điều gì, ngay cả chuyện đánh nhau ở trường hay cạy xe ăn cắp vặt bị cảnh sát bắt. Ông ngồi nghe chăm chú gật gù, cảm ơn người thiếu niên to lớn tuổi teen đã chia sẻ. Sau mỗi lần trò chuyện, ông luôn cười rất tươi khuyên John:

-- Làm cậu bé tốt tính đi! Đừng làm chuyện dính vào phiền phức nữa, khi đến tuổi trưởng thành sẽ không tốt cho cháu.

John bản tính ương ngạnh, máu giang hồ ảnh hưởng từ khu ghetto, cười lạnh lạnh, chỉ vào bắp tay cuồn cuộn, tự hào:

-- Cháu mạnh, chắc như đá tảng. Không ai làm gì được cháu đâu!

Không giống như những người khác đến dùng cơm một thời gian rồi ra đi, John đến đây hàng ngày, năm này qua năm kia nên tất cả các nhóm thiện nguyện đều biết đến cậu tuổi teen này. John trở nên thân thiết gần bó với ông già, gọi ông thân mật hí hòm bằng cái tên tự đặt: Ông già Cool (cool: vui vẻ, điềm tĩnh).

Bằng đi một thời gian dài John đột nhiên biến mất không đến dùng cơm. Mọi người thắc mắc muốn tìm hiểu nhưng không biết địa chỉ. Mấy tháng sau, viên cảnh sát đến tìm ông Cool tại nhà ăn, trao bức thư:

"Ông Cool ơi, cháu đã 20 tuổi rồi, đang ngồi tù vì tội trộm cướp. Mẹ cháu mất hơn nửa năm nay. Tháng tới cháu sẽ được thả nhưng không biết phải đi đâu, làm gì để sống. Với hồ sơ tội phạm nếu không người bảo lãnh sẽ không ai muốn cháu, dù có tiền thuê nhà không ai sẽ cho cháu thuê. Cháu không muốn sống trở lại với giới giang hồ để tiếp tục con đường cũ. Cháu muốn làm người tốt, ông ơi!"

*

Buổi chiều bước chân ra khỏi nhà tù, nét mặt John mệt mỏi, hoang mang cực độ sau một đêm trằn trọc. Cảm giác được tự do không đủ làm anh vui khi đối diện tương lai vô vọng phủ phàng. John thất thểu bước đến trạm đăng ký xe miễn phí dành cho tù nhân mãn hạn, dù không biết phải đi đâu. Hình như

có ai đang vẫy tay nơi xa xa. Nụ cười tươi mát ấy, khuôn vóc điềm tĩnh ấy, không thể nào ai khác, John mừng rỡ kêu to, anh chạy ào đến ôm chàng, siết chặt:

-- Ông Cool!

Ông xoa nhẹ, vỗ về tấm lưng chắc thịt của người thanh niên mới lớn, ông cho biết các nhóm thiện nguyện tại nhà ăn đã quyên góp mượn căn phòng gần đó giúp anh có nơi cư trú trong 6 tháng. Ông sẽ chờ John về nhà ở tạm đêm nay rồi ngày mai đi nhận phòng. John bàng hoàng như không tin vào chính tai mình. Mới vài phút đây thôi anh thấy cô đơn lạc lõng tận cùng. Thế giới như không có anh, loài người như không biết đến sự hiện hữu của anh. Cảm giác được yêu thương, được chấp nhận làm John xúc động mạnh. Mắt anh hoen ướt đầu tiên trong đời.

Ông Cool sống một mình trong căn nhà nhỏ chỉ có một phòng ngủ nhưng có phòng khách lót sàn gỗ khá rộng thoáng. Nơi đây ngoài mấy kệ sách, vài tấm gối ngồi trên sàn của Nhật (tọa cụ), có chiếc bàn thô sơ chứng bức tượng đồng ngồi mỉm cười thật đẹp mà John không biết là ai và có ý nghĩa gì.

Ông Cool làm sẵn món mì Ý đãi John trong buổi cơm chiều. John kể cho ông nghe nhiều khía cạnh khốc liệt đời sống trong tù. Ông chăm chú lắng nghe, gật gù. Dùng bữa xong, ông khuyên John đi tắm để ông lót nệm ngoài phòng khách cho John ngủ tối nay. Khi tắm xong, John bước ra, không gian thanh tịnh lạ lùng. Anh chợt giật mình khi thấy ông Cool phong thái rất an nhiên, ngồi thẳng lưng lặng im giữa căn phòng, miệng mỉm cười cùng bức tượng trên bàn.

Đột nhiên ông nói khẽ:

-- Cháu ngồi xuống đây bên cạnh ta, trên tấm gối này, chúng ta cùng trò chuyện.

John nghe lời, ngồi xuống như dáng ông ngồi, nhìn vào bức

tượng đang mỉm cười. Không gian lắng đọng, anh nghe được cả hơi thở chính mình.

Ông Cool hỏi John:

- Cháu kể về đời sống trong tù, thế cháu có dự tính gì sau khi ra tù không?

-- Cháu không biết bắt đầu ra sao ông ạ, mọi chuyện đối với cháu như ngô cụt. Cháu may mắn được ban thiện nguyện giúp 6 tháng tiền trợ, nhưng sau 6 tháng cháu cũng không biết phải làm gì.

Vấn nhìn bức tượng mỉm cười, dáng an nhiên bất động, ông lên tiếng:

- Thật ra cháu đã biết bắt đầu rồi đấy chứ. Cách đây một tháng, cháu biết bắt đầu bằng nhận thức rằng mình phải làm người tốt. Chính điều ấy đã gieo mầm cho những điều tốt đẹp hôm nay. Nếu cháu tiếp tục con đường làm người tốt thì điều tốt đẹp sẽ tiếp tục đến với cháu.

-- Nhưng cháu tiếp tục như thế nào hở ông? Cháu sẽ cố gắng xin việc làm, nhưng cháu không có kinh nghiệm gì. Ai sẽ đỡ đần một người từng ở tù như cháu?

Nhẹ nhàng, ông Cool khuyên:

-- Cháu hãy cố gắng kiếm việc làm hàng ngày. Ai cũng muốn thuê người tốt. Vậy cháu nên làm gì để mọi người có cơ hội biết cháu là người tốt?

Suy nghĩ một lúc lâu, John lên tiếng, giọng vẫn còn ròn rảng, khô cứng của giới giang hồ:

- Mỗi ngày ăn ở nhà ăn thiện nguyện, cháu sẽ giúp dọn dẹp, rửa chén hoặc bất cứ việc gì cần làm.

Ông Cool đôi mắt sáng biểu lộ niềm vui:

- Thật tuyệt vời! Cháu thấy không? Cháu biết mình phải bắt đầu như thế nào mà.

Chỉ vào bức tượng trên bàn, ông nói tiếp:

- Làm người tốt bao gồm làm người chung quanh cảm thấy an vui. Mỗi ngày cháu ráng bỏ ra 10

phút, ngồi một mình, thở nhẹ nhàng, tập cười như bức tượng kia cười. Gặp ai cháu cũng cười nhẹ nhàng như bức tượng nhé. Làm được như thế, nhiều điều màu nhiệm sẽ đến. Cháu sẽ thấy đời sống đáng yêu, âu lo cũng bớt đi rất nhiều. Mấy mươi năm nay mỗi ngày ông đều ngồi tập cười như thế.

John trầm trồ:

- Ô, thì ra vì thế mà ông lúc nào cũng cười rất tươi mát với mọi người. Ai cũng thân thiện quý mến ông. Làm thế nào cháu cũng có một tượng như thế? Tượng là Buddha (Phật) phải không ông? Phật là vị thánh như thế nào?

- Ông sẽ cho cháu một tượng như thế. Phật là người có thể tự tại mỉm cười trước mọi hoàn cảnh. Cháu có thể nghĩ đơn giản rằng: Phật là người lúc nào cũng cool. Sau này cháu muốn tìm hiểu thêm, ông sẽ nói thêm.

*

Ngày đầu tiên John trở lại dùng cơm tại nhà ăn, mọi người vui vẻ đón chào. Khi anh ngỡ lời muốn giúp những việc vặt vại tại đây, các nhân viên từ thiện đều đồng ý nhưng có chút ưu tư trong lòng: không biết tính khí giang hồ trước đây của anh có làm công việc khó khăn nặng nề thêm? Thế nhưng chỉ sau vài ngày, mọi người thì thào bàn tán "thằng John ròn rảng ngang ngược ngày trước sao giờ dễ thương quá đời!"

John không hề câu nệ bất cứ việc gì, từ lau chùi dọn dẹp cho đến nấu nướng. Anh tâm niệm lời ông Cool dạy, lúc nào cũng niềm nở cười tươi. Gặp những người già, anh tận tình đem đồ ăn thức uống đến tận bàn và thỉnh thoảng hỏi han cần thêm chi. Chỉ một tháng, hơn trăm nhân viên tình nguyện của các tổ chức phục vụ tại đây đều quý mến John. Sau hai tháng, biết John hăng ngày nỗ lực xin việc làm, ông chủ chuỗi nhà hàng sang trọng thỉnh thoảng đến đây làm thiện nguyện đã ngó lơ mỉm cười.

Ông ta nói với John:

-- Anh làm việc không lương mà vẫn vui tươi tận tình như thế thì tôi biết khi có lương anh sẽ làm tốt hơn thế nữa.

John như không tin vào tai mình, vui mừng cực độ khi lần đầu tiên trong đời được mời đi làm.

Anh đến vội nhà ông Cool

báo tin. Gặp ông, anh dang hai tay lên trời sung sướng hét to:

-- Ông ơi! Thật nhiệm màu, cháu có được việc làm rồi! Cháu thật không ngờ những điều ông dạy đơn giản như thế lại thành sự thật. Lính lương đầu tiên, cháu sẽ đãi tiệc ông.

Ông Cool hân hoan, giọng điềm đạm từ tốn:

- Ông thật vui cho cháu, nhưng phải nhớ nhé, mỗi ngày cháu tiếp tục cố gắng bỏ ra ít phút tập thở và cười. Nếu mình bỏ lơ đi một ngày thì sẽ từ từ thành hai ngày và rồi đánh mất chính mình tự lúc nào. Điều màu nhiệm cũng sẽ biến mất. Thực hành trong mỗi ngày nhắc nhở ta sống trong ý thức, nhắc nhở ta sống trong chánh niệm.

John hỏi:

- Chiều Chủ nhật hàng tuần, ông cho cháu đến nhà ngồi chung với ông nhé, để dạy cháu thêm?

Ông Cool nhìn John trìu mến, vỗ nhẹ vào vai anh:

-- Được chứ, ông rất vui khi cháu đến!

Cuộc sống John kể từ đó thuận buồm xuôi gió, anh được tài trợ đi học thêm, thăng tiến chức vụ theo năm tháng, từ người hầu bàn, thành ca trưởng, trợ lý. Mười năm sau anh được chuyển qua tiểu bang khác làm quản lý nhà hàng. Tuy xa ông Cool nhưng anh vẫn liên lạc mỗi tuần và hàng ngày thực hành lời ông dạy.

Một hôm, khi gọi thăm như thường lệ, anh rất ngạc nhiên khi nghe giọng nói đầu dây khác lạ. Qua vài câu xã giao thăm hỏi, giọng người lạ báo tin:

-- Tôi là cháu Thiền sư Sota từ tiểu bang khác về, cách đây vài hôm bệnh viện báo tin ông đã qua đời anh ạ. Ông ra đi khuôn mặt vẫn cười rất an lạc. Ông có để lại di chúc, trong đó có nhờ anh tí việc.

*

Một ngày mùa xuân, người đàn ông tên John tuổi ngoài 30, theo lời dặn trong di chúc để lại của ông lão dạy thiền nơi miền Tây- bắc Hoa Kỳ, lái xe hơn 2 ngàn cây số xuôi Nam tìm đến Vườn quốc gia Zion, bang Utah, Hoa Kỳ. Đoạn đường dài như bất tận ấy, một mình lái xe, John thả hồn trong cảm xúc nhớ thương ông lão vô biên...

Sau một đêm nghỉ ngơi tại nhà trọ trong Vườn quốc gia, sáng sớm anh hỏi người quản lý giúp nhận định địa điểm tên một đỉnh núi trong hơn mấy chục đỉnh tại



đây, John lần theo đường mòn đi bộ lên đỉnh núi cao. Con đường trắc trở, khi đi, khi trèo qua những khối đá, phải mất 4 giờ John mới tới nơi. Anh loay hoay ngang dọc trên đỉnh một lúc lâu rồi thốt lên mừng rỡ:

-- Ô, đây rồi! Ôi, đẹp quá!

Một cây tùng xanh tươi mọc ngay trên bờ đông của đỉnh mà một phần thân trườn ra bên ngoài vực sâu thăm thẳm cả ngàn mét. Gió ở đây khá mạnh, rít từng cơn làm John cảm tưởng có thể hất văng anh xuống vực bất cứ lúc nào.

John mở ba-lô lấy hộp đựng tro, anh quỳ xuống, cẩn thận tỉ mỉ, rót từng giọt tro qua những khe đá nơi rễ cây tùng mọc. Xong việc anh ngồi đối diện cây tùng, hồi hộp mở lá thư ông Cool để lại, không biết ông viết gì trong ấy mà phải đến đây mới được đọc.

John giọng mỗi lúc mỗi nghẹn ngào:

"Thời trai trẻ biết bao lầm lỗi, ta lang thang đến đây. Trong tuyệt vọng chán chường ta có ý định nhảy xuống vách núi kết liễu cuộc đời. Nhưng mi -- cây tùng - bỗng nhiên hiện diện vững vàng ngay trên vách. Ở đây chỉ có đá và gió, thân mi thì có thể rơi xuống vực sâu bất cứ lúc nào, nhưng mi vẫn sống khỏe trên vùng núi khắc nghiệt này, vẫn xanh, vẫn tươi mát chớ che soi bóng cho hòn đá thô cứng bên cạnh. Cám ơn mi cứu mạng, giúp ta bài học nhiệm màu. Xin gởi đám tro tàn góp phần cho mi."

Nước mắt John tuôn chảy, xúc cảm từng cơn chấn động châu thân. John thấy mình hết sức phước đức được ông Cool bằng xương bằng thịt chỉ dẫn từng bước trong cuộc sống. Còn ông Cool khởi đầu chỉ có cây tùng. Anh thấy mình có nhiệm vụ làm cây tùng tiếp nối cho những hòn đá khác.

Nghẹn ngào, hùng tráng, anh ngâm to bài thơ ông Cool làm cho cây tùng trên đỉnh núi cao, giữa không gian lộng gió:

Núi sừng sững cao

Vực thăm thẳm sâu

Gió cuồng điên bạt!

Sấm gầm động vang!

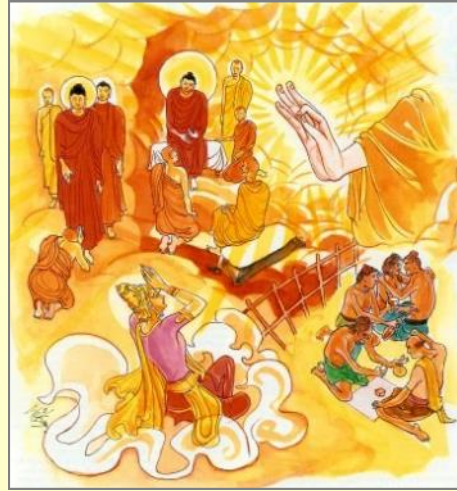
Hề ta đứng! Mím cười cùng năm tháng

Soi bóng đời che chở đá cô liêu.

Huyền Lam
(Hoa Kỳ)

The Story of Sakka

Dhammapada - Verses 206, 207 & 208



While residing at the village of Veluva, the Buddha uttered Verses (206), (207) and (208) of this book, with reference to Sakka, king of the devas.

About ten months before the Buddha realized pari-Nibbana, the Buddha was spending the rains retreat at Veluva village near Vesali. While he was staying there, he suffered from diarrhoea.

When Sakka learned that the Buddha was ailing, he came to Veluva village, so that he could personally nurse the Buddha during his sickness. The Buddha told him not to worry about his health as there were many Bhikkhus near him; but Sakka did not listen to him and kept on nursing the Buddha until he recovered.

The Bhikkhus were surprised and awe-struck to find Sakka himself attending on the Buddha. When the Buddha heard their remarks he said, "Bhikkhus! There is nothing surprising about Sakka's love and devotion to me. Once, when the former Sakka was growing old and was about to pass away, he came to see me. Then, I expounded the Dhamma to him. While listening to the Dhamma, he attained Sotapatti Fruition; then he passed away and was reborn as the present Sakka. All this divinity happened to him simply because he listened to the Dhamma expounded by me. Indeed, Bhikkhus, it is good to see the Noble Ones (Ariyas); it is a pleasure to live with them; to live with fools is, indeed, painful."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 206: It is good to see the Noble Ones (Ariyas); to live with them is always a pleasure; not seeing fools is also always a pleasure.

Verse 207: He who walks in the company of fools has to grieve for a long time. Association with fools is ever painful, as living with an enemy; association with the wise is a pleasure, as living with relatives.

Verse 208: Therefore one should follow a resolute, intelligent, learned, persevering and dutiful Noble; follow such a virtuous and wise man, as the moon follows the path of the stars.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

CHƯƠNG NĂM

Thầy tôi là một vị tăng cao đức, có uy tín tại Nha Trang cũng như đối với giáo hội. Thầy sinh trưởng tại quận Diên Khánh. Xuất gia lúc bé thơ ở chùa Khánh Long, cũng ở Diên Khánh, một quận lỵ cách Nha Trang chín, mười cây số về phía nam. Thở còn thanh niên, thầy ra Huế học tại Phật học đường Báo Quốc, rồi vào Sài Gòn, học tại Phật học đường Nam Việt. Sau khi tốt nghiệp đại học Phật giáo, thầy trở về nguyên quán đảm trách công việc do giáo hội giao phó tại Phật học viện Hải Đức này. Một phần do tính khí, một phần do ảnh hưởng tập quán địa phương, thầy trở nên một vị tăng có đời sống đơn giản, hồn hậu và bình dị. Tuy vậy, đối với vấn đề giới luật, thầy tuân thủ nghiêm minh nên đã có thời thầy là vị thầy nghiêm khắc, cương nghị, phạt đòn thẳng tay, làm cho học tăng trong viện phải sợ thầy một phép. Bây giờ, công việc càng lúc càng nhiều khê khiến thầy bận bịu, không còn thì giờ để đi sát với sinh hoạt kỷ luật của học tăng nữa. Chuyện gì quá đáng đến tai thầy, thầy mới đem ra phân xử, còn ngoài ra đều do ban giám thị của Phật học viện giải quyết.

Quần chúng ngưỡng mộ quy kính thầy mỗi lúc một đông, nhưng đệ tử xuất gia của thầy thì hiếm lắm, vì thầy không có ý thu nhận nhiều. Trong một cuốn sổ ghi danh các đệ tử quy y và thọ pháp thầy, tôi thấy giới xuất gia chỉ có sáu người. Theo thứ tự thời gian thì đầu tiên là chú Hiền (dân Nha Trang), rồi đến chú Phương, chú Quyết, chú Hải, chú Sung (dân Diên Khánh) và cuối cùng là tôi. Chú Hiền pháp danh Tâm Hạnh, học ở Phật viện Liễu Quan Phan Rang. Chú Phương pháp danh Tâm Chơn và chú Quyết pháp danh Tâm Chí, đang tu học ở chùa Diên Thọ (cũng do thầy tôi chủ trì, tại Diên Khánh). Chú Hải, pháp danh Tâm Hương, học tại

Phật học viện Bảo Tịnh, Phú Yên. Các chú ấy đã lớn và đã thọ giới Sa-di (giữ mười giới cấm), cao chòm đi rồi. Chú Sung, pháp danh Tâm Dung, và tôi, thì vẫn chưa thọ năm giới. Nhưng chú Sung đã có cái chòm trên đầu, lại mặc đồ tu nữa, nên đã ra vẻ "người xuất gia" lắm, còn tôi, vẫn chỉ là một đứa trẻ thể tục trên hình thức.

Thầy không cho mặc đồ đẹp, tôi đành mặc lại mấy bộ đồ tây, chờ đợi mẹ may đồ khác. Hai hôm sau mẹ tôi mới mang hai bộ áo quần tu mới cho tôi. Mẹ phải nhờ sư cô Yến mua giúp cho loại vải nào dùng sang trọng quá nhưng cũng đừng quá tệ mà tội nghiệp tôi. Màu vải lam hơi sẫm trông cũng đẹp lắm. Mẹ tôi đem trình thầy xem trước. Thầy nói được. Vậy là tôi mặc vào. Lần này thì chắc chắn là không bị lột áo nữa rồi. Bộ đồ tu thực ra từ tiền vải đến tiền công so với bộ đồ tây của người đời thì hãy còn quá rẻ, có đáng giá gì. Nhưng giá trị của nó không nằm nơi sự chiết tính bằng con số và thị hiếu của thế gian. Tôi sung sướng mặc bộ đồ vật hò mới và cảm thấy rằng mình đã thực sự tham gia vào thế giới những người xuất gia này. Cảm giác của tôi lúc đó thật là: giống như một người công chức hay một anh lính quèn mới được lên chức. Nhưng trên thực tế, các thầy ở Phật học viện vẫn gọi đùa tôi là "ông cư sĩ", tức vẫn còn là một người thể tục (có tâm tu), vì tôi hãy còn tóc trên đầu. Ban đầu tôi chưa hiểu chữ *cư sĩ* có nghĩa là gì, nên chỉ cười cười. Sau đó, biết được rồi, tôi hơi buồn và thấy trong lòng nôn nao muốn được trở thành chú tiểu như chú Dũng, chú Sung—tức là phải cạo tóc chừa chòm—để không còn lạc lõng giữa hàng trăm người đầu tròn áo vuông nơi đây nữa.

Dù sao, trong thời gian làm thị giả cho thầy, tôi cũng được nhiều thầy trẻ cũng như các chú tiểu thương mến và thích lắm.

Nguyên do là như vậy: thầy tôi không dùng được bất kỳ loại thức ăn, thức uống nào có chất hóa học, tức những sản phẩm kỹ nghệ. Thầy tôi cũng không hút thuốc, không uống trà, cà phê; không dùng thức ăn có dầu, bơ hoặc nêm bằng bột ngọt hay đường cát. Tóm lại là mọi thứ thầy dùng đều là sản phẩm kiểu *cây nhà lá vườn* từ nhà quê đem lên. Cho nên, bao nhiêu vật dụng, thực phẩm mà phật-tử đem dâng cúng riêng cho thầy, thầy đều chất đống lên chiếc giường gỗ, bảo tôi đem phân phát cho các thầy các chú nào cần. Có khi tôi phải nhờ một chú khác cùng vào phòng thầy khiêng cả một thùng đồ ra ngoài. Phật tử cúng dường thầy thì thường cúng "sì" chứ không cúng lễ tế. Chẳng hạn cúng sữa hộp thì cúng nguyên thùng. Cúng thuốc hút thì cúng nguyên cây (hình như ông phật-tử nào đó nghĩ rằng mình thích cái gì thì cúng thầy cái đó nên mới đem món này lên dâng). Trái cây, đường, cà phê, trà... đủ thứ, đủ loại, không thứ nào thầy tôi đụng đến. Tôi mang tất cả đem chia. Các thầy trẻ thì thích cà phê, thuốc lá; các chú tiểu thì thích mì gói và sữa hộp. Họ thích tôi vì tôi không bao giờ mang đồ của thầy xuống mà dùng một mình. Tôi đã học được điều đó từ ngày thầy chia giò đồ của tôi cho tất cả các chú tiểu trong chùa. Tôi biết niềm vui sẽ to lớn khi nào cõi lòng và đôi tay được mở rộng chứ không phải là lúc chúng khép lại.

Phật học viện Hải Đức là một Phật học viện có nguồn tài trợ rất lớn và chính yếu từ xưởng nước tương của giáo hội tỉnh, cũng như sự hỗ trợ tận tình của rất đông phật-tử Nha Trang, nên vấn đề thực phẩm, thuốc men và vật dụng rất đầy đủ, không sợ thiếu thốn. Một số học tăng cũng như các chú tiểu nhỏ (trừ những vị ở tỉnh xa đến) lại thường có gia đình tiếp tế thêm tiền bạc hoặc món này món nọ để có sức mà tu học. Chính vì vậy mà chuyện ăn uống

lặt vặt ngoài ba bữa cơm của viện không phải là chuyện thức bách, hăm hờ gì. Có điều, đó là dịp để chung vui. Chúng tôi là những đứa bé trai xa gia đình, rất cần những phút vui với nhau. Mà có cái vui nào cho trẻ em bằng cái vui được ăn uống đâu!

Vui nhất là uống sữa đá với nhau vào giấc trưa trời nắng gắt. Sau bữa cơm trưa là giờ *chỉ tịnh* (tức giờ ngủ), quý thầy ai vào phòng nãy, đóng cửa nghỉ trưa. Bọn tiểu chúng tôi rủ nhau uống sữa đá. Một chú xuống xóm mua đá lạnh. Đá đập nhỏ bỏ vào thau lớn. Sữa hộp hai ba lon khui ra trút hết vào thau, không pha nước sôi hay nước lạnh gì. Sữa đặc quánh trong thau phải quậy một lúc lâu mới có thể lấy vá múc vào chén mà uống được. Ngọt lịm! Sau có chú bày vắt chanh vào sữa thành món sữa đá chanh, càng ngon tuyệt. Cứ hai ba bữa chúng tôi lại rủ nhau "làm" một thau như vậy. Mà muốn có những tiệc vui nhỏ đó, ắt là phải tùy thuộc vào tôi. Tôi cũng mang sữa, đường, cà phê, và trà cho quý thầy trẻ cần thức khuya để học nữa. Tối tối mà thấy tôi xách một giỏ mon men lên các dãy phòng tầng là các thầy biết ngay có tiếp tế. Thịnh thoảng mới có một cây thuốc lá Mỹ, tôi phải thật thận trọng để đem dúi cho các thầy ghiền thuốc, mỗi thầy một gói. Viện có lệnh cấm hút thuốc hay không thì tôi không biết. Chỉ thấy các thầy lấy thuốc mà có vẻ lén lén lút lút rất tội nghiệp. Thực ra khi đưa cây thuốc lá cho tôi, thầy tôi cũng đã có dặn là đem cho mấy thầy tên này tên kia. Điều đó chúng tôi thầy biết có người hút thuốc chứ chẳng phải không. Nhưng cái bệnh ghiền thuốc là cái bệnh vừa khó thương mà cũng vừa tội nghiệp. Nó có hai mặt của nó. Kỳ luật cũng vậy, có khi phải xiết mà có khi cũng phải nới ra một chút. Thầy nói: "Thầy đó hút thuốc dữ lắm, hứa bỏ hoài mà bỏ không được. Đưa gói thuốc này nói ông hút xong rồi cai luôn đi nghen!"

Tôi mang thuốc đi mà nghe như trong giọng thầy có cái vẻ trách yêu độ lượng của một người cha hiền đối với đứa con hoang đàng nghịch ngợm.

Đó là chuyện chia sẻ và chung vui. Nhưng ít ra cũng có lúc và có chút riêng tư nào đó dành cho mình. Nếu không có sự chung vui thì sẽ không bao giờ có được cái vui riêng một cách hể hả sung sướng. Vào hôm mà giờ đồ mẹ tôi đem lên cho tôi bị chia hết cho

các chú tiểu *chung vui*, mẹ tôi đã xuống nhà bếp dẫn dò rồi dúi gì đó vào tay dì Lệ, một trong những dì vải thường trực tại nhà bếp của viện. (Khu nhà bếp của viện lớn lắm. Các dì vải lúc đó có khoảng bốn, năm dì, mỗi dì lo mỗi việc, vậy mà cũng phải cần nhiều Phật-tử đến giúp làm công quả thêm hàng ngày mới đủ sức và kịp thì giờ để lo nấu nướng cho hơn hai trăm miệng ăn của viện). Mẹ tôi chỉ nói chuyện riêng với dì Lệ. Ngày hôm sau, tôi xuống bưng cơm dọn cho thầy thì dì Lệ kêu tôi ra sau hiên bếp, đưa tôi một bịch chè và một trái chuối già hương. Dì nói:

"Của mẹ chú gởi tôi mua đó. Ăn đi nghen. Mẹ nói chú ốm xanh quá, phải ăn thêm thứ này thứ nọ mỗi ngày cho có chất bổ."

Tôi cầm bịch chè mà thầm cảm nhận tình thương của mẹ gói ghém gởi đến. Từ ngày tôi vào chùa, mẹ tôi đã không ôm hôn và biểu lộ tình cảm mẹ con đối với tôi như thuở trước nữa. Bà chỉ còn cách gởi đến tôi những món ăn, thức uống nhỏ nhỏ như vậy. Ngày nào cũng vậy, dì Lệ dặn tôi là cứ vào giờ quý thầy ngủ trưa thì xuống bếp để dì đưa chè và chuối mẹ gởi. Có khi mẹ vắng nhiều ngày không lên chùa, những ngày ấy, tôi vẫn cảm nhận được bàn tay chăm sóc của mẹ qua cái bịch chè nhỏ đó. Tôi tìm một chỗ vắng-cả cái viện to lớn rộng rãi như vậy thì thiếu gì chỗ vắng-ngõi xuống hăm hờ soạn cái bịch nhỏ mà tôi biết trước là có bịch chè và trái chuối già hương trong đó, chỉ khác là lúc thì chè khoai, lúc thì chè đậu mà thôi. Tôi không ăn vội. Tôi đâu có đói thiếu gì. Tôi ngồi một lúc để nhớ đến mẹ, rồi dốc ngược cái bịch chè xuống, bóp bóp một chút cho nước dừa được trộn đều; sau đó mới cắn một phát rồi rút một góc đít của bịch ni-lông ra. Mút. Ôi, chè sao mà ngon mà ngọt đến thế!

*

Buổi sáng hôm đó, nhằm ngày mười bốn tháng năm, tức là lúc tôi vào chùa chỉ mới được mười bốn ngày, thầy gọi tôi ra hiên phòng thầy và cạo tóc chừa chòm cho tôi. Tôi sung sướng vô cùng. Từ nay thì không ai chửi cái được rằng tôi đã thành một chú tiểu thực sự. Cái chòm của tôi kéo dài từ giữa đỉnh đầu đến chân mày. Thầy tôi không cho để dài hơn. Thầy dặn hể thấy dài

hơn lông mày là phải cắt, tĩa bớt chút để dài thì trông giống các tiểu ni lắm. Đầu mới cạo tóc trông xanh như có nhuộm mực. Bấy giờ tôi mới nghĩ rằng chữ *đầu xanh* phải áp dụng cho mấy chú tiểu mới cạo tóc chứ không thể dành cho những người có tóc đen thui được. Tôi hân hoan xuống bếp để khoe với dì Lệ, nhờ dì nhắn với mẹ tôi là tôi đã trở thành chú tiểu. Dì Lệ và các dì vải khác dưới bếp, ai cũng vui và khen tôi có cái chòm rất đẹp. Mấy thầy trẻ đi ngang cũng cười vui, xoa đầu tôi. Chưa bao giờ, kể từ ngày vào chùa, tôi thấy mình vui mừng đến độ không kiểm soát được xúc cảm của mình như vậy. Dì Lệ chưa có dịp thông báo cho mẹ tôi thì ngay trưa đó, mẹ tôi đã có mặt. Mẹ tôi chỉ thấy nhớ tôi, muốn thăm tôi mà lên viện chứ chẳng biết gì. Thấy tôi cạo tóc rồi, mẹ cũng sung sướng, kêu tôi ra trước sân chánh điện, chụp nguyên một cuộn phim để lưu niệm.

Ngày đầu được cạo tóc, tôi tưởng như vậy đã là thành tựu lớn cho ý nguyện xuất gia của mình rồi. Nhưng buổi tối, trước khi ngủ, thầy tôi dạy rằng, tôi chỉ mới bắt đầu bước thứ nhất cho hành trình vạn dặm tiến đến mục tiêu tối hậu của người xuất gia. Không kiên cường dũng mãnh thì không sao đi trọn được con đường chông gai đó. Dù nghe thầy nói trước sự gian nan khổ nhọc của người xuất gia như vậy, tôi vẫn thấy tự tin trong lòng. Tôi cứ đưa tay sờ lên cái đầu láng bóng của mình. Thấy ngồ ngộ mà thích thú làm sao. Từ nay tôi đã biến dạng rồi, đã thành một con người khác rồi. Tôi mỉm cười nằm xuống ngủ. Trước khi vào giấc ngủ, tôi nghĩ, có lẽ cuối con đường vạn dặm mà thầy nói đó, là phương trời cao rộng mà tôi hằng mơ ước.

(mời đón đọc chương 5, kỳ 2)

Vĩnh Hào



VÀI HỒI ỨC VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 5

Huỳnh Kim Quang

Hàng người dài bất tận, im lặng, chăm chú nhìn vào ngọn nến cầm trên tay và theo dõi từng bước chân, đi tới, đi tới mãi..., dưới bầu trời đêm vắng lặng trong khuôn viên rộng mênh mông của khách sạn Town Country Resort Hotel thuộc thành phố San Diego, miền Nam California, Hoa Kỳ, vào đêm thấp nền cầu nguyện của Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 5 được tổ chức từ ngày 6 tới 10 tháng 8 năm 2015.

Đó là một trong nhiều hình ảnh tuyệt đẹp còn đọng lại trong ký ức của tôi về Khóa Tu Học mà tôi lại có dịp tham dự thêm lần nữa, lần thứ 5.

Nhìn ngọn nến trong tay dù được che bởi chiếc ly nhựa trong suốt, tôi vẫn thấy nó thật yếu đuối, mong manh dễ tắt, chỉ cần một cơn gió nhẹ, một hơi thở mạnh cũng đủ làm ngọn nến tắt liền. Có lẽ vì vậy, mọi người đều cẩn thận từng hơi thở, từng bước đi để giữ cho ngọn nến trên tay còn sáng mãi cho hết thời kinh hành cầu nguyện.

Đối với tôi, đêm kinh hành thấp nền không chỉ là đêm cầu nguyện cho thế giới hòa bình và chúng sinh an lạc, mà còn là thời khóa thực nghiệm những gì được học hỏi từ khóa tu rất hữu hiệu. Suốt thời gian hơn nửa giờ kinh hành quanh khách sạn với ngọn nến trên tay là thời gian tốt nhất để thực hành việc điều phục thân, điều phục hơi thở và điều phục tâm, hay nói cách khác là làm điều phục ba nghiệp. Để ý từng bước chân, bước đi nhẹ nhàng khoan thai, từng cử động của mình và người chung quanh, để ý từng hơi thở ra vào, với tâm bình lặng giữa khung trời đêm nơi thành phố biển với khí hậu mát mẻ dù đang giữa mùa hè nắng nóng của tiểu bang hạn hán California, đó chẳng phải là nhiếp tâm chánh niệm, là tu hay sao! Khi nhìn vào ngọn nến lung linh, tôi nhận thức rằng giữa đêm đen cuộc đời vì vô minh che phủ, ánh sáng trí tuệ là điều cần thiết hơn bất cứ gì để giúp mình tự soi đường giải thoát khổ đau. Nghĩ tới đó tôi thấy lòng mình ấm cúng, cảm nhận ân đức của Phật Pháp đang nuôi



dưỡng cuộc sống của mình để có thể có được sự bình an giữa cuộc đời khổ não.

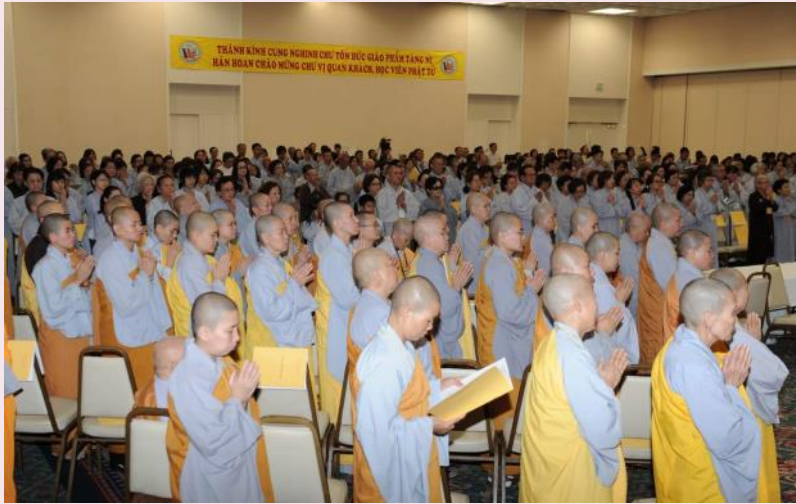
Không phải chỉ có mình tôi mà tất cả mọi người tham dự khóa tu đều thụ hưởng được sự an lạc không chỉ một thời kinh hành thấp nền cầu nguyện mà nhiều thời khóa tu và học của khóa tu kéo dài 4 ngày với sự tham dự của Tăng, Ni và Phật tử gồm khoảng trên 500 vị.

Vì bận việc làm, nên mãi tới tối Thứ Sáu tôi mới đến được khóa tu, vốn đã bắt đầu từ tối Thứ Năm. Thời khóa tham dự đầu tiên của tôi tại khóa tu học là thời ngồi thiền và công phu vào 5 giờ rưỡi sáng Thứ Bảy. Mọi người từ các phòng khách sạn lần lượt vào chánh điện trong im lặng. Đèn tắt. Cả không gian rộng lớn của chánh điện với mấy trăm người đang có mặt như chìm vào một vũ trụ mênh mông thình lặng nào đó. Tiếng bảng mộc ngân lên. Giọng hô canh buổi sáng của Thầy Nhật Trí trầm ấm, thien vị cất lên:

*"Ngũ canh dĩ đáo pháp môn khai,
Phổ nguyện đồng đẳng Bát nhã đài,
Liễu triệt tam thừa dung nhị đế,
Cao huyền tuệ nhật tịnh vân mai."
(Canh năm đã đến mở cửa thiền,
Hết thầy chúng sinh ngộ bản tâm,
Ba thừa thấu suốt lòng tự tại,
Mặt trời trí tuệ xóa mây giăng.)*

Rồi tắt cả các pháp đều lắng xuống. Lặng yên. Không một lời. Không một tiếng động. Thình thoảng thật hiếm hoi đó có tiếng ho khan vọng lên, rồi mất hút. Cả pháp giới chừng như cõi thình lặng tuyệt cùng. Bao nhiêu phiền não, đau khổ, bất an bên ngoài cuộc đời giờ đây tan biến theo cõi thời không tịch lặng. Khi tiếng chuông báo dứt thời tọa thiền ngân lên và đèn trong chánh điện bật sáng, tôi có cảm nhận dường như đây là một thế giới khác. Lòng bình an. Thế giới bình an. Với tôi, những giờ phút bình an như thế này chính là phần thưởng vô giá





trong cuộc đời mà tôi nhận được từ khóa tu. Nó luôn luôn là chất liệu an lạc nuôi dưỡng tâm thức chạy mãi trong dòng sống thường nghiệm hàng ngày của một người bình phàm như tôi.

Cả ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật, diễn ra nhiều thời khóa mà tôi không thể nào tham dự hết dù rất muốn, vì nhiều thời khóa trùng giờ. Nhiều lớp học Phật Pháp với nhiều đề tài cho nhiều căn cơ và trình độ khác nhau. Có các lớp dạy về những giáo lý cơ bản của Phật Pháp. Có lớp dạy về những chủ đề cao hơn, chuyên môn hơn của giáo lý nhà Phật. Khách sạn rộng mênh mông và phòng ốc thật là đầy đủ để Ban Giám Học chia thành nhiều lớp học cùng một giờ. Có những lớp hội thảo về các chủ đề đặc biệt dành cho chư Tăng, Ni. Cũng có những lớp học được giảng dạy bằng tiếng Anh thuần túy dành cho những vị lớn tuổi và trẻ em không rành tiếng Việt. Ngoài ra còn có những thời giảng chung cho tất cả đại chúng. Sau những thời công phu sáng, có chư tôn đức Trưởng Lão Hòa Thượng khai thị để giúp người tham dự đi sâu thêm vào việc thực hành và tiếp thụ Chánh Pháp hữu hiệu hơn.

Buổi sáng Chủ Nhật, ngày cuối cùng của khóa tu tất cả đại chúng đều có thể nêu câu hỏi về những điều chưa hiểu rõ đối với Phật Pháp để chư Tăng, Ni giải thích cặn kẽ hơn trong thời Phật Pháp Vấn Đáp kéo dài hai tiếng đồng hồ. Vậy mà vẫn còn nhiều câu hỏi được viết trên giấy đưa lên làm quý Thầy phải lấy thêm giờ vào buổi chiều trong thời hội thảo.

Thời Phật Pháp Vấn Đáp luôn luôn là những giây phút sinh động, hào hứng nhất của khóa tu, vì mọi tham dự viên đều có nhiều vấn đề từ giáo lý đến việc áp dụng Phật Pháp vào đời sống hàng ngày muốn được đem ra hỏi để chư tôn đức giải đáp cho. Có nhiều câu hỏi rất sâu sắc, rất thực tế mà một khi nêu ra làm cho mọi người có mặt trong hội trường đều cảm nhận lợi lạc để hiểu biết thêm.

Thời hội thảo về "Tại Sao Giới Trẻ Ít Đến Với Đạo Phật" là một đề tài không những mang tính hiện thực mà còn là vấn nạn đối với Phật Giáo Việt Nam tại xứ người. Đề tài đã được Thượng Tọa Thích Hạnh Bình, Thượng Tọa Thích Nhật Trí, Ni Sư Thích Thiên Tuệ, Cư Sĩ Quảng Thành Bùi Ngọc Đường, và Huỳnh Trưởng GDPT Tâm Thường Định Bạch Xuân Phê phân tích nguyên nhân, thực trạng và đề ra các giải pháp khả thi. Chư tôn đức Tăng, Ni và tất cả người tham dự khóa tu đều có mặt trong thời hội thảo này. Thuyết trình đoàn đề cập đến thực trạng chung của giới trẻ thuộc mọi tôn giáo nói chung và Phật tử nói riêng đều ngày càng ít đến chùa. Theo thuyết trình đoàn, có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, mà trong số đó là tuổi trẻ ngày càng chạy theo những thú vui ngoài đời như âm nhạc, chơi game, các dụng cụ điện tử hiện đại, đặc

biệt là sự già cỗi, khô khan, thiếu thích nghi của các sinh hoạt tôn giáo. Đối với giới trẻ Việt Nam tại hải ngoại thực trạng đó xảy ra khá phổ biến vì ngoài những nguyên do trên còn có sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa và tôn giáo của thế hệ cha mẹ đi trước và thế hệ con cái mới sinh trưởng ở nước ngoài. Thuyết trình đã đề ra một số giải pháp, gồm việc cha mẹ nên cố gắng lắng nghe con cái, chịu khó học tiếng Anh để có thể tiếp cận trao đổi, lắng nghe và hướng dẫn con cái; cha mẹ cần quan tâm đặc biệt đến việc nuôi dạy con cái từ lúc còn ở trong bụng mẹ đến khi trưởng thành, chịu khó đưa con đi chùa làm quen với sinh hoạt chùa chiền và gieo vào tâm thức các em hình ảnh của đức Phật tử bi và trí tuệ; cha mẹ cũng cần noi gương cho con cái trong việc ứng dụng niềm tin tôn giáo và ứng dụng giáo pháp vào cuộc sống hàng ngày, v.v...

Khóa tu năm nay đã có sự quang lâm chứng minh và hướng dẫn, giảng dạy của chư tôn đức Giáo Phẩm trong GHPGVNTN Hoa Kỳ và Canada, như Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, HT Thích Tín Nghĩa, HT Thích Phước Thuận, HT Thích Nguyên An, HT Thích Nguyên Trí, HT Thích Thái Siêu, HT Thích Nguyên Hạnh, HT Thích Bốn Đạt, HT Thích Minh Mẫn, HT Thích Thông Hải, HT Thích Nguyên Siêu, HT Thích Minh Dung, HT Thích Nhứt Huệ. Đặc biệt năm nay có sự quang lâm của HT Thích Quảng Ba và HT Thích Minh Hiếu từ Úc Châu qua. Ngoài ra, Ban Giám Học đã thỉnh mời được nhiều vị giáo thọ uy tín đến giảng dạy, như Hòa Thượng Thích Nguyên Hạnh, Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Thượng Tọa Thích Thông Triết, TT Thích Tâm Hòa (từ Canada), TT Thích Minh Hạnh, TT Thích Đức Trí, TT Thích Hải Chánh, TT Thích Nguyên Thông, TT Thích Nhuận Dung, Đại Đức Thích Tín Mẫn, ĐĐ Thích Nhật Châu, ĐĐ Thích Tâm Thành, Ni Sư Thích Giới Hương, Sư Cô Thích Thiện Ngọc, với hai vị MC quen thuộc là TT Thích Nhật Trí và ĐĐ Thích Hạnh Tuệ.

Lễ Bế Giảng Khóa Tu diễn ra trang nghiêm vào chiều Chủ Nhật với sự quang lâm chứng minh của chư tôn đức Tăng, Ni và sự hiện diện của toàn thể tham dự viên khóa tu. Trong Lễ Bế Giảng đã giới thiệu thành phần nhân sự sơ khởi của Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 6, gồm Ni Sư Thích Nữ Giới Châu, Ni Sư Thích Nữ Nguyên Thiện, v.v... Địa điểm và thời gian sẽ được Ban Tổ Chức thông báo sau.

